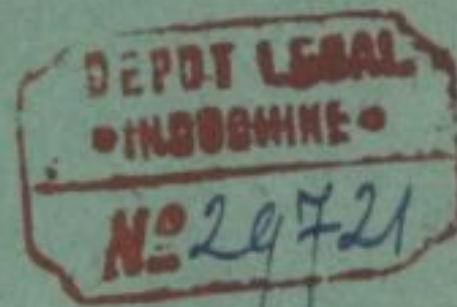


DÉPÔT LÉGAL

TRUNG-KỲ HỘ-SỰ THƯƠNG-SỰ TỔ-TỤNG PHÁP

— 2122 —

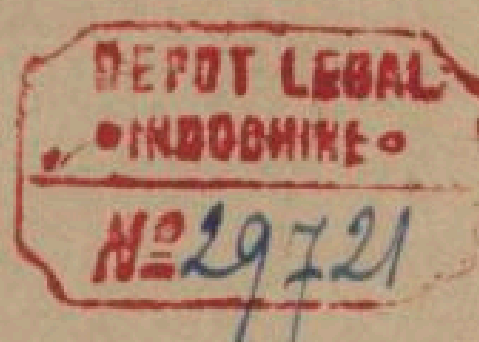


1944
—
IMPRIMERIE VIEN-DE
13, QUAI DE LA SUSSE
HUÉ

80
Indoch
2654

2654

1891-1892



TRUNG-KY HỘ-SỰ THƯỜNG-SỰ
TỔ-TỤNG PHÁP



80 Indoch.
2654

1805

1805

1805

1805

Trung-Kỳ Hộ-Sự Thương-Sự Tô-Tụng Pháp

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Nói về việc hòa giải ở ngoài tòa-án

Điều thứ nhất. — Các quan lại ta, các chánh phó tổng và các hương chức phải hiểu thị cho nhân dân biết rõ quyền-lợi và nghĩa-vụ của họ và được phép giải hòa những việc của họ đến thừa đã xảy ra trong địa hạt mình.

Tuy nhiên các người đương-sự được tới thẳng tòa-án sở quan mà thưa kiện.

Điều thứ 2. — Nếu các công-chức trên này có thể khuyên các người đương-sự cùng nhau hòa giải được thì lập biên-bản hòa giải ở trước mặt họ.

Biên-bản ấy sẽ do người công-chức đứng hòa giải ký tên và áp triện vào, các người đương-sự cũng phải ký theo, nếu người đương-sự có duyên cớ trở ngại không ký được thì phải bị chú vào biên-bản. Gặp trường-hợp này thì tìm một người kỳ-dịch đàn anh đến giúp cái người đương-sự không biết ký hay là không thể ký ấy. Người kỳ-dịch ấy xem biên-bản hòa giải và nghe lời đương-sự ấy khai rằng y công nhận lời lẽ trong biên-bản là đúng cả, rồi thì ký vào biên-bản và người đương-sự ấy in dấu ngón tay vào.

Nếu hương-chức đứng làm hòa giải không phải là lý-trưởng thì sau khi xét chắc hai bên đương-sự đã đồng ý về nội dung biên-bản hòa-giải rồi, thì lý-trưởng phải ký áp vào biên-bản ấy để nhận thực.

Điều thứ 3. — Biên-bản hòa-giải phải làm ra hai bản chánh. Một bản thời lưu ở văn-quĩ của viên-chức đứng làm hòa-giải, còn một bản thời gửi ngay lên quan Chánh-thầm tòa sơ-thẩm xử việc hộ ở nơi sở-tại.

Khi tiếp được biên-bản hòa-giải thời quan-tòa sức sao biên ngay vào quyển sổ dùng về việc ấy ở phòng lục-sự của tòa-án và cái biên-bản hòa-giải ấy phải cất vào văn-quĩ phòng lục-sự. Khi có một người đương-sự khiếu-nại về việc sao biên ấy thời sự hòa-giải của người ấy đối với các người đương-sự khác coi như là bị tiêu-hủy. Gặp trường-hợp này thời sao biên-bản vào sổ nhưng bị chú sự khiếu nại hay sự xin thu hồi ở trên đầu biên-bản, rồi quan-tòa cùng lục-sự và người đương-sự đã khiếu nại ấy ký vào, nếu người này không biết ký hay không thể ký thời in dấu ngón tay vào. Sự khiếu nại phải do lục-sự và người công-chức đứng hòa-giải biên vào trên đầu của mỗi bản-chánh của biên-bản hòa-giải. Người công chức ấy sẽ do quan-tòa gửi bản sao câu bị chú cho mà biên vào.

Điều thứ 4. — Giấy hòa-giải sao biên trước khi khiếu nại hay là trước khi thu hồi thời đối với hai bên đương-sự là một công chánh chứng thư.

Nếu bên đương-sự nào có xin cấp phát một bản phó hay trích-lục biên-bản hòa-giải ấy thời sẽ do viên lục-sự cấp phát cho.

Tuy nhiên khi nào giấy hòa-giải sao biên sau khi một bên đương-sự có khiếu nại hay là xin thu hồi thời sẽ do quan-tòa định có nên cấp phát hay không và chỉ cấp phát bản phó khi có cả lời bị chú biên ở trên đầu tờ đăng ký nữa.

Thề-lệ này đem thi-hành cho tất cả các quan-lại có chức-trách làm hòa giải định ở điều thứ 19 luật Trung-Kỷ Pháp-Viện Biên-Chế.

Điều thứ 5. — Các lời đính ước của hai bên đương-sự biên trong biên-bản hòa-giải mà đã đăng ký hợp phép trước khi một người đương-sự khiếu nại hay xin thu hồi thời có hiệu lực của một khoản ước thư.

Giấy hòa-giải thời phải theo thể-lệ thông thường của các khoản-ước. Khi nào trong lúc hòa-giải có một bên đương-sự chưa có tư-cách hòa-giải mà chịu hòa-giải và sau này người ấy có đủ tư-cách rồi mà lại không thừa-nhận, thời giấy hòa-giải đó không có hiệu lực gì đối với người ấy.

Điều thứ 6. — Khi hòa-giải bất thành thời không thể dựa vào lời một bên đã khai nhận trong lúc thử làm hòa-giải mà xử việc tương-tranh được. Đối với giấy hòa-giải mà có một bên khiếu-nại hay xin thu hồi trước khi sao biên-bản hòa-giải vào quyển sổ để phòng lục-sự thời cũng thế.

CHƯƠNG THỨ II

Nói về phiên tòa

Điều thứ 7. — Phạm phiên tòa xử về hộ-sự và thương-sự thời phải công khai, trừ khi nào luật có biệt định thời không kể.

Điều thứ 8. — Những thể-lệ định ở chương IV trong Hình-vụ tổ-tụng pháp nói về cách giữ gìn trật-tự và đàn-áp ở phiên tòa cũng ở những nơi mà quan-tòa làm chức vụ thời cũng đem thi hành ở phiên tòa và thủ tục về hộ-sự và thương-sự.

Quan tòa và lục-sự khi ở phiên tòa xử việc hộ-sự và thương-sự cũng phải mặc y phục theo lệ định.

Ở phiên tòa ngoại nha môn thời không bắt buộc phải mặc y phục ấy.

Điều thứ 9. — Các quan tòa-án hộ cũng như các quan tòa án hình đều được chiếu những thể-lệ định ở các điều 171 và 172 trong Hình-vụ tổ-tụng pháp mà làm; các quan ấy được trừng phạt ngay những lỗi vi cảnh phạm ở phiên tòa định ở điều 173 trong hình-vụ tổ-tụng pháp ấy.

Những án hình mà do quan tòa-án hộ đặt cách xử như vậy đều thuộc quyền tòa-án cấp trên xử về việc hình phúc duyệt; vậy khi nào có kháng cáo hay khi nào luật có định rằng việc vi-cảnh ấy phải đệ lên tòa-án trên để duyệt y hay duyệt cải thời phải đệ hồ-sơ lên tòa-án hình cấp trên.

Điều thứ 10. — Đối với những tội đại hình và trùng-trị phạm trong những trường-hợp định ở điều 173 ấy, thời quan tòa-án xử việc hộ sẽ lập ra biên bản nói rõ duyên do mà gửi sang tòa án hình sở quan xét xử.

Nếu cần thời quan tòa-án hộ truyền bắt những người bị can mà giải ngay cho quan tòa-án hình.

Điều thứ 11. — Nếu những người phạm pháp đó không phải là dân ta thời quan tòa xử việc hộ cũng làm như quan tòa xử việc hình và cũng có các quyền như quan tòa này.

Điều thứ 12. — Ở phiên tòa-án hộ có một quyền sở do viên lục-sự giữ gọi là sổ đình-kỳ thăm-vấn như đã nói ở điều 169 trong Hình-vụ tổ-tụng pháp và cũng đề biên những câu thăm-vấn ở phiên tòa.

Khi nào đương phiên tòa mà tòa-án định hoãn đến một phiên tòa sau nào mới xử thời viên lục-sự tuân lệnh quan tòa mà giao cho mỗi bên đương-sự một tờ văn-tất bảo cho biết rằng phiên tòa sau ấy mà chúng y lại phải đến hầu ấy định vào ngày nào (phải biên cả ngày ta và ngày tây).

CHƯƠNG THỨ III

Thủ tục ở trước tòa sơ-thẩm việc hộ.

TIẾT THỨ I

Nói về đơn khởi tố.

Điều thứ 13. — Chỉ người nào có việc gì quan hệ đến mình mới có quyền được đầu đơn thưa kiện mà thôi.

Điều thứ 14. — Thưa kiện thời phải làm đơn, trong đơn người nguyên-cáo phải kê rõ họ, tên, tuổi, nghề-nghiệp, sinh quán, trú quán, thưa về điều gì, duyên cớ thế nào, kết luận thế nào, kê rõ các giấy má xuất trình và kê rõ họ, tên và trú quán của người bị cáo.

Trong đơn, người nguyên cáo hay người ủy quyền của người ấy phải ký tên vào. Nếu người nguyên cáo không viết đơn lấy thời người tả đơn phải ký tên và biên trú quán của mình vào; người nguyên cáo nào không biết ký hay không thể ký thời phải in dấu ngón tay vào.

Điều thứ 15. — Mỗi lá đơn chỉ được thưa về một việc trước tòa-án sở quan.

Đơn làm phải đủ lẽ và nhất định, đơn đã trình quan tòa rồi thời không được thêm gì vào nữa, trừ ra các khoản gì có trực tiếp liên hệ ngay với việc kiện trong đơn thời không kể.

Điều thứ 16. — Nếu đơn khởi tố là thuộc về của người vị thành-niên hay người bị cấm quyền mà cha chết rồi hay vô tư-cách về đường pháp luật, nếu có người giám hộ thời do người giám hộ đầu đơn. Nếu không có người giám hộ mà mẹ còn sống thời do mẹ hay là do người bà con gần nhất đầu đơn. Quan tòa thọ lý đơn ấy nếu xét ra cần thời sẽ nghĩ cách đặt người giám hộ.

Điều thứ 17. — Nếu con cháu muốn thừa kiện người tôn trưởng trực hệ của mình, thời phải do người trưởng tộc đứng đầu đơn, người trưởng tộc này phải đòi ra dự sự.

Nếu người trưởng tộc không thể hay là không chịu đứng kiện, thời sẽ do quan Thượng-Thơ bộ Tư-Pháp hay quan đại diện của quan ấy đứng đầu đơn. Quan Thượng-Thơ Bộ Tư-Pháp tiếp được giấy xin của người con cháu ấy, thời xét các điều cần thiết rồi sẽ thương Chánh-Phủ Bảo-Hộ ý hiệp mà liệu định có nên đầu đơn kiện thay cho người con cháu ấy trước sở quan hay không.

Gặp việc kiện như thế thời không cần thử làm hòa-giải. Các khoản xử hơn hay là thua và các tiền lệ-phí thời chỉ đích thân người con cháu có quan hệ về việc ấy được hưởng hay phải chịu mà thôi.

Điều thứ 18. — Khi kêu xin nhiều điều tuy do nhiều người đương sự kêu xin, nếu nhiều điều ấy đều thuộc về một nguyên nhân và một chủ kiến thời cũng được làm một đơn mà tất cả các người kêu xin ấy ký vào.

Một người nguyên cáo cũng có thể kêu nhiều việc khác nhau trong một đơn, miễn là chỉ thừa kiện một người bị cáo mà thôi mới được.

Nhiều người nguyên cáo có thể làm một đơn mà kiện nhiều người bị cáo vì một nguyên nhân và một chủ kiến.

Điều thứ 19. — Đơn khởi tố thời do người nguyên cáo hay do một người thay mặt đem nộp cho viên lục-sự tòa sơ thẩm xử việc hộ sở quan. Viên lục-sự khi nhận đơn thời thu luôn món tiền ký nạp lệ-phí đã do lệ định mà xuất biên lai, trừ khi nào người kêu đơn được tư-pháp bảo trợ thời không kê, rồi đăng ký đơn ấy vào sổ thọ lý.

Điều thứ 20. — Tòa-án sơ-thẩm xử việc hộ sở quan là tòa-án sau này :

Khi việc kiện đối với người hay là về động sản thời tòa-án sở quan là tòa-án nơi trú sở của người bị cáo hay nơi trú sở của một người trong những người bị cáo khi có nhiều người bị cáo mà trú sở ở trong những địa hạt khác nhau.

Khi việc kiện thuộc về bất-động-sản, thời tòa-án sở quan là tòa-án nơi bất-động-sản ấy tọa lạc.

Khi việc kiện vừa thuộc về động-sản vừa thuộc về bất-động-sản thời tòa-án sở quan là tòa-án nơi bất-động-sản tọa lạc hoặc là tòa-án nơi trú-sở người bị cáo.

Những việc kiện về di sản thời tòa-án sở quan là tòa-án nơi tài-sản của người mệnh một thành ra di-sản (nghĩa là nơi nào mà chiếu luật là trú sở cuối cùng của người mệnh một).

Điều thứ 21. — Người nguyên cáo phải đính theo đơn các giấy má sau này:

- 1) Nếu kiện nợ, thời đính văn khế cho vay nợ;
- 2) Nếu kiện về bất-động-sản, hay là về bất-động-sản và động-sản thời đính theo bản trích sao địa bộ trong làng (nếu khi xin cấp bản trích sao ấy được), và các từ khế cùng giấy má tổ quyền nghiệp-chủ.
- 3) Nếu khi thân thuộc kiện nhau thời phải đính theo bản thế thứ đồ.

Khi nào có sự tranh nại về thế thứ đồ ấy, nếu có chứng thư nhân thế-bộ thời quan tòa có thể bắt xuất trình trích-lục chứng thư ấy.

Điều thứ 22. — Viên lục-sự phải chịu trách nhiệm về các giấy má đã ký tồn ấy. Viên ấy phải ghi vào một quyển sổ riêng các giấy má ấy và phải xuất biên lai cho người đương-sự, đồng thời lại biên lên từng tờ giấy ấy rằng giấy đó thuộc

về việc số mấy trong sổ thọ lý thời bị chú luôn cái ngày mà người đương-sự đem ký tồn. Hễ có cạo tầy hay có lòng gian mà bỏ đi một câu bị chú, hoặc là chữ ký hay ấn tích ấy thời sẽ chiếu điều 248 luật hình mà truy cứu người đồng-phạm hay từng-phạm về tội ấy.

Người đương-sự được đem ký tồn bản sao các từ khế và giấy má, nhưng khi nào quan tòa đòi bản chánh thời phải đem tới. Trong trường-hợp này, viên lục-sự xét xem bản sao có đúng với bản chính hay không, rồi biên chú giấy ấy thuộc về cái việc số mấy trong sổ thọ-lý và ngày ký tồn bản sao ấy cũng phải biên chú ở bản sao rằng bản này y như bản chánh rồi viên lục-sự và người ký tồn đều ký vào dưới câu bị chú ấy, nếu người đương-sự này không thể ký được thời in dấu ngón tay vào trước mặt quan-tòa. Quan-tòa cũng ký vào để kiểm-sát.

Viên lục-sự có thể tùy tình trạng được quan chánh-thẩm tòa-án tỉnh thương với Chánh-Phủ Bảo-Hộ ý hiệp mà cho phép từ chối không nhận bản-chánh các từ khế và giấy má, trong trường-hợp này thời viên lục-sự lập ra một bản sao và làm theo như đã nói ở đoạn trên này mà không phải chịu tiền lệ phí gì.

Điều thứ 23. — Khi đã nạp đơn rồi, viên lục-sự trình quan-tòa xem đơn ngay và nếu cần thời hỏi thêm người nguyên-cáo về những điều cốt-yếu rồi lập ra biên-bản về việc ấy có quan-tòa, viên lục-sự và người nguyên-cáo ký vào. Nếu người nguyên-cáo không ký được thời in dấu ngón tay vào. Nếu có các giấy má cần mà không đem ký tồn bản chánh hoặc bản sao như đã nói ở điều 21 trên này, thời quan-tòa sức người nguyên-cáo phải đem nạp ngay bản chánh hoặc bản sao về các giấy má mà y hiện giữ, bảo cho y biết rằng chỉ khi nào ký tồn giấy má ấy rồi tòa-án mới tấn hành công việc, và nếu quá hạn một tháng mà không nạp thời sẽ xóa bỏ việc ấy đi, không xử án nữa.

Điều thứ 24. — Khi nào đã đính theo đơn khởi tố các từ khế và giấy má do người đương sự xuất trình nên hồ sơ đã đủ giấy má đề xử thì quan-tòa định ngày giờ cho hai bên đến hầu để thử làm hòa-giải ở trong phòng giấy.

TIẾT THỨ II

Nói về trát đòi và cách tổng đạt.

Điều thứ 25. — Khi nào quan-tòa đã định ngày giờ phiên tòa hòa-giải rồi thì viên lục-sự phải làm ngay các bản chánh và bản sao trát đòi mà đòi hai bên nguyên bị đến hầu.

Bản chánh trát đòi nguyên cáo phải làm riêng với trát đòi người bị cáo, nhưng có thể làm một bản chánh mà đòi nhiều người nguyên-cáo hoặc nhiều người bị cáo ở chung một làng.

Mỗi người đương-sự phải có một bản sao trát đòi.

Trát đòi bất cứ là bản chánh hay bản sao phải biên rõ ngày, tháng và năm làm ra trát, họ, tên, nghề-nghiệp và trú quán của người nguyên cáo và người bị cáo, nói tóm tắt việc kiện, tòa-án nào xử việc ấy cùng ngày tháng giờ nào đến hầu. Nếu không biên đủ thời vô hiệu.

Trên đầu bản trát, ở khoảng lưu không, phải biên bằng chữ to một câu bảo người có trát đòi phải giữ bản sao ấy, để về sau vào hầu quan tòa cho dễ dàng.

Điều thứ 26. — Người chức-dịch có trách nhiệm tổng đạt và thừa hành mệnh lệnh của tòa-án là các lý-trưởng, khi nào lý-trưởng đi vắng hay là có sự gì ngăn trở thời sẽ do người chức-dịch đã được quan cử làm thay.

Tuy nhiên quan-tòa có thể tùy tình trạng làm ra giấy mà cử một viên dịch thuộc quyền mình tổng đạt.

Điều thứ 27. — Quan tòa chuyển giao bản chánh và bản sao trát đòi đã do viên lục-sự làm sẵn, cho lý-trưởng nơi trú quán của người nguyên cáo, bị cáo đề tổng đạt cho họ, và phải chỉ rõ rằng trát ấy phải lục tổng đến ngày nào là cùng.

Điều thứ 28. — Trát đòi thời giao cho đích thân hay là đưa đến trú sở người bị đòi, và cho người ấy đủ ngày giờ đến hầu, ít ra cũng phải đòi 8 ngày tròn trước ngày phiên tòa.

Điều thứ 29. — Những chức dịch tổng trát thời phải làm như sau này :

Nếu gặp người đương-sự thời đọc rồi giao cho bản thân người ấy, mỗi người một bản ;

Nếu không gặp người đương-sự thời giao về nhà nó ở hoặc đưa cho người nhà y hoặc giao người láng giềng nào chuyên giao cho y.

Người tổng trát bảo cho người bị đòi phải giữ bản sao trát đòi đề về sau vào hầu quan tòa cho được dễ dàng.

Nếu vạn nhất không thể giao cho bản thân y và cũng không thể giao về nơi nó ở được ; thời phải đem gián ở đình làng nơi trú sở cuối cùng của y mà quan đã biết được, vào chỗ mọi người đều thấy và gián như vậy rồi thời coi là đã tổng trát hợp phép.

Điều thứ 30. — Người chức dịch tổng trát phải làm ra biên bản ở sau bản chánh trát đề kể sự thiệt về cách tổng đạt mình đã làm, rồi đề ngày vào.

Những người nào đã tiếp bản sao trát đòi phải ký tên vào dưới biên bản ấy, và nếu không biết ký hay không thể ký được thời in dấu ngón tay vào, in ngón tay giữa bên hữu thời hơn. Nếu không chịu ký, thời trong biên bản phải chua vào và làm một cái biên bản riêng về việc ấy biên tên những người chứng rồi giao cho tòa án sở quan chiếu điều 418, mục thứ 2 luật hình mà truy cứu người không chịu ký ấy.

Khi tổng trát bằng cách gián trát ở đình làng nơi trú sở cuối cùng của người đương-sự, thời chức dịch tổng trát phải nhờ một người ký hào đàn anh ký vào biên bản tổng đạt đề chứng nhận cách tổng trát ấy.

Điều thứ 31. — Người chức dịch đứng tổng trát phải trả ngay bản chánh trát đòi cho quan tòa đã ủy mình tổng đạt, có cả biên bản nói việc tổng đạt nữa, nếu không thời sẽ bị truy cứu theo điều 418, mục thứ II luật hình và ngoài ra có khi sẽ bị phạt nặng hơn nữa.

Những thể lệ nói ở chương này là định cách thức thông thường của trát đòi và cách tổng đạt. Khi nào luật không định riêng về việc này thời thể-lệ về tổng trát ấy đem thi hành cho tất cả các thủ tục tư-pháp, nếu không như thế thời vô hiệu.

Bất cứ về việc gì, hễ khi tổng trát không đúng phép, thời quan tòa có thể truyền tổng trát lại, mà cái viên chức tổng trát không hợp phép đến nỗi thành vô hiệu ấy phải chịu phí tổn.

TIẾT THỨ III

Về việc hai bên đến hầu

Điều thứ 32. — Người đương-sự phải thân hành đến hầu trước quan tòa và tòa án bộ.

Người giám hộ đến hầu thay cho người vị thành-niên do mình giám hộ.

Người chồng được đến hầu thay cho người vợ mà mình đã thay mặt đúng phép, nhưng quan tòa có thể truyền người vợ phải thân hành đến hầu hay là buộc phải có giấy của người vợ ủy quyền cho người chồng thay mình mà có công chức thị thực trong các trường-hợp cần phải có mặt người vợ, ví dụ như khi xét việc điều đình của người vợ có giá trị hay không.

Người đương-sự có thể do người thừa kế hay người hội hữu thay mặt đúng phép về quyền lợi chung và những điều khoản mà người này đã thuận điều đình thời cũng buộc những người đã có trát đòi đúng phép mà không đến hầu, trừ khi có sự gian trá rõ ràng thời không kể.

Điều thứ 33. — Bất cứ người đương-sự nào đều được làm giấy ủy quyền có công chức thị thực mà nhờ vợ hay là chồng mình, tôn thuộc hay ty thuộc, anh em chị em, chú bác, cô dì mình thay mặt mình.

Người đương-sự đến hầu có thể do một người nói ở trên này dự với mình trong các công việc thủ tục mà thôi phải có giấy ủy quyền gì.

Điều thứ 34. — Người thọ ủy có giấy ủy quyền có công chức thị thực được thay mặt đúng phép người ủy quyền trước quan tòa và tòa án hộ.

TIẾT THỨ IV

Nói về việc hòa giải ở trước tòa án.

Điều thứ 35. — Bất cứ kiện về việc gì, quan tòa án hộ sơ-thẩm phải thử hòa giải hai bên, trừ ra khi nào luật có định miễn làm hòa giải thời không kể.

Sự thử làm hòa giải ấy có biên bản hòa giải thành hay là không thành làm bằng.

Điều thứ 36. — Khi đến ngày giờ của phiên tòa hòa giải quan tòa sức đòi người đương-sự hay người thay mặt người ấy vào hầu.

Phiên tòa hòa giải thời họp ở phòng kín, quan tòa có viên lục-sự giúp việc và có viên dịch giữ trật tự, các người này phải giữ kín cuộc thẩm vấn mà mình là người chứng vì chức vụ.

Điều thứ 37. — Quan tòa trước hết phải xét kỹ căn cước của người đương-sự hay người thay mặt của người ấy đến hầu trước mình.

Vậy phải truyền họ xuất trình giấy căn cước của họ, hay là phải xuất trình bản sao trát đòi, và người thọ ủy phải xuất giấy ủy quyền nữa.

Cách xét căn cước của mỗi người đến hầu và tư cách của người đại diện phải biên kỹ vào biên bản.

Điều thứ 38. — Khi nào người đương-sự đã đến hầu thời không được viện lẽ gì mà kêu rằng trát đòi ấy là vô hiệu nữa, chỉ trừ ra khi nào trong trát có biên lăm câu tóm tắt việc kiện làm cho người đương-sự khó lòng sửa soạn được lời chống cãi, thời không kể.

Điều thứ 39. — Nếu hai bên nguyên bị đều có đến hầu thời quan tòa nghe người nguyên cáo khai rồi đến người bị cáo, xét giấy má của mỗi bên xuất trình, hiểu thị cho họ biết quyền lợi của họ và thử làm hòa giải mà nói rõ sự tiện lợi về vật chất và tinh thần của việc hòa giải.

Điều thứ 40. — Nếu hòa giải thành thời làm ra biên bản biên rõ lời giao ước của hai bên.

Biên bản hòa giải do tòa án làm ra có giá trị là lời giao ước của hai bên như đã nói ở điều thứ 3 và thứ 4 trên này về biên bản hòa giải không phải lập ở trong tòa án.

Điều thứ 41. — Nếu hòa giải không thành thời cũng lập ra biên bản mà không phải nói gì đến những lời khai nại của hai bên cả.

Những lời khai trong thủ tục hòa giải không kể là lời thú nhận trước quan tòa và về sau xét việc tương tranh thời quan tòa không nên bằg vào những điều hai bên đã khai và đã nhận trong khi hòa giải.

Điều thứ 42. — Khi hòa giải bất thành thời quan tòa định phiên tòa án hộ sơ thẩm và sức hai bên nguyên bị ra hầu và hai bên nguyên bị được lục-sự đưa cho một tờ cáo thị có quan tòa kiểm sát biên rõ phiên tòa họp nơi nào, tại ngày nào, giờ nào để nhớ mà đến hầu. Phải biên điều ấy vào biên bản hòa giải bất thành.

Điều thứ 43. — Nếu người nguyên cáo đã có trát đòi hợp phép mà không đến hầu hay là không ủy người nào đến hầu thay mình ở phiên tòa hòa giải và không xin cáo khiếm nhưng người bị cáo có đến hầu, thời sẽ lập ra biên bản hòa giải bất thành nói rõ rằng người nguyên cáo đã do trát đòi hợp phép mà không đến hầu và người bị cáo có đến hầu.

Trong biên bản ấy quan tòa truyền xóa việc ấy trong sổ thọ lý và sẽ chiếu điều 418 mục thứ II luật hình mà truy cứu người nguyên cáo không đến hầu. Trong biên bản ấy quan tòa cũng có thể tự mình hay do người bị cáo đơn xin mà truyền người nguyên cáo phải trả một số bồi thường tổn phí vừa phải cho người bị cáo đã bị quấy rầy một cách vô ích.

Các lệnh ấy hoặc là chung thẩm hoặc là có thể bị kháng cáo ở phòng trưng-trị tòa án tỉnh, hay là bị xin tiêu ở tòa tiêu án như các án vi-cảnh và sẽ chiếu bản sao hay bản trích lục biên bản hòa giải bất thành ấy mà thi hành, y như bản án vi-cảnh.

Điều thứ 44. — Nếu có nhiều người nguyên cáo ký chung vào một đơn khởi tố mà nay có người đến hầu có người không đến hầu dù đã có trát đòi hợp phép, thời những người nào không đến hầu phải biên vào biên bản, nhưng tòa án phải tấn hành công việc như là khi tất cả những người nguyên cáo có đến hầu, vì những người đến hầu đều coi là được thay mặt những người không đến hầu, trừ ra khi nào những người này có giấy xin cáo khiếm và xin hoãn việc hòa giải đến phiên tòa sau, thời sẽ do quan tòa có đặc quyền đoán định.

Điều thứ 45. — Nếu người bị cáo có trát đòi hợp phép mà không đến hầu hay không ủy người đến hầu ở phiên tòa hòa giải, nhưng người nguyên cáo lại có đến hầu mà không chịu rút đơn, thời lập ra biên bản hòa giải bất thành nói rõ là người bị cáo đã có trát đòi hợp phép mà không đến hầu và người nguyên cáo có đến hầu.

Trong biên bản hòa giải bất thành vì người bị cáo không đến hầu, thời quan tòa định ngày phiên tòa án hộ sơ thẩm mà truyền biên việc này vào bản kê biên các việc đem xử ở phiên tòa ấy và người bị cáo khiếm diện sẽ do viên lục-sự làm trát đòi ra hầu, sự đó có quan tòa kiểm sát. Quan tòa báo miệng cho người nguyên cáo biết ngày của phiên tòa rồi viên lục-sự giao cho y một tờ giấy cáo thị nói rõ phiên tòa họp nơi nào tại ngày nào giờ nào đề y nhớ mà đến hầu, điều ấy phải biên vào biên bản.

Trong biên bản hòa giải bất thành ấy quan tòa có thể tùy tình trạng mà chiếu điều 418 mục thứ II luật hình đề truy cứu người bị cáo khiếm diện như đã nói ở điều trên về người nguyên cáo khiếm diện.

Tuy nhiên khi nào hoặc nhất thiết đối với người nguyên cáo khiếm diện hoặc tùy tình trạng đối với người bị cáo khiếm diện mà quan tòa có xử phạt về tội không tuân trát đến hầu nếu về sau người bị phạt ấy có viện dục có chính đáng mà quan tòa xét là có lý thời quan tòa có thể thu hồi cái định lệnh trừng phạt ấy mà phê vào chỗ lưu không bên tả cái biên bản hòa giải bất thành.

Điều thứ 46. — Nếu trong một việc có nhiều người nguyên cáo và nhiều người bị cáo, mà khi quan tòa kêu tên chúng y, có một vài người không đến hầu, hay không ủy người đến hầu thời quan tòa xét xem trát đòi các người khiếm diện ấy có làm hợp phép hay không; nếu làm hợp phép, thời lập biên bản hòa giải bất thành, mà tự rằng những người nguyên cáo và bị cáo nào hiện diện, trát đòi những người khiếm diện ấy đều là hợp phép, và tuy đã bị đòi hỏi đúng phép mà chúng y khiếm diện; nếu cần, thời trong biên bản ấy quan tòa có thể xử phạt các người khiếm diện ấy theo như thể-lệ đã định ở 2 điều trên này.

Tuy nhiên quan tòa cũng có thể hòa giải các người hiện diện mà quyền lợi không giống với quyền lợi của các người khiếm diện hoặc là khi nào việc của chúng y có thể tách ra mà xét xử riêng. Gặp trường-hợp này, quan tòa lập biên bản hòa giải thành, riêng với cái biên bản hòa giải bất thành, hoặc là riêng với cái biên bản xóa bỏ việc kiện của người khiếm diện.

Điều thứ 47. — Nếu các người đương sự tuy đã bị đòi hỏi đúng phép mà không đến hầu ở phiên tòa hòa giải, thời quan tòa xét xem trát đòi chúng y có làm hợp phép hay không ; nếu trát đòi làm hợp phép, thời quan tòa biên điều ấy và sự khiếm diện của các người đương-sự vào trong một cái định lệnh truyền xóa bỏ việc kiện ấy, vì lẽ các người đương-sự đã bị đòi hỏi đúng phép mà không đến hầu, rồi viên lục-sự chua lời truyền xóa bỏ ấy vào sổ thọ lý, trong trường-hợp này thời không chiếu thể lệ định ở điều 418, mục thứ II luật hình mà xử phạt, nhưng số tiền ký quỹ còn lại sẽ thu vào công khố. Nếu trát đòi làm không hợp phép, thời quan tòa truyền cho lục-sự làm lại trát đòi khác cho hợp phép để đòi các người đương-sự đến hầu ở một phiên tòa sau do quan tòa định.

Điều thứ 48. — Các biên bản hòa giải thành hay là bất thành và các định lệnh truyền xóa bỏ việc kiện vì các người đương-sự không đến hầu, đều biên vào một quyển sổ để ở phòng lục-sự tòa án sơ thẩm việc hộ ; quyển sổ ấy do quan chánh-thẩm tòa án tỉnh hoặc quan tòa nào đại diện quan ấy biên số hiệu và ký tắt từng tờ một.

Các biên bản ấy đều do quan tòa đọc cho lục-sự viết, rồi quan tòa, lục-sự và các người đương-sự hiện diện ký vào. Nếu một bên đương-sự không biết ký hoặc không thể ký được, thời in dấu ngón tay vào ở dưới chỗ để họ tên của họ, và phải tự vì sao mà không ký được.

Ở sở ấy cũng đăng ký các biên bản hòa giải ở ngoài tòa án theo như điều thứ 3 luật này đã định.

Khi nào người đương-sự có xin cấp phát bản sao các biên bản và định lệnh ấy thời quan tòa cho phép lục-sự sao cấp cho họ và muốn cho các bản sao ấy có bằng là sát thiệt, thời quan tòa phê duyệt vào.

Một bản biên bản hòa giải phải đính vào hồ sơ của việc đem ra tòa án.

Điều thứ 49. — Khi nào các người đương-sự tự ý đến hầu để thưa kiện, thời quan tòa sơ thẩm việc hộ sau khi đã xét kỹ căn cước của các người ấy, có quyền làm hòa giải.

Nếu không hòa giải được, và người nguyên đơn có đầu đơn thưa kiện, thời quan tòa có thể đòi các người đương-sự đến mà xử thẳng, không buộc phải làm hòa giải một lần nữa.

Điều thứ 50. — Khi nào làm hòa giải ở ngoài nha môn, hoặc vì các người đương-sự tự ý đến hầu, hoặc vì có đòi mà đến hầu thời cũng lập ra biên bản cách thức như biên bản lập ở tòa án, nhưng nếu không đem lục-sự đi theo thời quan tòa phải tự mình viết lấy biên bản và mỗi tờ giấy chỉ viết một mặt mà thôi để sau này dán vào quyền sở hòa giải.

Điều thứ 51. — Nếu ở phiên tòa đầu tiên mà quan tòa không hòa giải được, nhưng xét ra có hy vọng hòa giải được, thời quan tòa có thể hoãn việc hòa giải mà truyền cho các người đương-sự về suy nghĩ lại rồi đến hầu ở phiên tòa hòa giải sau.

Khi nào có người đương-sự đã có trát đòi đúng phép mà không đến hầu, nhưng quan tòa xét còn có hy vọng rằng đến phiên tòa sau y sẽ đến hầu, thời cũng thế. Gặp trường hợp này viên lục-sự sẽ gửi giấy bảo y đến hầu.

Khi nào mà hoàn việc hòa giải đến phiên tòa sau, thời phiên tòa này chỉ được cách phiên tòa trước đến 20 ngày là cùng, và nếu xét ra cần thời quan tòa phải truyền làm các phương-pháp bảo thủ ngay ở phiên tòa đầu tiên ấy.

Biên bản thử làm hòa giải phải bắt đầu làm theo cách thông thường ở phiên tòa đầu tiên, trong biên bản ấy phải biên lời truyền hoãn đến phiên tòa sau, rồi quan tòa, lục-sự cùng các người đương sự hiện diện đều ký tên vào. Sau biên bản ấy lại đem ra ở phiên tòa sau để viết thêm và kết liễu theo cách thông thường, dù đã có đăng ký các biên bản khác ở quyền sở dùng về việc ấy cũng vậy, rồi các người đương-sự hiện diện ở phiên tòa này phải ký tên vào. Biên bản này phải biên tên các người nguyên đã ký vào đoạn cuối cùng của biên bản kỳ trước.

TIẾT THỨ V

Nói về việc tịch biên bảo-thủ.

Điều thứ 52. — Tòa án truyền tịch biên bảo-thủ là để bảo đảm việc thi hành những án mà sau này có thể chiếu đơn khởi tố hay đơn phản tố mà xử bắt bên bị hay là bên nguyên trả tiền cho người nào hoặc là những án xử bắt bên nguyên hay bên bị phải trả tiền nhưng chưa làm tịch biên thi hành.

Các phương-pháp tịch biên bảo-thủ cần để bảo đảm việc thi hành án thời tùy theo từng trường-hợp mà truyền đối với toàn phần hay một phần tài sản của người đương-sự, trừ những tài sản nào mà luật đã định rằng không được tịch. Vậy thời quan tòa lựa trong tài sản của người bị xử phải trả tiền lấy một vài bất động-sản giá trị ngang với số tiền phải trả mà truyền đem tịch biên bảo-thủ, và nếu không có bất động-sản thời tịch biên bảo-thủ động-sản, ngoài ra lại có thể tuân theo các thể-lệ định ở chương nói về việc tịch biên chế chỉ nữa.

Điều thứ 53. — Chỉ khi nào một bên đương-sự có làm đơn xin tịch biên bảo-thủ, thời quan tòa mới truyền tịch biên bảo-thủ và chỉ tịch biên bảo-thủ các tài sản mà bên đương-sự ấy đã kê rõ ở trong đơn của y.

Khi nào tịch biên bảo-thủ xét là hợp lẽ và cần thiết, thời bất cứ là lúc nào quan tòa cũng có thể truyền tịch-biên bảo-thủ; dù là trước khi chưa đòi các người đương-sự đến phiên tòa để hòa giải cũng vậy, nhưng không có thể truyền tịch biên bảo-thủ trước khi người nguyên đơn chưa đệ nạp các giấy tờ mà y hiện giữ và y báng vào đó để kiện.

Điều thứ 54. — Tuy nhiên gặp 2 trường-hợp sau này thời quan tòa có thể tự mình truyền tịch biên bảo-thủ :

1) Khi cần phải bảo vệ quyền-lợi của người vị thành-niên hoặc là người bị cấm quyền ;

2) Khi nào một bên đương-sự đã xuất trình giấy gì hoặc là bằng chứng gì xác đáng làm cho quan tòa đã xử hay là sẽ xử bắt bên kia trả tiền mà quan tòa sợ y tiêu thất hay là ần nặc tài sản của y.

Điều thứ 55. — Khi nào quan tòa án hình chiếu theo điều 185 trong hình-vụ tố-tụng pháp mà yêu cầu tịch biên bảo thủ, thời quan tòa sơ-thẩm việc hộ truyền tịch toàn phần hay là một phần tài sản của người bị can để bảo đảm việc thi hành án lĩnh xử bắt y phải điền hoàn hoặc bồi thường tổn hại cho người sự chủ.

Điều thứ 56. — Muốn giữ gìn các tài sản nào trong gia-tài của người đương-sự mà quan tòa nghĩ cần nên tịch biên bảo thủ để bảo đảm việc thi hành án chung thẩm sẽ xử đối với y, thời quan tòa làm lệnh mà truyền tịch biên bảo-thủ trong lệnh ấy phải tự là thừa kiện về việc gì, việc kiện ấy số mấy trong sổ thọ lý, tên họ của bên nguyên hoặc bên bị, tài sản bị tịch biên là tài sản gì, trị giá bao nhiêu, cùng số tiền mà người bị tịch phải nộp để giải trừ sự tịch biên bảo - thủ là bao nhiêu.

Điều thứ 57. — Lệnh truyền tịch biên bảo-thủ có thể tạm đem thi hành ngay khi mới truyền xong; bản sao lệnh ấy thời do quan tòa truyền lục tổng theo cách thường hành, hoặc truyền cho lục-sự lục tổng để cho người bị tịch và các người có can thiệp đến việc ấy đều biết.

Điều thứ 58. — Trong hạn 8 ngày sau ngày tổng đạt lệnh tịch biên bảo-thủ làm đầu, các người quan hệ đến việc đó đều có thể kháng nại lệnh ấy.

Muốn kháng nại thời làm đơn gửi cho quan tòa hay viên lục-sự, hoặc là kêu miệng đề viên lục-sự lập ra biên bản. Viên lục-sự trình cho quan tòa biết để quan tòa truyền đăng trước việc kháng nại đó vào tờ kê các việc đem xử ở phiên tòa sau mà có thể đòi các người đương-sự đến hầu kịp; phiên tòa sau ấy thời do quan tòa tùy theo chỗ ở của các người đương-sự xa hay gần mà định. Án xử về việc kháng nại là án sơ-thẩm và có thể kháng cáo lên tòa án tỉnh, tòa án này được chung thẩm, vô luận cái giá của các tài sản bị tịch ấy là bao nhiêu.

Điều thứ 59. — Khi nào tịch biên bảo-thủ bất động-sản, thời trong lệnh tịch biên phải nhất thiết cấm người bị tịch không được bán hoặc di nhượng vật quyền gì, cấm hương-bộ và lý-trưởng sở tại không được nhận thực giấy sử dụng, giấy bán, giấy cầm hay là vật quyền gì khác thuộc về bất động-sản ấy, nếu các người nói trên này không tuân thời quan tòa sẽ chiếu điều 358 luật hình mà xử phạt cả các người đồng phạm hay từng phạm nữa.

Nếu cần thời trong lệnh ấy cũng có thể truyền cho phép bên đối thủ được đem trình lệnh ấy đã do viên lục-sự cấp phát, có quan tòa và Chánh-Phủ Bảo-Hộ phê phó, thi hành, để đem xin đăng ký việc tịch biên bảo-thủ ấy vào tất cả các địa bộ ở sở bảo tồn diên trạch của người Pháp để bảo chứng cho quyền lợi của y, nhưng y phải chịu các phí tổn về việc đăng ký đó, chứ không được kêu xin bên kia phải chịu.

Điều thứ 60. — Khi nào tịch biên bảo-thủ động-sản, mà muốn cho sự bảo-thủ ấy được hợp phép, thời trong lệnh tịch biên phải ủy một viên chức nào đến tận nơi để lập biên bản mà nói rõ các động-sản ấy là những thứ gì, giá tiền bao nhiêu, và để chọn người làm canh thủ động-sản ấy, nếu người bị tịch bằng lòng giữ động-sản ấy để dùng, thời giao cho y giữ thời hơn, nhưng phải bảo cho y biết rằng nếu có sự phá hoại hoặc biến thủ hoặc thay đổi một động-sản gì đã tịch biên, thời y sẽ phải bị xử phạt theo điều 358 luật hình, trừ ra khi nào y tỏ được bằng cứ rằng vì sự ngẫu nhiên hay là vì tình thế bắt buộc mà xảy ra việc như trên chớ họ thật có tình ngay, thời không kể.

Người viên chức ấy, sau khi đọc biên bản tịch biên bảo-thủ cho mọi người nghe rồi, phải bảo người có trách nhiệm canh thủ phải ký tên vào; nếu người này không biết ký thời in dấu ngón tay vào và có lý-trưởng nhận thực.

Người đứng xin tịch biên bảo-thủ có thể kháng nại không cho người bị tịch được canh thủ, nhưng y phải ký nạp ở phòng lục-sự một số tiền vừa đủ để trả tiền thuê người canh thủ, và y không được kêu xin bắt người bị tịch phải hoàn lại cho y số tiền đó.

Khi nào tịch biên bảo-thủ một món nợ bằng tiền bạc hay là bằng các khế phiếu gì có giá tương đương, thời phải chiếu theo các thể-lệ định ở chương tịch biên chế chỉ mà làm.

Điều thứ 61. — Giá tiền những tài sản đã tịch biên bảo-thủ thời dùng để trả món tiền đã xử trong án, trước các khoản nợ khác, nhưng phải dự trữ số tiền cấp cho người canh thủ và tiền lệ-phí, trừ ra khi nào đến lúc tịch biên mới biết rằng người mắc nợ đã vỡ nợ rồi thời không kể.

Điều thứ 62. — Bao giờ người bị tịch cũng có thể đem ký tồn một số tiền y như số quan tòa đã định ở trong lệnh tịch biên bảo-thủ để xin đình chỉ hay là xin giải trừ sự tịch biên ấy.

Số tiền ký nộp ấy có thể do người đệ tam ký nộp, người ấy vẫn được quyền nghiệp chủ về số tiền y đã ký nộp, nhưng phải trả các khoản mà án xử trả cho đến thanh khoản thời thôi.

Điều thứ 63. — Bạc ký tồn ấy phải đem đến kho Nội-Vụ trình bản sao cái lệnh truyền tịch biên bảo-thủ đã lục tổng cho người bị tịch ấy, mà nộp.

Gặp trường-hợp mà người bị tịch đem ký tồn trước khi đem thi hành lệnh tịch biên bảo-thủ, thời quan tòa, khi nhận được biên lai de kho Nội-Vụ phát, phải biên ở dưới cái bản lệnh tịch biên bảo-thủ rằng người bị tịch đã ký nạp số tiền ấy rồi, biên lai ký nạp ấy số hiệu gì, làm ngày nào, rồi thu hồi lệnh ấy đi.

Nếu lệnh tịch biên bảo-thủ đã thi hành trước khi ký tồn thời quan tòa làm ngay một bản lệnh giải trừ việc tịch biên bảo-thủ, trong lệnh ấy phải tự số hiệu và ngày tháng cái biên lai của kho Nội-vụ, biên lai ấy bất cứ thuộc trường-hợp nào đều phải dính vào hồ sơ để làm bằng; bản sao lệnh giải trừ việc tịch biên phải lục tổng cho các người đương-sự.

Điều thứ 64. — Số tiền ký tồn ấy cũng dùng để trả món nợ xử trả trong án trước các món nợ khác, cũng như gia tiền các tài sản đã vì sự ký tồn mà được miễn tịch đó.

Vậy thời, nếu bán hay là cầm cố tài sản bị tịch biên mà đồng thời trích ngay số tiền bán tiền cầm ấy để ký tồn một số tiền ngay với số nợ, thời sự cầm bán ấy là hợp phép.

Điều thứ 65. — Người nào hiện đã bị tịch biên bảo-thủ rồi, nay lại bị kiện về một món nợ khác, nếu cần tịch biên các tài sản còn lại của người ấy hay là nếu người ấy muốn ký tồn một số tiền khác để khỏi tịch biên về khoản nợ ấy, thời cũng theo cách thức và thể-lệ ở trên mà làm.

Điều thứ 66. — Khi nào người mắc nợ thật ra đương bị vỡ nợ, nhưng sự vỡ nợ ấy chưa phát lộ ra, nếu trong khi tịch biên bảo-thủ tài sản của người mắc nợ để sung hoàn khoản tiền xử trả trong án mà người mắc nợ thật ra đã bị vỡ nợ nhưng sự vỡ nợ ấy chưa phát hiện ra, thời đến khi phát giao số tiền phát mại, quan tòa sẽ tùy theo kỳ hạn và tình lý làm án minh tự lý do mà truyền đem số tiền ấy sung vào khoản nợ xử trả trong án, hay là chiếu theo số tiền các khoản nợ khác nhiều hay ít sai phân mà phát cho tất cả các chủ nợ để cho hợp lẽ công bằng, theo như thể-lệ định ở chương nói về sự thi hành án.

Điều thứ 67. — Những tài sản gì mà người mắc nợ đã đem cầm cố cho một chủ nợ rồi, cũng có thể đem tịch biên bảo-thủ cho một chủ nợ khác, nhưng về sự phát giao giá tiền phát mại tài sản ấy, người chủ nợ cầm cố hợp phép được quyền ưu tiên hơn người chủ nợ kia.

Điều thứ 68. — Án xử về nội dung của việc sẽ truyền giải trừ việc tịch biên bảo-thủ hay là truyền phát hoàn số tiền đã ký tồn mà nay xét ra không cần để bảo đảm cho sự thi hành án, nhưng chỉ khi nào án ấy đã chung thẩm thời lời xử đó mới có hiệu lực.

Khi nào không có án truyền và nhất là trong lúc xét việc mà hai bên đều xin điều đình, thời quan tòa thụ lý việc kiện ấy sẽ làm lệnh thay cho án hoặc chứng nhận sự điều đình mà truyền giải trừ sự tịch biên hay là truyền phát hoàn số tiền đã ký tồn ấy.

Điều thứ 69. — Quan tòa phải trích lục lệnh truyền giải trừ sự tịch biên bảo-thủ ấy cho lý-hương và công chức sở quan mà sức cho y đăng cứ chỗ nào có đăng ký sự tịch biên thời phải biên chú lệnh giải trừ vào chỗ ấy, rồi làm biên bản việc biên chú ấy mà đệ về quan tòa để đính vào hồ sơ.

Điều thứ 70. — Người đương-sự nào đã theo cách tây mà đăng ký việc tịch biên bảo - thủ, thời đến khi có lệnh truyền giải trừ tịch biên, bên ấy phải xin bỏ sự đăng ký kia mà chịu phí tổn lấy, bằng không thời sẽ bị xử phạt bồi thường cho bên bị tịch. Về việc ấy, khi người đứng tịch có xin, thời quan tòa sẽ phát cho một bản trích lục lệnh truyền sự giải trừ ấy, có quan tòa và Chánh-Phủ Bảo-Hộ phê duyệt.

Điều thứ 71. — Bản trích lục lệnh truyền phát hoàn số tiền ký tổn sẽ do quan tòa phê chữ vào rồi viên lục-sự giao cho người ký tổn hay cho người có quyền lợi về số tiền ký tổn ấy để đem trình kho Nội - Vụ mà nhận lãnh tiền ấy ra, ngoài ra lại còn phải tuân theo thể-lệ đã do hai quan Thượng-Thư bộ Tài-Chánh và bộ Tư-Pháp thương đồng qui Khâm-Sứ Đại-thần ý hiệp mà định ra.

TIẾT THỨ VI

Nói về sự bắt đầu đem việc ra xét xử; về sự xét xử tiếp theo; về sự đòi ra dự sự; về sự xin hưu nại; nói về khoản kiện khôi lãnh.

Điều thứ 72. — Quan Chánh - thẩm phải đốc làm thủ tục việc kiện.

Khi nào có cáo-thị hoặc là có trát đòi mà các người đương sự hoặc đã tự mình đến hầu ở phiên tòa công khai, hoặc là đã ủy người đại diện hợp phép đến hầu, thời quan tòa đem việc ra xét xử, và cuộc thẩm vấn coi như là xuất tịch đối với chúng y, viên lục-sự phải đăng trước cho cẩn thận vào sổ đình-ký thăm-vấn về sự hai bên đương-sự đã đến hầu ấy.

Gặp trường-hợp mà người « chịu ủy quyền » đến hầu thay cho người đương-sự nếu là giấy ủy quyền riêng về việc kiện thời giấy ủy quyền ấy phải dính vào hồ sơ; nếu là giấy ủy quyền chung về mọi việc, thời viên lục-sự biên vào sổ đình-ký thăm-vấn ngày nhận thực giấy ủy quyền ấy và công chức

nào nhận thực hay là việc ủy quyền làm theo cách công-chính chứng-thư tại ngày nào hoặc là làm tại đâu, các điều ấy phải tự vào trong án cả. Quan tòa có thể bắt người chịu ủy quyền phải đệ một bản sao giấy ủy quyền chung về mọi việc ấy. Bên đối thủ cũng có quyền xin như thế.

Muốn bảo vệ quyền lợi mình thời hai bên nguyên bị đều có thể đến phòng lục-sự mà xin xem hay xin sao các giấy má trong hồ sơ theo như cách thức đã do quan Thượng-Thor bộ Tư-Pháp thương đồng quý Khâm-Sứ đại-thần mà định ra.

Một việc nào đã đủ lẽ để xử rồi thời tòa án không thể hoãn xử được, trừ ra khi nào người nguyên cáo xin hoãn, hoặc là người bị cáo xin hoãn mà bên nguyên cáo bằng lòng thời mới hoãn xử được. Khi nào đã bắt đầu đem việc ra xét rồi mà một bên đương-sự chết đi, thời việc ấy vẫn cứ đem ra xử án.

Điều thứ 73. — Gặp trường-hợp mà một người bị cáo chết đi trong khi đã đem việc ra xét theo như điều trên đã nói thời việc ấy sẽ đem ra xét xử tiếp theo đối với các người thừa kế của y. Vì thế khi người nguyên cáo trình cho quan tòa biết tên tuổi và chỗ ở của các người thừa kế ấy thời quan tòa truyền đòi ngay chúng y ra dự sự ở một phiên tòa sau mà do quan định ngày; trát đòi những người này phải tự đơn kiện về việc gì, và tự cả cái án hoặc cái lệnh truyền đòi chúng y ra dự sự.

Khi nào các người thừa kế của người chết ấy tự ý tuân theo trát đòi người này mà đến hầu thay, thời quan tòa không cần phải truyền đem các người thừa kế ấy ra dự sự nữa, tòa án chỉ xét căn cước các người thừa kế đã đến hầu ấy và công nhận rằng chúng y đã có đến hầu, rồi tuyên cáo là chúng y đã ra dự sự, các sự này đều phải biên vào sổ đình-ký thăm-vấn và tự vào trong án.

Gặp trường-hợp mà người nguyên cáo chết đi, nếu các người thừa-kế của y muốn xin quan tòa kế tiếp xét xử việc kiện đó, thì chúng y phải trình với tòa-án đề ra dự sự, việc ấy phải biên vào sổ đình-ký thăm-vấn rồi tự vào trong án; người nào không đến hầu và không ủy người đại diện hợp pháp thì đều sẽ đòi ra hầu cả.

Nếu người thừa-kế của người nguyên-cáo không tỏ ý xin tòa-án kế tiếp xét xử việc kiện, thì biên vào sổ đình-ký thăm-vấn rằng tòa hoãn xử việc ấy không có nhứt kỳ, cho đến khi nào các người thừa-kế có đem xin xét lại, thì khi ấy quan tòa mới làm trát đòi hai bên đến mà xét xử, trừ ra khi nào các người bị cáo nại rằng việc kiện đó đã quá hạn và tòa-án đã truyền xóa bỏ việc kiện ấy ở sổ thọ lý sau khi chờ đợi trong một thời gian khá lâu thì thôi.

Các người bị cáo có quyền xin tòa-án đem các người thừa-kế của người nguyên-cáo ra dự sự để quan tòa xử về việc kiện ấy.

Điều thứ 74. — Về việc dân-sự và thương-sự, bất cứ lúc nào người nguyên-cáo cũng có quyền xin hưu nại, miễn là người bị-cáo không có đơn phản-tố là được.

Việc xin hưu nại phải do các người đương-sự hoặc là các người đại diện hợp pháp của chúng y đứng xin mới được; có thể làm đơn mà xin; hoặc là trình miệng ở giữa phiên tòa. Tòa-án chỉ cần biên lời định lệnh vào sổ đình-ký thăm-vấn đề công nhận sự xin hưu nại đó, trong lệnh ấy phải nói rõ rằng chúng y xin hưu nại về lần này hay là xin hưu nại nguyên cả khoản kiện.

Gặp trường-hợp mà các người nó trên này xin hưu nại nguyên cả khoản kiện, thì người bị cáo được xin tòa-án làm một bản án công nhận việc xin hưu nại ấy, và xin một bản trích sao án ấy, trong có nói rõ đơn xin khởi tố về việc gì, để làm bằng cứ, phí tổn về án ấy do người nguyên-cáo chịu.

Điều thứ 75. — Khi nào lời hưu nại đã được chuẩn chấp, thời chiếu luật coi như là các người đương-sự đều bằng lòng đề tình bình việc của chúng cứ nhưng cữ như khi chưa kiện. Khi xin hưu nại thời cũng coi là người xin hưu nại ưng chịu trả tiền án-phí do định lệnh của quan tòa xử trả mà định lệnh ấy biên ở dưới bản kê án phí phải trả, trừ ra khi nào hai bên nguyên bị đều định cùng nhau cách khác thời không kê.

Việc kiện nào vì xin hưu nại nguyên cả khoản kiện mà kết liễu, nghĩa là đã hưu nại cả về nội dung khoản kiện rồi, thời không thể đầu đơn kiện lại việc ấy nữa. Nếu người nguyên cáo có đầu đơn kiện lại thời quan tòa theo thủ tục thông thường mà làm. Nhưng khi nào hoặc vì bên kia có lời kết luận mà xuất trình bản trích sao án công nhận sự xin hưu nại việc kiện trước hoặc là vì người ấy xin tính hợp hồ sơ việc trước vào việc sau này hay là quan tòa tự mình xét các điều đã biên chú trong hồ-sơ trước mà xét ra đủ bằng cứ rằng việc kiện sau này cũng chính là việc trước, thời nếu việc ấy chưa biên vào sổ thọ lý, quan tòa phải đem ngay việc ấy ra tòa-án để làm án xử bác đơn của người nguyên cáo, và nếu cần, thời quan tòa tự mình xử bắt y phải đền bồi thiệt hại cho người bị cáo một số tiền vừa phải, vì lẽ y kêu bậy.

Điều thứ 76. — Phàm đơn kiện nào có can thiệp trực tiếp đến các người đương-sự mà tòa-án không đòi hỏi, thời quan tòa truyền đòi chúng y ra dự kiện.

Quan tòa cũng truyền đòi các người bảo đảm ra dự sự nữa.

Án xử không có hiệu lực đối với các người mà quan tòa không đòi ra hầu, trừ ra khi nào các người ấy đều là hội-viên trong một công ty, hoặc là chúng y đều là các người đồng-thừa-kế mà không có quyền lợi tương phản, thời không

kê; vậy thời trong một việc phân chia di-sản, nếu các người đồng-thừa-kế ra thay mặt cho một người thừa-kế đã chết rồi mà thừa kiện, thời các người hiện diện đó, vì lẽ quyền lợi chung, đều có đủ tư-cách mà đại diện cho các người đồng-thừa-kế khác mà quan tòa không có đòi đến hầu, hoặc là có đòi mà chúng y không đến, nên án ấy vẫn có hiệu lực đối với các người đồng-thừa-kế này, trừ ra khi nào có việc gian dối rõ ràng thời không kê.

Điều thứ 77. — Khi nào vì người nguyên-cáo có đơn xin hoãn xét việc kiện, hoặc là bên nguyên và bên bị đều thuận tình xin hoãn, cho nên quan tòa hoãn xử không có kỳ hạn, nếu trong hạn 18 tháng kể từ ngày phiên tòa hoãn xét việc ấy làm đầu, mà người nguyên cáo không xin xét lại việc ấy, thời khoản kiện ấy thành ra khỏi lãnh.

Khi quá hạn ấy rồi thời việc kiện ấy coi như là b trước tiêu, và quan tòa tự mình truyền xóa bỏ việc ấy. Cách đình chỉ kỳ hạn trước tiêu ấy cũng giống như cách đình chỉ các kỳ hạn làm cho khoản kiện thành ra khỏi lãnh.

Điều thứ 78. — Trong khi xét xử một việc về hộ-sự và thương-sự, bất cứ lúc nào, nếu xét ra cần thiết, thời quan Thượng-Thor bộ Tư-Pháp có thể thương đồng Quý Khâm-Sứ đại-thần rồi làm ra giấy mà đòi lấy hồ sơ việc kiện.

Bất cứ lúc nào, Chánh-Phủ Bảo-hộ cũng có thể tư lấy hồ-sơ một việc hộ để kiểm sát.

TIẾT THỨ VII

Nói về việc kết án.

Điều thứ 79. — Ở phiên tòa, quan chánh-thẩm theo thứ tự trong tờ kê biên các việc đưa ra đình kỳ mà gọi từng việc ra xét.

Tuy nhiên, quan chánh-thẩm có thể tùy trường hợp mà đặt quyền định đoán đem xét một việc nào trước lượt của nó đã kê trong tờ kê biên, hoặc là, khi đến lượt một việc nào, hoãn nó lại đến cuối phiên tòa sẽ xét hay là sau khi hoãn xử, định rõ cho những người đương-sự biết, đến giờ nào sau khi phiên tòa mở lại, sẽ xét việc của họ, nhất là về những khi cần phải nghe nhiều chứng.

Khi nào có một việc đã đem ra xử rồi mà có một người đương-sự đến hầu chậm, thời quan tòa cũng có thể xét xử lại việc ấy vì người đương-sự mới đến hầu, và có thể thâu hồi cái án khuyết tịch đã xử, nhưng những người đương-sự đã đến hầu phiên ấy còn hiện diện mới được.

Quan chánh-thẩm khi nào cũng phải gắng mà xét cho xong những việc đã kê vào tờ kê biên nội trong ngày phiên tòa ấy, vậy quan chánh-thẩm phải coi sóc việc kê các việc đưa ra đình kỳ cho được thích đáng.

Nếu không có quan tòa đề ngồi ở phiên tòa, mà đã đòi những người đương-sự đến hầu, thời viên lục-sự làm biên bản vào sổ đình-kỳ thẩm-vấn và báo cho những người đương-sự biết rằng tòa-án sẽ phát trát đòi họ lại đến hầu ở phiên tòa sau. Biên-bản ấy sẽ làm ra hai bản, một bản gửi cho quan chánh-thẩm tòa-án tỉnh, một bản gửi cho quan Trú-sứ, để kiểm sát. Nếu phiên tòa chỉ mở chậm giờ mà thôi, thời chỉ nói miệng cho những người đương-sự biết rằng đến giờ nào thời họ phải đến hầu.

Nếu viên lục-sự vắng mặt thời quan tòa có thể đặc cách sử một viên chức khác tuyên thệ thế viên lục-sự ấy.

Điều thứ 80. — Viên lục-sự hay là viên chức mà quan tòa đã cử ấy, bắt đầu tuyên đọc các việc đem ra đình kỳ phải đọc cho to và cho rõ ràng số hiệu của mỗi việc và tên của những người đương-sự. Nếu khi kêu tên một người đương-sự nào

mà không có người ấy, thời những người giữ trật tự sẽ ra ngoài cửa phiên tòa hay bất cứ ở một chỗ nào mà quan tòa cho là đáng mà kêu y.

Cũng như trong khi hòa giải, trước hết quan chánh-thẩm phải xét kỹ căn cước của những người đương-sự đến hầu ở trước tòa án. Sự xét căn cước ấy cùng việc những người ấy đã đến hầu hay ủy quyền người khác đến hầu, sẽ biên rõ vào quyển sổ đình-ký thăm-vấn do quan chánh-thẩm truyền biên.

Liên đó, nếu không định hoãn xét việc ấy thời tòa án sẽ nghe ngay lời hai bên khai và xét có cần hỏi thêm điều gì đề ra sự thật, thời hỏi.

Điều thứ 81. — Người đương-sự có thể đem trình tòa án những lời kết luận bằng giấy, khi ấy thời quan tòa đọc tờ kết luận ấy cho những người đương-sự khác nghe, những người này khi ấy có thể xin hoãn xét xử việc ấy để chép tờ kết luận này ở phòng lục-sự mà làm một tờ kết luận của mình, nếu tòa án sẽ tùy từng trường-hợp mà cho phép làm như vậy.

Điều thứ 82. — Viên lục-sự ghi vào sổ đình-ký thăm-vấn những việc đã làm và đã xảy ra trong lúc phiên tòa, những lời khai của hai bên đương-sự và chép vắn tắt những lời luận trạng mà quan chánh-thẩm đã đọc. Quan chánh-thẩm phải xem sóc thế nào cho viên lục-sự có thể có thì giờ mà chép những điều cần thiết để tỏ rằng cuộc thăm vấn ở trước phiên tòa được đích thật.

Điều thứ 83. — Tòa án chỉ xử về lời kết luận của người đương sự mà thôi, nhưng tòa án cũng có thể, tùy trường-hợp mà thể nhận những lời khiếu nại không phân minh vì người đương-sự không biết khai trình một cách rõ ràng về bênh vực quyền lợi của mình, đại khái như là xin tòa án xét cho mà thôi, rồi bỏ khuyết vào cái lời không được phân minh ấy theo pháp luật và lẽ công bằng.

Khi nào xét có một việc gì có quan hệ đến trật tự công chúng hay là khi nào luật có minh định cho phép xử, thời quan tòa phải tự mình xử lấy.

Quan tòa nhất là phải xem sóc cho quyền lợi của những vị thành niên hay của những người bị cấm quyền. vậy quan tòa có thể chỉ biên vào sổ đình-ký thăm-vấn mà định rằng hồ-sơ phải chuyển đạt lên quan Thượng-Thor bộ Tư-Pháp để quan này xét nên yêu cầu xử thế nào thời nghĩ hành.

Điều thứ 84. — Nếu nghĩa vụ của người mắc nợ là một việc riêng cho một mình y, thời tòa án có thể buộc y phải làm hay là không được làm, và cũng có thể hoặc xử bắt y phải bồi thường bao nhiêu về mỗi ngày chậm trễ trong một kỳ hạn là bao lâu, mà sau kỳ hạn ấy tòa án có thể xử lại cách khác, hoặc là xử bắt phải bồi thường về mỗi lần phạm cấm.

Nếu nghĩa vụ phải làm là một nghĩa vụ có thể do người đệ tam làm, hay là không có người mắc nợ can thiệp đến, thời tòa án có thể truyền thi hành nghĩa vụ ấy do người mắc nợ phải chịu phí tổn.

Nếu nghĩa vụ là không phải làm, thời tòa án có thể cho phép phá hủy cái đã làm bậy nhưng do người mắc nợ phải chịu phí tổn. Trong cả hai trường-hợp ấy lại có thể bị xử bồi thường tổn hại và bị câu thúc thân thể, cùng có thể chiếu luật bị truy cứu về mặt hình về tội không tuân án.

Điều thứ 85. — Tòa án có thể truyền tạm thi hành một cái án, nhưng phải làm ra một đoạn riêng và nói rõ là vì lẽ gì, dù người đương-sự có kháng tố cũng mặc.

Sự thi hành tạm ấy có thể truyền ngay trước khi lục tổng án văn.

Tòa án có thể bắt người chủ nợ nạp một số tiền quỹ do tòa án định, rồi mới cho thi hành tạm cái án đó.

Điều thứ 86. — Về việc hộ, quan tòa có thể tự mình gia hạn cho người mắc nợ có tình ngay mà nghèo túng để lo trả, hoặc cho hoãn đến bao lâu sẽ trả, hoặc cho phân hạn mà trả theo cách thức đã định ở điều 858 luật hộ, và mỗi khi xử cho như thế thời trong án phải nói rõ duyên do; nhưng người mắc nợ vẫn có thể do một cái định lệnh truyền không cho hưởng sự gia hạn hay phân hạn ấy nữa.

Điều thứ 87. — Khi nào việc có thể xử được, thời xử án ngay. Viên lục-sự theo lời chỉ thị của quan chánh-thẩm mà biên vào sổ đình-kỳ thăm-vấn những lý do của lời xử và tất cả các lời xử.

Tòa án có thể định để đến cuối phiên tòa sẽ xử án, trong trường-hợp này, quan tòa phải báo cho hai bên đương-sự biết trước để cho họ đợi nghe tuyên án; trong khi tạm đình phiên tòa thời quan chánh-thẩm sắp đặt lời tuyên án; tất cả các lời xử án về trường-hợp này phải biên vào sổ đình kỳ thăm vấn, còn các lý do của lời xử, chỉ khi nào quan tòa không làm ra bằng giấy thời khi ấy mới buộc phải biên vào sổ đình kỳ thăm vấn mà thôi.

Tòa án có thể hoãn để một việc gì đến phiên tòa sau mới tuyên án. Trong trường-hợp này thời quan tòa làm sẵn những lý do của lời xử và các lời xử vào giấy để mà đọc ra ở phiên tòa công khai; khi ấy viên lục-sự chỉ biên lời xử vào sổ đình-kỳ thăm-vấn mà thôi.

Bản thảo án thời do viên lục-sự làm ra, cứ theo những điều đã biên trong sổ đình-kỳ thăm-vấn, và theo trong giấy của quan chánh-thẩm đã đọc trước phiên tòa mà làm.

Nếu cái án đã tuyên ấy chỉ là án dự tiên, thời quan tòa định ngày của phiên tòa sau để đem việc ấy ra mà xét xử về nội dung.

Tòa án phải tùy theo cái thời giờ cần cho sự thăm vấn là lâu hay mau mà định ngày phiên tòa sau ấy, cho tránh khỏi gọi việc ra xử một cách vô ích.

Điều thứ 88. — Lệnh của tòa án truyền cho những người đương-sự phải thân hành đến hầu, thời chỉ phải biên vào sổ đình-ký thăm-vấn và có nói rõ là ngày nào đến hầu ở nơi nào, chứ không cần phải làm ra bản án; lệnh ấy chỉ phải biên vào đầu cái án xử về nội dung việc kiện.

Những người đương-sự vắng mặt thời do trát đòi đến hầu, trong trát có biên lệnh của tòa án truyền người ấy phải thân hành đến hầu, và tổng đạt theo lệ thường; những người đương-sự có mặt thời được viên lục-sự giao cho một cái giấy nói cho biết ngày nào có phiên tòa mà họ phải thân hành đến hầu. Ở phiên tòa ấy những câu trả lời của các người đương-sự sẽ chép vào trong biên bản làm ngay liền tại lúc ấy sau khi đọc biên bản ấy rồi thời những người đương-sự sẽ ký vào cùng quan chánh thăm và viên lục-sự, người nào không biết ký thời sẽ in dấu ngón tay dưới chỗ biên tên mình; biên bản ấy phải dính vào hồ-sơ.

Điều thứ 89. — Án nào có truyền hai bên đi thề thời phải nói rõ ràng phải thề những điều gì, trong án ấy phải chỉ rõ đi thề chỗ nào và cách thức thề ra làm sao cùng là cách chứng nhận sự thề ấy; những điều ấy đều phải theo thề lệ đã định ở trong những điều 1669 đến 1677 luật Hộ.

Điều thứ 90. — Bên nào thua kiện thời phải xử chịu lệ phí. Lệ phí ấy có thể tùy theo hai bên đều có khoản thua, hay là tùy theo việc kiện có quyền lợi công cộng như về việc thừa kế, việc lập hội, hoặc việc gì khác mà phân phối cả hai bên phải chịu.

Bất cứ lúc nào, tòa án được phép bắt người thua kiện phải chịu một bồi khoản vừa phải cho người đương-sự bị thiệt hại vì việc kiện.

Điều thứ 91. — Bất cứ án nào đều phải nói rõ lý do và thảo thế nào cho những lý lẽ đã làm cho tòa án có lòng tin đích xác được tỏ ra một cách rõ ràng.

Hễ xử về mỗi điều khoản gì thời tòa án phải tự duyên cứ rõ ràng riêng về điều khoản ấy.

Điều thứ 92. — Trong án hộ phải tự rõ những điều sau này ;
cái việc đem xử đó đã trước vào sổ thọ lý tại số mấy ;
xử ở nơi nào ;
tòa án nào xử ;
tên họ và chức chương của các quan tòa và viên lục-sự ;
tên họ nghề nghiệp và chỗ ở của hai bên đương-sự, nếu có người đại diện thời biên tên họ của người đại diện, và có bị chú rằng giấy uỷ quyền đã làm theo cách thức nào mà được cho là hợp phép ;

theo đơn khởi tố và theo những lời luận trạng của hai bên mà lược tự việc kiện cùng những điều thuộc về pháp luật ;

các lời đã xử và những lý do gì làm cho quan tòa xử như thế ;

ngày phiên tòa đã xử án ấy và các án ấy đã xử có mặt các người đương-sự hay không, hay là trước mặt một đôi người trong số các người ấy, và những người nào đã có mặt thời kê rõ tên.

Điều thứ 93. — Những bản chánh án phải có chữ ký của các quan tòa đã xử án và các lục-sự đã làm ra án ấy.

Nếu có một quan tòa hay một lục-sự bị trở việc thời quan Thượng-Thư bộ Tư-Pháp thương đồng với Chánh-Phủ Bảo-Hộ mà cử quan tòa hay lục-sự khác ký thay cho người bị trở việc ấy.

Giấy cử người ký thay ấy, phải biên vào sau mỗi bản án, và phải dính theo các bản chánh án đã ký trước.

Trước khi bản thảo án chưa ký thời chưa có thể phát bản sao án hay trích lục án ấy cho ai được.

Điều thứ 94. — Những bản chánh án thời cất ở phòng lục-sự xếp theo thứ tự ngày tháng đã xử, và cuối mỗi năm thời gộp thành tập mà đóng lại với một bản mục lục theo thứ tự ngày tháng, có biên số hiệu của từng việc, tên của những người đương-sự và ngày tuyên án.

TIẾT THỨ VIII

**Nói về án xử khuyết tịch và sự xin kháng án
khuyết tịch.**

Điều thứ 95. — Khi nào ở trước phiên tòa xử việc mà những người nguyên cáo không đến hầu và cũng không uỷ người nào đại diện thời tòa án soát lại sự tổng đạt trát đòi chúng y có hợp phép hay không.

Nếu xét ra trát đòi không hợp phép, thời quan chánh-thẩm sẽ sức tổng trát lại một lần nữa đề đòi chúng y đến phiên tòa sau mà quan ấy định ngày, và nếu có cần thời chiếu đoạn cuối cùng điều thứ 31 luật này mà làm nữa.

Nếu có nhiều người nguyên cáo trong số ấy có một vài người không đến hầu, và nếu trát đòi những người này không hợp phép, thời cũng làm như trên này đối với chúng y.

Khi nào hoãn phiên tòa đề đòi lại, thời viên lục-sự giao cho những người nguyên cáo và bị cáo có đến hầu một cái giấy bảo cho y biết phiên tòa sau sẽ họp tại ngày giờ nào và ở chỗ nào, những điều ấy phải chép vào sổ đình ký thăm vấn có quan chánh-thẩm kiểm sát.

Khi nào người nguyên cáo đã do trát đòi đúng phép mà không đến hầu, cũng không gửi giấy xin cáo khiếm, và người bị cáo cũng không đến hầu thời tòa án truyền xóa bỏ việc ấy ở trong sổ thọ lý mà coi như là người đương-sự bỏ kiện, điều ấy chỉ biên vào sổ đình ký thăm vấn và tòa án có thể tuỳ theo trường-hợp mà chiếu điều 418, đoạn 2 luật hình mà xử phạt những người nguyên cáo không đến hầu.

Điều thứ 96. — Khi kêu việc ra xét xử, nếu người nguyên cáo đã do trát đòi hợp phép mà không đến hầu cũng không uỷ người đại diện đến hầu và cũng không gửi giấy xin cáo khiếm đáng tin nhưng người bị cáo lại có đến hầu, thời tòa án chiếu điều 418, mục thứ 2 luật hình mà làm án xử phạt

người nguyên cáo không đến hầu ấy, và truyền xoá bỏ việc kiện ấy ở trong sổ thọ lý; nếu người bị cáo có đơn phản tố thời đơn ấy sẽ vào sổ thọ lý, lấy sổ liệu khác, và người nguyên cáo lúc ấy lại trở làm người bị cáo, nhưng những số tiền của y đã ký quỹ về việc kiện trước sẽ dùng ký quỹ về việc phản tố này.

Khi người nguyên cáo không đến hầu mà người bị cáo có đến hầu, nếu người nguyên cáo ấy không được miễn phạt như đã định ở điều 98 sau này, thời chỉ khi nào y đã thi hành án xử phạt y rồi, khi ấy y mới được xin xét lại việc kiện, và lại nếu án xử phạt y đã thi hành rồi hay chưa thi hành, mà sau khi đã tổng đạt hợp phép cái án ấy hay cái án xử về việc y xin kháng án ấy rồi mà trong hạn một tháng kể từ ngày tổng đạt làm đầu y không xin xét lại việc kiện thời y không thể xin xét lại được nữa, khoản kiện ấy coi như là bị trước tiêu, nhưng trong giấy tổng đạt phải biên lời cáo thị cho y biết về sự « quá hạn không được xin xét lại » ấy nữa mới được.

Điều thứ 97. — Nếu trong những người nguyên cáo, đã do trát đòi hợp phép mà có người đến hầu, có người không đến hầu, cũng không uỷ người đại diện đến hầu, và cũng không gửi giấy xin cáo khiếm đáng tin, thời tòa án hoặc cứ xét xử việc kiện, hoặc truyền hoãn xét việc ấy mà sức đòi lại những người khiếm diện, phí tổn sẽ do những người ấy chịu, hoặc là tuỳ tình trạng mà truyền tách bỏ riêng ra những điều của những người khiếm diện ấy kêu.

Khi nào hoãn xét, hay là tách việc ra để xét như thế, thời tòa án chiếu điều 418, mục thứ II luật hình mà xử phạt người nguyên cáo nào đã vì sự khiếm diện của mình mà tòa án phải hoãn hay tách việc riêng ra như thế, và nếu trong hạn 1 tháng kể từ ngày án xử phạt này đã tổng đạt hợp phép cho y mà y vẫn không xin xét lại việc kiện, thời y không thể xin xét lại được nữa, coi như là việc kiện đã bị trước tiêu, nhưng trong giấy tổng đạt phải có câu cáo thị cho y biết sự « quá hạn không được xin xét lại » ấy mới được.

Điều thứ 98. — Cái án của tòa án hộ đã chiếu theo điều 418 đoạn 2 ở luật hình mà xử phạt người nguyên cáo khiếm diện thời có hiệu lực án vì cảnh. Quan tòa có thể tự mình xử bắt người ấy phải bồi thường cho người bị cáo có đến hầu một số tiền vừa phải, vì lẽ người này đã bị quấy rầy một cách vô ích; và án ấy cũng có thể bị kháng tố.

Tuy nhiên, nếu người bị án về sau có khai ra những duyên cớ mà tòa-án xét là có lý, thời tòa-án có thể thấu hồi án xử phạt ấy, nhưng không thể thấu hồi khoản bồi thường cho người bị cáo được.

Trừ ra khi nào án bị thấu hồi thời khi ấy người bị phạt chỉ đến phải bồi thường cho người bị cáo mà thôi thời không kể, còn ra thời án ấy sẽ do quan tòa địa hạt, hay là quan tòa trừng-trị và vì cảnh nơi trú quán hay nơi chỗ ở của người bị án đứng thi hành, quan tòa này nội trong hạn 3 ngày kể từ ngày quan tòa-án hộ gửi án ấy đến cho mình làm đầu thời phải sức lục tổng cho người bị án, giấy lục tổng này đã do viên lục-sự tòa-án hộ làm ra ba bản có câu cáo thị cho biết « sự quá hạn không được thừa nữa » mà đính theo bản án hay bản trích sao án.

Một bản sẽ lục tổng cho người bị phạt, nếu người này đi vắng, thời giao cho một người thành niên nhận giao lại cho y, hay là không có ai nhận, thời đem yết ở đình làng; một bản thời để vào hồ sơ còn một bản nữa, nếu có nên giao thời sẽ giao cho người bị cáo để người này về sau làm bằng rằng bên kia không được thừa nữa vì đã đề quá hạn.

Sự « không được thừa nữa vì quá hạn » ấy đã định ở các điều 96 và 97 luật này thời tòa án nhất thiết phải tuân theo, vậy khi nào biết được, thời quan tòa phải tự mình truyền sự « không được thừa nữa vì đã đề quá hạn » ấy, trừ ra khi nào thủ tục bị coi là vô hiệu thời không kể.

Điều thứ 99. — Khi nào chỉ một mình bên nguyên cáo đến hầu thời tòa án xem việc tổng các trát có hợp phép hay không.

Khi nào xét việc tổng trát cho người bị cáo là không hợp phép thời quan tòa đòi lại người ấy để đến hầu ở phiên tòa sau mà quan tòa sẽ định ngày ; viên lục-sự phải giao ngay cho người nguyên cáo đến hầu một cái giấy báo cho biết ngày nào có phiên tòa ấy, điều này sẽ biên vào sổ đình kỳ thăm vẫn có quan chánh-thẩm kiểm sát.

Khi nào xét ra việc tổng trát cho người bị cáo là hợp phép, nếu người này không đến hầu và cũng không gửi giấy xin cáo khiếm đáng tin hay là gửi giấy luận trạng có giá trị, thời tòa án xử khuyết tịch đối với y và nếu xét lời luận trạng của bên nguyên là đúng và phải lẽ thời xử cho bên nguyên được kiện và nếu trong lời y xin có điều gì quá đáng hay không hợp lẽ thời bác đi.

Tòa án sau khi đã nhận những giấy tờ có ích mà người nguyên cáo đã xuất trình thời cũng có thể hoãn xử việc ấy đến phiên tòa sau.

Nếu người bị cáo có gửi giấy xin cáo khiếm mà tòa án xét là có lý thời sẽ làm giấy mà báo cho y biết rằng việc của y hoãn đến phiên tòa nào giờ nào và ở nơi nào.

Điều thứ 100. — Án xử người bị cáo khuyết tịch sẽ do quan chánh-thẩm sức lục tổng cho y trong hạn ba ngày.

Người bị cáo bị xử khuyết tịch được chống án khuyết tịch ấy trong hạn mười ngày tròn kể từ ngày án ấy lục tổng cho y làm đầu ; nếu người ấy chết ở trong kỳ hạn kể từ ngày có trát đòi cho đến ngày hết hạn kháng án, thời người vợ hoặc những người thừa-kế của người ấy được gia thêm kỳ hạn là sáu mươi ngày nữa để xin kháng án khuyết tịch ấy, án đó có thể đem thi hành đối với chúng y.

Nếu quá hạn ấy, thời án đã xử đó sẽ coi là án chung thẩm và chỉ có thể kháng tố theo như cách thức kháng tố các án hộ khác ở trong kỳ hạn định về mỗi việc kháng tố và nếu cái việc xin ở trong đơn là những việc có thể kháng tố được, nhưng lúc nào kỳ hạn ấy cũng tính từ ngày hết kỳ hạn được kháng án khuyết tịch làm đầu.

Điều thứ 101. — Muốn tổng đạt các án xử khuyết tịch thời viên lục-sự gọi cho người bị xử một tờ cáo thị đã làm ra 3 bản trong ấy có báo cho y biết những lời xử trong án khuyết tịch ấy và y được kháng án ấy trong hạn luật định.

Lục tổng thời đọc tờ cáo thị và giao cho người bị xử ấy một bản. Viên chức hay viên dịch nào kiêm làm thừa-phát-lại coi về việc lục tổng ấy, sẽ viết ở dưới mỗi bản cáo thị một biên bản nói rõ việc đọc và giao tờ cáo thị ấy, cũng như là khi tổng đạt trát đòi, và kỳ hạn được kháng án khuyết tịch sẽ kể từ ngày biên bản ấy làm đầu ;

Những điều trên này phải làm cho đúng, nếu không thời vô hiệu.

Điều thứ 102. — Biên bản lục tổng án sẽ kê rõ các điều sau này :

Lục tổng tại ngày nào, ở nơi nào ;

Tên họ và chức-chương người đứng lục tổng ;

Số hiệu, ngày tháng của án, và tòa án nào đã xử án ấy ;

Tên họ và tư cách của những người đương-sự như đã biên ở trong án ;

Biên bản ấy cũng phải ký như biên bản tổng đạt trát đòi.

Khi người bị xử khuyết tịch không nhận tờ cáo thị thời những thẻ lệ định về trường hợp không nhận trát đòi sẽ thi hành đối với y, nhưng mà kỳ hạn được kháng án khuyết tịch thời vẫn kể từ ngày biên bản chứng nhận sự không nhận ấy, và sự yết tờ cáo thị ở đình làng nơi trú sở của người ấy.

Những điều trên này phải làm cho đúng, nếu không thời vô hiệu.

Điều thứ 103. — Khi nào không thể lục tổng án xử khuyết tịch cho đích thân người đương-sự được, thời đến trú quán của y mà đọc và giao tờ cáo thị ấy cho một người nhà hay là một người láng giềng y đã thành niên nhận để chuyển giao cho y.

Nếu không có ai nhận, thời đem tờ cáo thị mà gián ở đình làng trước mặt một hương chức đàn anh, hương chức này phải ký vào trong biên bản lục tổng ấy.

Điều thứ 104. — Trong hai trường hợp lục tổng án khuyết tịch đã nói ở điều trên này, thời người bị xử khuyết tịch được quyền kháng án khuyết tịch cho đến lúc thi hành hay là bắt đầu thi hành án ấy như hoặc là đem phát mãi tài sản của người ấy đã bị tịch biên hoặc là lập biên bản về sự vô lực mà có người ấy biết, hoặc là thi hành sự cân thúc thân thể đối với người ấy.

Điều thứ 105. — Khi nào bên bị xử khuyết tịch không ở trong địa hạt của tòa án đã xử việc của y, thời quan chánh-thẩm gửi giấy cáo thị đã lập ở phòng lục-sự mình, cho quan chánh-thẩm tòa án sơ-thẩm việc hộ nơi người ấy ở, để nhờ tổng đạt.

Điều thứ 106. — Khi lục tổng rồi, thời hai bản chánh của tờ cáo thị cái án xử khuyết tịch hay là xử xóa bỏ việc kiện, phải gửi trả lui liền cho quan tòa đã xử, nếu không thời hương chức coi về việc lục tổng hay kiêm chức thừa-phát-lại, phải bị truy cứu về mặt hình, và sẽ bị phạt bồi thường tổn hại nữa.

Khi đã nhận các giấy tờ trả lui ấy, thời quan chánh - thẩm soát lại xem biên bản lục tổng có làm đúng thể thức không.

Nếu không lập ra biên bản vào dưới mỗi bản cáo thị như luật đã định, thời quan tòa truyền lục tổng lại và xét xem tiền phí tổn là bao nhiêu thời bắt viên chức hay người làm thừa-phát-lại đã lục tổng sai phải chịu.

Nếu đã lục tổng hợp phép rồi, thời quan tòa truyền viên lục-sự đính và đề mãi những giấy tờ ấy vào hồ sơ, nhưng khi nào có người quan thiết đến việc đó cần viện đến cái án khuyết-tịch hay là cái án xóa bỏ việc kiện mà y có xin bằng đơn hay bằng miệng, thời lấy một bản cáo thi ấy cấp cho y mà không lấy tiền đề y có bằng cứ mà viện ra.

Điều thứ 107. — Khi nào án khuyết tịch xử lý đi, hay là tuyên cáo một việc giá thú vô hiệu, nếu không thể lục tổng án ấy đến tận tay người bị xử khuyết tịch được thời quan chánh-thẩm làm ra một cái lệnh mà công nhận rằng những giấy má thuộc về sự lục tổng đã trả lui cho mình ấy đều là hợp phép; trong lệnh ấy sẽ sức tìm kiếm và sức làm các phương-pháp công bố đề cho người bị xử khuyết tịch ấy có thể biết được; và sau khi thi hành những phương-pháp ấy, nếu quá hạn ba tháng kể từ ngày làm biên bản công nhận sự lục tổng ấy, thời người bị xử khuyết tịch sẽ mất quyền « kháng án khuyết tịch ».

Nhưng người ấy có thể làm các phương-pháp kháng tố khác cũng như các án hộ khác, và những kỳ hạn do luật định về mỗi phương-pháp kháng tố ấy chỉ tính từ ngày người ấy không có quyền kháng án khuyết tịch làm đầu.

Điều thứ 108. — Kháng án khuyết tịch thời do người bị xử xin bằng đơn hay bằng miệng, nếu người bị xử án chết đi, thời do người quả phụ hay những người thừa-kế y đứng xin, hoặc xin với công chức đứng lục tổng, khi ấy thời phải chép sự xin kháng án khuyết tịch vào biên bản tổng đạt;

Hoặc xin với quan chánh-thẩm hay xin tại phòng lục-sự tòa án đã xử án khuyết tịch ấy.

Hoặc xin với quan tòa coi sự thi hành án,

Hoặc xin với quan tòa hay viên chức sắp làm việc phát mãi các tài sản đã bị tịch biên; quan tòa hay là viên ấy phải lập biên bản mà có bị chú về sự hoãn việc phát mãi ấy, trừ khi nào xét ra sự xin kháng án ấy về hình thức rõ ràng là không đáng chuân chấp và chỉ là một cách hoãn kể thời cứ đem mà phát mãi.

Khi nào có sự kêu nại hay xin kháng cáo bản án xử khuyết tịch lên các quan tỉnh hay Chánh-Phủ Bảo-Hộ, ở trong kỳ hạn luật đã định, và đã báo cho tòa án ấy biết, thời cũng coi như là có sự xin kháng án khuyết tịch.

Điều thứ 109. — Giấy xin kháng án khuyết tịch hay cái biên bản chứng nhận sự xin kháng án ấy, sẽ đệ ngay về phòng lục-sự của tòa án đã xử án khuyết tịch ấy để vào sổ dù sự xin kháng án ấy về hình thức đã rõ ràng là không đáng chuẩn chấp cũng vậy.

Bất cứ trường-hợp nào, chỉ có tòa án ấy là có quyền so-thăm rằng sự xin kháng án khuyết tịch về hình thức có được chuẩn chấp hay không mà thôi, dầu sự thi hành án không đình chỉ cũng vậy.

Điều thứ 110. — Sự kháng án khuyết tịch làm theo đúng luật sẽ làm cho cái án bị kháng đó không có hiệu lực, khi sự kháng án ấy do một người thừa hưởng của người bị xử khuyết tịch đã chết rồi, thời đơn ấy đủ để tòa án đem tất cả những người có quyền thừa kế khác ra dự sự, và người vị thành niên thời do người giám hộ thay mặt, viên lục-sự sẽ trình với quan tòa biết rằng đã biên sự kháng án ấy ở phòng lục-sự rồi, và quan tòa sức đòi những người đương-sự đến hầu ở một phiên tòa sau mà quan tòa định ngày, và việc kiện ấy sẽ đem ra xét xử như là một việc mới, nhưng không thử làm hòa giải nữa.

Điều thứ 111. — Nếu khi đem việc ấy ra xét xử lại, mà người bị xử vắng mặt lại không đến hầu, thời tòa án làm án công nhận rằng trát đã đòi y là hợp phép, và người bị xử vắng mặt dù đã có trát đòi đúng phép mà trùng phũ: khuyết tịch, thời người ấy sẽ không được xin kháng án khuyết tịch nữa.

Nhưng người ấy có thể làm các phương-pháp kháng tố khác cũng như các án hộ khác nếu theo tính cách việc kiện, chiếu luật có thể làm được.

Điều thứ 112. — Án khuyết tịch nếu trong hạn một năm kể từ ngày tuyên án, mà chưa bắt đầu thi hành, và cũng không làm ra một cái biên bản về sự vô lực, hoặc vì bên đương-sự được kiện đã muốn hoãn thi hành, hoặc vì người đương-sự vắng mặt đã không chịu tuân theo, thời án ấy không thể thi hành nữa vì quá hạn, nhưng án ấy có thể do một cái án mới xử theo thể lệ thường thay thế cho mà không phải làm thủ tục hòa giải.

Điều thứ 113. — Nếu trong nhiều người bị cáo, mà có một người vắng mặt, dù đã do trát đòi hợp phép, thời tòa án tuyên cáo người ấy khuyết tịch và đem việc của y hợp với việc của các người bị cáo có đến hầu, và truyền rằng người ấy sẽ phải đòi lại đến hầu ở một phiên tòa sau mà quan tòa định ngày, để xử chung vào một án và sẽ coi là án xuất tịch, mà không được kháng án khuyết tịch, trừ ra khi nào người nguyên cáo tự xin thôi kiện người khuyết tịch ấy và nếu có thể tách riêng các việc kiện được, thời không kể.

Án xử khuyết tịch đem việc của người khuyết tịch hợp với việc của những người bị cáo có đến hầu như vậy phải tự rõ lý do và công nhận rằng trát đòi người đương-sự khuyết tịch ấy là hợp phép, án ấy sẽ được thi hành và tổng đạt cho người khuyết tịch mà có báo cho y biết rằng dù y lần này không đến hầu đi nữa thời tòa án cũng sẽ xử đối với y như là y có đến hầu, án ấy được coi là án xuất tịch và không thể kháng án khuyết tịch được.

Ngay sau khi tuyên án khuyết tịch đem việc của người khuyết tịch hợp với việc của người bị cáo có đến hầu, thời viên lục-sự giao cho những người có đến hầu một cái giấy báo cho họ biết ngày giờ và chỗ sẽ mở phiên tòa sau này, những điều ấy sẽ biên vào sổ đình kỳ thăm vấn, do quan chánh-thẩm kiểm sát.

Điều thứ 114. — Những án xử xóa bỏ việc kiện, án xử khuyết tịch đối với người bị cáo hay là án xử khuyết tịch đem việc của người bị cáo không đến hầu hợp với những người bị cáo có đến hầu mà làm ra sau khi đòi người bị cáo một cách vô hiệu, hoặc là vì làm không hợp thể thức, hoặc là vì tổng đạt không hợp phép, thời án ấy sẽ coi là vô hiệu.

Sự vô hiệu ấy, nếu không được người đương-sự thuận nhận một cách hiển nhiên hay mặc nhiên (đây là nói người đương-sự được phép viện ra sự vô hiệu ấy), thời sẽ làm cho những thủ tục tiếp theo trở nên vô hiệu.

Khi người đương-sự đã đến hầu ở các thủ tục phụ theo mà không nại gì, thời tức là người ấy đã thuận nhận một cách mặc nhiên.

Điều thứ 115. — Khi nào một phần hay tất cả những người đương-sự vắng mặt, thời sau khi đã chứng nhận sự vắng mặt ấy mà bị chú vào sổ đình-ký thăm-vấn rồi, tòa án cũng được hoãn xử việc ấy đến phiên tòa sau, nhất là khi nào có thể dự đoán rằng sự vắng mặt ấy có duyên cớ xác đáng, và sau này đến khi không có duyên cớ ấy nữa thời người đương-sự sẽ đến hầu.

Nhất là khi một người đương-sự có gửi giấy đến xin cáo khiếm và xin hoãn việc ấy đến phiên tòa sau, và nếu bên đối thủ không viện được lẽ gì xác đáng mà kháng nại, thời tòa án phải chứng nhận sự vắng mặt ấy mà biên vào sổ đình-ký thăm-vấn rằng có đơn xin hoãn xét xử, và định ngày phiên tòa để lại kêu việc ấy ra xét xử và nếu người đương-sự vắng mặt không theo lời đoan hiển nhiên hay mặc nhiên của y mà đến hầu ở phiên tòa này, và nếu theo tình trạng không có sự gì đáng nên hoãn xử một lần nữa, thời tòa án cứ xử khuyết tịch.

Khi nào có hoãn xử, thời những người đương-sự hiện diện sẽ do viên lục-sự giao ngay cho một tờ cáo thị báo cho biết phiên tòa sau sẽ họp ngày giờ nào và ở nơi nào để đến hầu, điều ấy phải biên vào sổ đình-ký thăm-vấn có quan chánh-thẩm kiểm sát.

Quan chánh-thâm sẽ tùy từng trường-hợp mà sức cho lục-sự gửi giấy đề báo cho bên đương-sự vắng mặt biết rằng phiên tòa đã hoãn lại ấy sẽ họp vào ngày giờ nào và nơi nào.

CHƯƠNG THỨ IV

Nói về việc kháng-cáo

TIẾT THỨ I

Điều khoản chung

Điều thứ 116. — Về hộ-sự và thương-sự, chỉ những người đương-sự trong việc kiện hay những người được hưởng quyền lợi của các người ấy mới có thể xin kháng-cáo mà thôi.

Quan Thượng-Thor bộ Tư-Pháp có thể xin kháng-cáo cái án mà nguyên quan ấy đã theo điều 17 luật này mà đứng mà xin xử.

Quan Thượng-Thor bộ Tư-Pháp cũng có thể xin kháng-cáo các án xử về nhân-thế hay về căn-cước của cá-nhân, và về những trường-hợp mà cần phải bảo-vệ quyền-lợi quan-trọng của người vị-thành niên hay người bị cấm quyền.

Điều thứ 117. — Kháng-cáo thời phải khai trình với quan tòa hay viên lục-sự của tòa án đã kết án. Tiếp sự khai trình thời viên lục-sự phải đăng ký ngay vào quyển sổ dùng về việc ấy, ngày đăng ký làm bằng chứng cho ngày xin kháng-cáo.

Xin kháng cáo có thể xin bằng đơn hoặc xin bằng miệng, có thể gửi đơn do nhà Bru-Điện hoặc đánh giấy thép mà xin.

Quan tòa có thể tùy trường-hợp mà coi cái ngày đóng dấu của nhà Bru-Chính gửi đi làm ngày kháng cáo.

Điều thứ 118. — Khi nào một bên đương-sự gửi đơn cho một nha môn nào của Chánh-Phủ Nam-Triều hay của Chánh-Phủ Bảo-Hộ mà không phải là tòa án có chức-trách nhận sự kháng cáo, đề kêu nại về một cái án hộ có thể bị kháng cáo, thời đơn ấy, khi đã do quan nào nhận được chuyển đệ về tòa án ấy rồi, tức là đơn kháng cáo, tòa án này phải đăng ký ngay việc kháng cáo ấy vào sổ. Gặp trường-hợp này thời cái ngày

mà công - chức nào đã tiếp đơn ấy để giao lại sẽ làm bằng chứng cho cái ngày xin kháng cáo, nhưng quan tòa được tùy theo tình trạng mà coi cái ngày đóng dấu của nhà Bru - Điện gửi đơn làm ngày kháng cáo.

Điều thứ 119. — Hạn kháng cáo là 30 ngày tròn, nếu kể quá hạn thời sẽ mất quyền kháng cáo. Hạn ấy tính như sau này :

1) Thuộc về án xuất tịch mà khi tuyên án có mặt người đương-sự đã được tòa án báo cho biết rằng họ được quyền kháng cáo và kỳ hạn kháng cáo là bao nhiêu, lời báo ấy phải biên vào sổ đình-ký thăm-vấn và tự vào đoạn xử ở trong án, thời hạn ấy kể bắt đầu từ ngày kết án ;

2) Thuộc về án xuất tịch mà khi tuyên án không có mặt người đương-sự, hay là nếu khi tuyên án có mặt người đương-sự nhưng không biên vào sổ đình-ký thăm-vấn và vào đoạn xử ở trong án rằng có báo cho người bị án biết cái quyền kháng cáo và cái kỳ hạn kháng cáo, thời hạn ấy kể bắt đầu từ ngày tổng đạt ; tổng đạt thời phải làm biên bản nói rõ rằng đã đọc và giao hay yết thị (theo cách thức tổng-đạt trát đòi) cái bản trích sao án do lục-sự làm ra hai bản để lục tổng mà có biên tất cả các lời xử và có nói đến quyền được kháng cáo cùng kỳ hạn kháng-cáo ;

3) Thuộc về án khuyết tịch xử đối với một người hay nhiều người bị cáo vắng mặt, thời hạn ấy kể bắt đầu từ ngày hết hạn kháng án khuyết tịch.

Khi quan Thượng-Thư bộ Tư-Pháp đượ kháng cáo, thời hạn ấy kể bắt đầu từ ngày có tổng kê án xử đệ về đến Bộ làm đầu, trừ những trường-hợp định ở điều 254 thời không kể.

Điều thứ 120. — Gặp trường-hợp mà người đương-sự chết đi, như đã định ở đoạn cuối cùng điều thứ 72, hay là khi kết án rồi người đương-sự chết trong hạn kháng cáo mà y chưa

kịp kháng cáo, thời hạn kháng cáo ấy được đình chỉ đối với người quả phụ và các người thừa-kế của y. Chỉ trừ khi nào lục tổng nguyên án cho những người ấy thời kỳ hạn ấy mới bắt đầu tính lại.

Một người hưởng quyền ấy đứng kháng cáo cũng đủ làm cho tòa án có quyền xét xử phải thọ lý đối với tất cả các người thừa-kế khác, những người này sẽ bị đòi ra dự sự, người giám hộ phải đến hầu thay cho người vị-thành-niên.

Điều thứ 121. — Quan tòa và lục-sự nhận việc xin kháng-cáo đều không có quyền thẩm định rằng việc xin kháng-cáo ấy có đáng được chuẩn chấp hay không, nhưng khi nào người xin kháng-cáo dùng lầm phương-pháp kháng tố thời được báo cho y biết sự lầm ấy; chỉ tòa án nào có trách nhiệm xét xử việc kháng-cáo mới có quyền thẩm-định rằng việc kháng-cáo ấy được chuẩn chấp hay không mà thôi. Quan tòa phải xem sóc đề đệ hồ-sơ việc đó lên tòa án trên cho mau, đệ cả bản án và giấy xin kháng-cáo cùng tờ trích sao lược biên thẩm-vấn có quan tòa và lục-sự sát thực nữa.

Các đơn hay giấy má gì thuộc về việc kháng-cáo đều phải dính vào hồ-sơ.

Nếu án có xử bất trả lệ phí, thời viên lục-sự phải dính vào hồ-sơ một bản kê rõ các lệ phí phải trả cho đến lúc xin kháng cáo.

Gặp trường-hợp mà việc xin kháng cáo không được chuẩn chấp vì dùng phương-pháp kháng tố có lầm, thời quan tòa xử việc kháng cáo nếu xét ra người đương-sự xin kháng cáo đã lầm thời làm ra một bản án mà chuyển giao việc ấy cho tòa án sở quan; gặp trường-hợp này thời việc xin kháng-cáo được coi là xin kháng tố theo luật định.

Điều thứ 122. — Nếu án không truyền sự thi hành tạm, thời việc xin kháng cáo và việc tiến hành thủ tục sự kháng cáo được làm cho sự thi hành án phải đình hoãn lại.

Điều thứ 123. — Khi nào có một cái án gọi lầm là án chung thẩm và tuy có kháng cáo mà vẫn đem thi hành, thời quan chánh-thẩm phòng hộ ở tòa án nhận xử việc kháng cáo ấy có thể hoặc do người đương-sự có đơn kháng cáo hợp phép, hoặc là tự ý mình làm lệnh truyền hoãn sự thi hành án trước khi xét đến nội dung khoản kiện.

Khi nào có một cái án gọi lầm là án chung thẩm, sơ thẩm hay trung thẩm mà đã bị kháng cáo hợp phép, thời cũng thuộc về quyền tòa án kháng cáo định rõ cho cái án ấy là sơ thẩm, chung thẩm hay là trung thẩm.

Điều thứ 124. — Sự kháng cáo những án khuyết tịch còn ở trong hạn kháng án khuyết tịch, thời không được chuẩn chấp.

Sự kháng cáo một cái án xử về việc kháng án khuyết tịch, sẽ có hiệu lực tới cái nguyên án đã bị kháng án.

Điều thứ 125. — Đối với các định lệnh, chỉ khi nào luật định là được kháng cáo mới được kháng cáo.

Điều thứ 126. — Chỉ được xin kháng cáo những án xử về nội dung việc kiện mà thôi. Nhưng mỗi khi có kháng cáo thời tất cả việc kiện sẽ do tòa án thụ lý việc kháng cáo xét xử lại, tòa án này có thể hoặc xử tiêu hoặc xử cải các lời đã truyền trong án dự tiên nữa.

Tuy nhiên tòa án thụ lý việc kháng cáo cũng phải kể đến sự phục tình của tất cả hay của một vài người đương-sự về một vài khoản đã xử trong vụ kiện.

Điều thứ 127. — Người đối thủ với người kháng cáo có thể trình ra những luận trạng để xin cải án theo quyền lợi mình mà không cần buộc phải xin kháng cáo phụ đới.

Điều thứ 128. — Việc kháng cáo không thể làm cho một bên đương-sự được vượt qua một tòa án thuộc đẳng cấp nào. Người kháng cáo cũng như người đối thủ đều không thể xin thêm điều thỉnh cầu gì mới, trừ ra khi nào điều thỉnh cầu mới là thuộc về sự đền bù hoặc là chống lại về việc kiện chánh thời không kể.

Tuy nhiên, hai bên đương-sự vẫn có thể kêu xin các khoản tiền lời, tiền thiếu hàng kỳ, tiền thuê hoặc các phụ khoản đã đáo hạn từ khi xử cái án hiện bị kháng cáo, và các khoản bồi thường sự thiệt hại do vụ kiện đã sinh ra.

Cũng như các tòa án hộ sơ thẩm, các tòa án xét việc kháng cáo phải xử đoán theo các lời kết luận của hai bên đương-sự, trừ khi gặp trường-hợp đã định trong điều 83 thời không kể.

Điều thứ 129. — Khi nào một bản án đã bị tuyên cáo là vô hiệu vì làm không hợp thể thức, thời tòa án xét việc kháng cáo có thể giữ việc ấy lại mà xét xử, hoặc giao trả lại cho tòa án đã làm lầm bản án ấy mà thành ra vô hiệu, trừ ra phải theo thể lệ định về việc tiêu án, thời không kể.

Khi nào kháng cáo một cái án đã tuyên cáo rằng tòa Nam án không có quyền xử, và không xét xử đến nội dung việc kiện, nếu tòa án xét việc kháng cáo bác lời tuyên cáo vô thẩm quyền ấy, thì có thể vừa truyền rằng tòa Nam án có quyền xét xử, vừa giữ việc ấy lại mà xử nếu việc ấy xét được rõ ràng; nếu việc chưa được rõ ràng, thì có thể giao việc ấy lại cho tòa án đã xử trước để xét xử về nội dung, tòa án này phải tuân theo lời tòa án xét việc kháng cáo nói về vấn đề quyền hạn.

TIẾT THỨ II

Nói về việc kháng cáo trước tòa án tỉnh

Điều thứ 130. — Các án của những tòa án hộ sơ thẩm thuộc về một tòa án tỉnh nào, đã chiếu điều 23 luật Trung-Kỳ Pháp-Viện Biên-Chế mà sơ thẩm, đều có thể kháng cáo lên tòa án tỉnh ấy.

Điều thứ 131. — Các định lệnh của những tòa án hộ sơ thẩm thuộc một tòa án tỉnh nào cũng đều có thể kháng cáo lên tòa án tỉnh ấy trong những trường-hợp mà luật cho phép kháng cáo.

Điều thứ 132. — Khi nhận hồ sơ án thời quan chánh-thẩm phòng hộ tòa án tỉnh định ngày phiên tòa đem việc ấy ra xét, và báo cho lục-sự biết.

Lục-sự biên việc kháng cáo vào sổ thụ-lý, biên vào tờ kê biên những việc của phiên tòa đã định, và làm ra các bản trát đòi theo như thể thức làm ở tòa sơ-cấp, nhưng ở chỗ biên việc kiện thời biên việc xin kháng cáo.

Điều thứ 133. — Quan chánh-thẩm phòng hộ tòa án tỉnh đốc làm công việc tổ-tụng dưới quyền kiểm sát của quan Thượng-Thor bộ Tư-Pháp; quan này lúc nào cũng có thể đòi lấy hồ-sơ và yêu cầu xét xử thế nào.

Quan chánh-thẩm phòng hộ tòa án tỉnh có thể làm ra định lệnh đề truyền làm những điều mà tòa sơ thẩm đã bỏ quên, hoặc là những điều cần cho tình hình mới của việc kiện, đại khái như là lệnh tịch biên bảo thủ, lệnh đòi ra dự sự v.v...

Quan chánh-thẩm sẽ trông nom đề cho các người đương-sự có trát đòi đến hầu và gọi ra phiên tòa y như khi ở trước tòa án hộ sơ thẩm.

Quan chánh-thẩm sẽ theo đúng các thể lệ tổ tụng ở tòa sơ-thẩm hợp với cách tổ chức của tòa án tỉnh; các thể lệ ấy phải theo đúng, nếu không thời sẽ coi là vô hiệu.

Quan chánh-thẩm phải xem sóc đề cho các người đương-sự, hoặc người đại diện hợp phép của họ được xem hoặc sao hồ-sơ ở phòng lục-sự, theo những cách thức mà quan Thượng-Thor bộ Tư-Pháp đã định ra sau khi đã có quí Khâm-Sứ đại-thần ý hiệp.

Điều thứ 134. — Việc kháng cáo sẽ xử nội trong hai tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ-sơ việc ấy làm đầu.

Khi việc đã vào sổ thụ lý và đem ra trước phiên tòa thời chỉ có thể hoãn một lần mà thôi, mà không được hoãn quá một tháng, trừ khi hai bên thuận định khác thời không kể.

Điều thứ 135. — Trừ ra khi thua kiện người kháng cáo phải bị xử trả lệ phí như người nguyên đơn thua kiện trong

lúc sơ thẩm, khi tòa án tỉnh xét ra là đã lạm dụng cái quyền kháng cáo thời lại có thể bị xử phạt bạc ba đồng (1), ngoài ra còn có thể bị xử trả bồi thường tổn hại cho bên đương-sự bị thiệt.

TIẾT THỨ III

Nói về thủ tục trước tòa Thượng-Thẩm

Điều thứ 136. — Những án do phòng hộ của tòa án tỉnh, chiếu theo điều 33 luật Trung-Kỳ Pháp-Viện Biên-Chế mà xử trung thẩm, đều có thể được kháng cáo lên tòa thượng thẩm.

Điều thứ 137. — Đối với những định lệnh của quan chánh-thẩm phòng hộ tòa án tỉnh làm ra, thời khi nào luật cho phép mới có thể kháng cáo lên tòa thượng-thẩm được.

Điều thứ 138. — Khi kháng cáo thời người đương-sự phải dự ký một số tiền năm đồng bạc ở phòng lục-sự tòa án tỉnh hay tòa thượng-thẩm để dự nạp bạc phạt thời sự kháng cáo mới được chuẩn chấp. Viên lục-sự nhận bạc dự ký, thời cấp biên lai cho người đương-sự giữ cất để khi nào quan chánh-thẩm phòng hộ tòa thượng-thẩm có hỏi đến thời xuất trình.

Viên lục-sự sẽ biên việc có dự ký hay không dự ký vào bản sao tờ kháng cáo đính ở hồ-sơ; lời biên ấy phải ghi luôn số hiệu biên lai tồn căn về số bạc đã nạp.

Nếu không dự ký bạc phạt ở trong kỳ hạn do quan tòa định, thời sự kháng cáo sẽ bị tuyên cáo là không được chuẩn chấp.

Người kháng cáo nào đã được tư-pháp bảo trợ, thời sẽ miễn dự ký bạc phạt. Khi nào sự kháng cáo ấy do quan Thượng-Thor bộ Tư-Pháp đứng làm thời không phải dự ký gì.

Điều thứ 139. — Quan chánh-thẩm phòng hộ tòa thượng-thẩm đốc làm thủ tục dưới quyền kiểm sát của quan Thượng-Thor bộ Tư-Pháp, quan này lúc nào cũng có thể đòi lấy hồ sơ để xem và yêu cầu xét xử thế nào.

(1) Sự phạt này không phải như là phạt về mặt hình.

Ngay khi tiếp nhận hồ-sơ thời quan chánh-thẩm phòng hộ định phiên tòa sẽ đem việc ấy ra xét xử, và bảo cho viên lục-sự biết đề mà đăng vào sổ thụ lý và biên vào tờ kê biên các việc ra xử ở đình kỳ ấy.

Tờ kê biên ấy sẽ yết ở nơi thính giả ngồi của tòa thượng-thẩm ít là 15 ngày trước ngày phiên tòa, ngày yết ấy sẽ do viên lục-sự bị chú và ký tên ở dưới tờ kê biên ấy làm bằng.

Quan chánh-thẩm phòng hộ sẽ trông coi đề cho hai bên đương-sự biết ngày phiên tòa xét xử việc của họ mà bảo viên lục-sự gửi giấy báo cho họ biết, ngay trong cái ngày định phiên tòa.

Những người đương-sự hay những người đại diện hợp pháp của họ, có thể đến xem hay chép hồ sơ ở phòng lục-sự, theo như thể lệ của quan Thượng-Thor bộ Tư-Pháp đã định ra sau khi đã có qui Khâm-Sứ đại-thần ý hiệp.

Điều thứ 140. — Việc kháng cáo sẽ xử trong hạn ba tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ-sơ việc ấy.

Khi việc đã vào sổ thụ lý và đã đem ra trước phiên tòa, thời chỉ có thể hoãn một lần mà thôi, mà không được hoãn quá một tháng, trừ khi hai bên đương-sự có thuận định khác thời không kể.

Điều thứ 141. — Việc kiện và những người đương-sự sẽ kêu ra trước phiên tòa như lúc sơ-thẩm và trung-thẩm.

Phòng hộ của tòa thượng-thẩm sẽ bằng theo giấy má mà xử.

Những người đương-sự đến hầu, hay ủy người đại diện hợp pháp đến hầu nếu họ cho đến hầu như thế là có lợi cho họ; họ cũng có thể gửi cho phiên tòa những tờ luận trạng về việc kháng cáo để đính vào hồ sơ.

Điều thứ 142. — Những người đương-sự có đến hầu, sẽ được quan tòa đọc cho nghe các tờ luận trạng về việc kháng cáo của bên đối thủ đã gửi đến, rồi quan chánh-thẩm sẽ hỏi họ về lời luận trạng hay lời chỉ trích của họ.

Những tờ luận trạng và các giấy tờ của những người đương-sự đã xuất trình đều phải đính vào hồ-sơ, trừ những bản chánh các thư khế mà họ đã nạp bản sao thời quan tòa cho phép giữ, nếu không cần bắt họ ký tồn ở phòng lục-sự để cứu xét. Nếu có ký tồn thời viên lục-sự phải phát biên lai cho họ.

Điều thứ 143. — Tòa thượng thẩm xử xuất tịch đối với người đương-sự đã tự ở trong án tỉnh là có đến hầu, dù ở tòa kháng cáo y không đến hầu cũng vậy.

Người đương-sự nào không làm tờ luận trạng về việc kháng cáo sẽ coi là y muốn giữ lời đã khai trước nhưng bao giờ quan tòa cũng có quyền giải thích theo ý kiến mình như điều 83 đã định, và điều này cũng đem thi hành ở tòa thượng thẩm.

Điều thứ 144. — Tòa thượng thẩm sẽ xử khuyết tịch đối với người đương-sự đã kê trong cái án tỉnh là khuyết tịch, mà nay cũng vẫn không đến hầu; nhưng nếu người đương-sự ấy, hay là người đại diện hợp pháp của y có đến hầu thời án sẽ xử xuất tịch đối với họ ở trước tòa thượng-thẩm.

Những án khuyết tịch của tòa thượng-thẩm, cũng có thể bị kháng án khuyết tịch theo thể thức đã định cho những án khuyết tịch do các tòa án dưới đã xử.

Khi nào một người khuyết tịch ở tòa án tỉnh mà có đến hầu ở tòa thượng-thẩm như đã nói ở đoạn thứ nhất, hay khi người đương-sự xin kháng án khuyết tịch như đã nói ở đoạn thứ hai điều này, thời tòa thượng-thẩm, sau khi hoặc đã chứng nhận cái án xử xuất tịch vì người đương-sự khuyết tịch ở tòa án tỉnh nay có đến hầu, hoặc chuẩn chấp sự kháng án khuyết tịch của người đương-sự vắng mặt, thời có thể tùy tình trạng mà giữ việc ấy để xử về nội dung hay là giao việc ấy lại cho tòa án đã xử khuyết tịch khi trước để tòa án này xử về nội dung.

Điều thứ 145. — Khi xem hồ-sơ hay khi thẩm vấn ở phiên tòa mà xét ra rằng có những người nào có dính đến việc kiện,

thời có thể do tòa thượng-thẩm làm án, hoặc là do quan tòa phòng hộ làm lệnh mà đòi tất cả những người ấy ra dự sự.

Tuy nhiên những người đem ra dự sự đều sẽ do trát đòi đến hầu và quyền chống cãi định trong lúc sơ thẩm cũng đem thi hành đối với họ.

Điều thứ 146. — Khi nào xét trong hồ-sơ chưa đủ lẽ để thẩm đoán, thời tòa thượng-thẩm có thể làm án dự tiên mà truyền đòi đích thân các người đương-sự đến hầu và thường được làm các phương-pháp thẩm vấn mà luật pháp cho làm.

Điều thứ 147. — Khi việc đã xét hỏi xong và cuộc thẩm vấn đã kết liễu, thời quan chánh-thẩm truyền đem hội bàn.

Sau khi quan tòa đã chiếu theo thể lệ định ở điều 43 luật Trung-Kỳ Pháp-Viện Biên-Chế mà làm thời án xử, dù là án dự tiên cũng phải tuyên ở phiên tòa sau mà không phải báo cho các người đương-sự biết.

Điều thứ 148. — Người đương-sự nào bị thua kiện ở trước tòa thượng-thẩm, thời bị xử phải trả án phí, ngoài ra còn phải bị xử bồi thường tổn hại vì kiện bậy nữa.

Khi người kháng-cáo thua kiện thời án xử tịch một số tiền mà y đã dự ký nạp phạt, nếu y được kiện, thời án truyền trả lại tiền ấy cho y.

Người kháng-cáo nào được tư-pháp bảo trợ mà bị thua kiện thời có thể bị câu thúc thân thể để trả số bạc mà y khỏi phải dự ký ấy.

CHƯƠNG THỨ V

Nói về các phương-pháp điều tra.

Điều thứ 149. — Khi nào tòa án xét trong những lời khai của người đương-sự, trong giấy má và trong những tình trạng của việc kiện chưa đủ lẽ để định lòng tin, thời tòa án có thể hoặc tự mình, hoặc do một bên đương-sự xin mà làm các phương-pháp điều tra theo thể thức đã định ở chương này.

Khi ấy tòa án làm ra một bản án dự tiên mà nói rõ lý do.

Điều thứ 150. — Tuy nhiên, trong việc kiện về động-sản mà số tiền gốc do người nguyên đơn thỉnh cầu không quá 150\$00 hay trong việc kiện về bất-động-sản mà cái giá tài sản tranh tranh không quá 150\$00, và trong các việc mà không có tranh tụng, như là việc xin làm án công nhận các sự sinh, tử, giá - thú v.v., thời tòa án sơ thẩm không cần phải làm án dự tiên mà cũng được làm các phương-pháp điều tra khẩn cấp, như là nghe lời khai của người chứng đã do một bên đương-sự nài ra, và nếu có người giám định chuyên môn thời cũng có thể nhờ người ấy làm giám định, nhưng phải dè dặt và phải xem sóc đến sự bảo vệ quyền chống cãi của người đương sự. Quan tòa sẽ tùy tánh cách của phương-pháp điều tra mà theo thể thức đã định ở các tiết sau này mà làm và lập ra biên bản. Tòa án sẽ tùy trường-hợp mà hoặc xử ngay việc ấy hoặc là hoãn việc ấy đến phiên tòa sau để cho hai bên đương-sự đệ lời luận trạng.

Điều thứ 151. — Người đương-sự nào xin quan tòa điều tra một việc gì thời đối với việc điều tra ấy được coi là người nguyên cáo, dù trong khoản kiện ấy y là người bị cáo cũng vậy; người ấy phải đem nạp ở phòng lục-sự số tiền dự ký để thi hành việc điều tra ấy, trừ ra khi nào người ấy được tư-pháp bảo trợ hoặc là khi nào án dự tiên có định khác thời không kể, và bên đối thủ nếu xét vì quyền lợi mình mà muốn nạp thế cho người kia số tiền dự ký ấy, thời cũng được nạp.

Điều thứ 152. — Viên lục-sự gửi giấy báo cho người đương-sự có quan hệ đến khoản kiện biết số tiền mà y phải dự ký, có quan chánh-thẩm kiểm sát.

Người đương-sự nào không được tư-pháp bảo-trợ hoặc là không xin tư-pháp bảo-trợ, khi đã được báo cho biết số tiền phải dự ký mà không đem nạp số tiền ấy, thời lúc đem

khoản kiện ấy ra xử, quan chánh-thâm sức cho y biết phải nộp số tiền ấy trong hạn do quan ấy định, và nói cho y biết rằng nếu y không nộp số tiền ấy trong hạn định thời tòa án có thể xử đến nội dung khoản kiện ấy mà không làm phương-pháp điều tra do y xin, y phải chịu trách nhiệm về sự không làm phương-pháp điều tra ấy.

Điều thứ 153. — Gặp trường-hợp này, quan chánh-thâm sau khi đã tuyên cái án dự tiên thời định ngày phiên tòa đem xử khoản kiện đã hoãn ấy. Các người đương-sự hiện diện đều được báo cho biết ngày phiên tòa ấy theo cách thông thường.

Đến phiên tòa này, nếu người đương-sự đã ký tồn số tiền dự ký về việc điều tra rồi, thời quan chánh-thâm định lại một phiên tòa khác để xử việc ấy, ngày phiên tòa này sẽ định cho vừa vào sau khi xong cuộc điều tra. Nếu có quên, và nếu vì tánh cách của việc điều tra mà tòa án tưởng không nên định phiên tòa sau để xử, thời tòa án làm ra trát đòi mới mà xét xử khoản kiện.

Điều thứ 154. — Biên bản về việc làm các phương-pháp điều tra thời phải dính vào hồ-sơ.

Trừ ra trường-hợp mà được phép làm các phương-pháp điều tra như đã định ở điều 150 trên này không kể, phàm từ ngày mà biên bản về việc làm phương-pháp điều tra dính vào hồ-sơ cho đến ngày phiên tòa mà đem khoản kiện ra xử về nội dung quan tòa phải để cho các người đương-sự một kỳ hạn vừa đủ để cho họ có thể xem các giấy má và sửa soạn các tờ luận trạng; nếu cần thời quan tòa phải hoãn việc ấy đến một phiên tòa sau, để bảo vệ quyền chống cãi của người đương-sự.

Điều thứ 155. — Quan tòa có thể vừa xử đến sự vô hiệu của cuộc điều tra, vừa xử đến nội-dung khoản kiện.

Nếu xét ra là cần làm để biết chắc tình-lý về việc kiện

thời tòa án cũng có thể làm một bản án dự tiên khác để điều tra lại.

Điều thứ 156. — Các thể lệ định ở trong điều 25, 34 và 43 luật Trung-Kỳ Pháp-Viện Biên-Chế không đem thi hành đối với các án dự tiên.

TIẾT THỨ I

Nói về euộc xét hỏi.

Điều thứ 157. — Quan tòa có thể tự mình hay là do người đương-sự xin mà truyền xét hỏi, bất cứ là kiện về việc gì.

Điều thứ 158. — Người đương-sự nào xin quan tòa xét hỏi thời phải nói rõ các điều và các khoản ước mà y xin đem ra để làm bằng chứng; tòa án nếu xét cần thời hỏi y nói rõ ràng các điều mà y xin tố bằng chứng ấy là những điều gì.

Bên đối thủ có quyền tố ra bằng chứng trái lại.

Điều thứ 159. — Tòa án xét xem điều mà người đương-sự xin xét đó có quan thiết đến việc kiện và có thể làm cho đoán định việc kiện hay không; trong án phải minh tự các lý do đã làm cho tòa án nhận đơn hay là bác đơn xin xét hỏi ấy.

Điều thứ 160. — Nếu tòa án ưng cho xét hỏi thời trong án dự tiên, phải định ngày giờ và chỗ nào mà tòa án sẽ tự mình xét hỏi ở phiên tòa công khai; tòa án cũng có thể ủy một quan tòa để xét hỏi ở phòng giấy; gặp trường-hợp này, thời quan tòa được ủy ấy định rằng việc xét hỏi ấy sẽ làm ở chỗ nào và ngày giờ nào.

Quan chánh-thâm truyền giao hoặc là truyền gửi bản án dự tiên và nếu cần thời gửi hồ-sơ việc xét hỏi ấy cho quan tòa được ủy biết mà làm.

Ở trước tòa án hộ sơ-thâm, các việc xét hỏi đều làm ở phiên tòa công khai, trừ ra khi xét việc ly-dị hoặc là khi nào

khoản kiện đó cần xét ở phòng kín, thời khi ấy việc xét hỏi sẽ làm ở phòng giấy.

Điều thứ 161. — Ở câu truyền trong án dự tiên truyền việc xét hỏi, phải nói thật phân minh rằng những điều mà tòa án cho người đương-sự trình ra bằng chứng hoặc bằng giấy má hoặc là bằng lời khai của nhân chứng, là những điều gì, phải nói rõ từng điều một, trong án ấy lại nhắc cho bên đối thủ biết rành; y được quyền xuất trình bằng chứng trái lại.

Điều thứ 162. — Ở câu truyền trong án dự tiên lại phải truyền rằng các người đương-sự trong hạn 8 ngày phải nạp ở phòng lục-sự tờ kê tên họ và chỗ ở của các người chứng mà chúng y muốn quan tòa đòi hỏi, ngoài ra nếu tòa án muốn đòi thêm một vài người chứng, thời cũng có quyền đòi.

Điều thứ 163. — Kỳ hạn ấy là kỳ hạn tròn, và kể bắt đầu từ ngày tuyên án có các người đương-sự hiện diện.

Đối với các người đương-sự mà khi tuyên án họ vắng mặt, thời kỳ hạn ấy kể bắt đầu từ ngày lập biên bản tổng đạt theo cách thông thường bản sao án mà viên lục-sự đã làm ra, dưới quyền kiểm sát của quan tòa.

Khi nào người đương-sự đệ nạp tờ kê tên họ các người chứng rồi, thời viên lục-sự phải xuất biên lai có đề cái ngày đệ nạp ấy.

Điều thứ 164. — Hết kỳ hạn nói trên, thời trong hạn 24 giờ đồng hồ, các người đương-sự và các người chứng đều bị đòi đến hầu, trát đòi phải tự rõ là đến hầu ở đâu, ngày giờ nào, và vì lẽ gì mà phải đòi đến hầu, trát ấy do viên lục-sự làm ra có quan chánh-thâm hay quan tòa được ủy kiểm sát; và tổng đạt theo cách thông thường ít ra cũng phải trước ngày phiên tòa 3 ngày tròn.

Ngoài ra nếu xét là cần thời tòa án cũng được lấy các lời khai chứng khác để phát ra sự thực.

Điều thứ 165. — Khi quan tòa xét hỏi ở phiên tòa công khai hay là ở phòng giấy thời đều phải lập ra biên bản.

Vậy thời viên lục-sự phải soạn các giấy cho vừa đủ để biên các lời khai, rồi ngay khi cuộc xét hỏi kết liễu, viên ấy phải đóng các giấy ấy với nhau để dính vào hồ-sơ.

Điều thứ 166. — Cuộc xét hỏi phải làm ở trước mặt các người đương-sự đã do trát đòi đúng phép đến hầu.

Nếu có người đương-sự nào không đến hầu, thời tòa án hay là quan tòa được ủy, sau khi xét xem trát đòi chúng y là hợp phép, thời biên vào biên bản rằng chúng y vắng mặt dù đã có trát đòi đúng phép, rồi nếu chúng y không có đơn xin hoãn xét việc ấy có thể chuẩn chấp được, thời tòa án cứ làm việc xét hỏi trong lúc chúng y vắng mặt.

Điều thứ 167. — Khi nào một bên đương-sự vì không được đòi đúng phép nên không đến hầu, thời cuộc xét hỏi phải hoãn lại; quan tòa làm biên bản xét hỏi mà tự rằng người đương-sự vắng mặt, trát đòi y không đúng phép, và nói cả ngày giờ và địa điểm mà tòa án hay quan tòa được ủy đã định để kế tiếp cuộc xét hỏi, lại phải mình tự rằng đã báo cho các người đương-sự và các người làm chứng hiện diện biết điều ấy, rồi viên lục-sự theo cách thông thường mà làm giấy tin cho chúng y biết nữa; trong biên bản ấy cũng có truyền rằng người đương-sự vắng mặt sẽ bị đòi ra lần nữa để quan tòa xét hỏi.

Khi nào một viên chức, hay là một viên dịch làm thừa-phát-lại mà tổng đạt trát đòi không đúng phép nên người đương-sự không đến hầu, thời tòa án hay là quan tòa được ủy cũng có thể truyền rằng người viên dịch ấy phải chịu phí tổn về khoản tổng đạt trát đòi lần thứ hai này, không kể đến việc mà theo pháp luật y phải bị truy cứu về mặt hình hay là bị xử bồi thường tổn hại nữa.

Điều thứ 168. — Dù là các người đương-sự hiện diện hay vắng mặt, quan tòa phải hỏi riêng từng người làm chứng; quan chánh-thẩm hay là quan tòa được ủy phải xem sóc thể nào cho các người làm chứng đến khai, đứng ở một chỗ mà chúng y không thể nghe lời khai các người chứng khác mà quan tòa đã hỏi trước chúng y, rồi quan tòa truyền đòi hỏi chúng y theo thứ tự mà quan ấy cho là hợp lẽ; tuy nhiên, các người làm chứng của bên nào đã xin làm cuộc xét hỏi đều được hỏi trước các người làm chứng mà bên đối thủ đã viện ra để làm bằng chứng trái lại.

Điều thứ 169. — Căn cước của những người chứng cũng phải xét như căn cước của những người đương-sự. Biên bản cuộc xét hỏi phải kê rõ, ở phía trên những lời khai của từng người, số hiệu thứ tự mà người chứng ấy đã được hỏi, tên, tuổi, nghề nghiệp, trú quán của người ấy, và có tính bà con, tính thông gia hay tính thầy trò gì với người đương-sự hay không và làm cách nào mà xét căn cước của người ấy. Người đương-sự đã nại một người nào ra làm chứng đến lúc này cũng có thể chỉ trình miệng đề xin đừng hỏi người chứng ấy nữa; lời xin ấy sẽ biên vào biên bản, nhưng tòa án hay quan tòa được ủy có quyền tự mình hay là theo lời của người đương-sự bên kia mà hỏi người chứng ấy về các điều cần biết, trừ ra khi người ấy sẽ phải kêu ra để làm chứng cho người đương-sự bên đối thủ thời không kể.

Điều thứ 170. — Khi đã xét căn cước rồi và đã biên vào biên bản rằng người chứng đối với người đương-sự có tính thân thuộc hay thầy trò thể nào, thời quan chánh-thẩm, hay quan tòa được ủy, cho mỗi người chứng biết rằng đòi họ làm chứng về những điều gì, và báo cho họ biết rằng họ phải chịu trách nhiệm về lời khai của họ, trừ khi có người chứng trẻ tuổi hay vì một duyên cớ khác, quan tòa xét chỉ nên nghe lời họ đề cho biết các tin tức cần biết mà thôi, thời không kể.

Phải để cho người làm chứng được khai từ đầu chí cuối, không nên dứt lời người ta; khi họ đã khai xong rồi, thời quan tòa có thể tự ý mình, hay là do một bên đương-sự xin mà hỏi thêm câu gì đáng hỏi.

Đối với các lời khai của những người chứng có tình bà con, thông gia hay thầy trò với người đương-sự đã xin đem y ra hỏi chứng hay là đối với lời khai của những người mà quan tòa chỉ hỏi để biết một vài điều cần biết mà thôi, thời các lời khai ấy đáng tin chừng nào thời tùy quan tòa liệu nghĩ.

Điều thứ 171. — Biên bản cuộc xét hỏi phải chép tất cả những lời của người chứng đã khai và chép cho đúng. Biên bản ấy sẽ đọc lại cho người chứng nghe, và sau khi quan tòa hỏi lại mà y đã xin chịu trách nhiệm về lời y khai, thời người chứng ký tên vào dưới biên bản. Nếu có người chứng không thể ký tên, thời in dấu ngón tay dưới chỗ mà viên lục-sự đã biên tên của y. Nếu người chứng không chịu ký và cũng không chịu in dấu ngón tay, thời bị chú vào biên bản hỏi chứng; rồi quan tòa hay quan tòa được ủy và viên lục-sự đều ký vào.

Các quan thẩm phán ngồi phiên tòa, hay quan tòa được ủy viên lục-sự cùng các người đương-sự hiện diện đều ký vào biên bản ấy mỗi khi hoàn cuộc xét hỏi và khi kết liễu cuộc xét hỏi.

Điều thứ 172. — Cấm không được viết chữ nọ đề lên chữ kia và không được cạo tẩy, và khi nào có móc thêm vào chỗ lưu không bên tả trường giấy, hay bỏ bớt bao nhiêu chữ, nếu là ở lời khai thời do người chứng ký nhận, và nếu là chung cho biên bản thời do quan chánh-thẩm hay quan tòa được ủy, viên lục-sự và các người đương-sự hiện diện ký nhận.

Điều thứ 173. — Khi tất cả những người làm chứng do bên đương-sự xin xét hỏi, đã khai xong rồi, thời biên bản kết liễu; nếu như có cuộc xét hỏi lại để lấy những lời khai của những người chứng do người đương-sự bên đối thủ nại

ra thời sẽ làm thêm biên bản khác, việc xét hỏi lại này cũng theo cách thức như cuộc xét hỏi trước mà làm, và người chứng nghe đầu tiên là người làm chứng số một, chứ không tiếp theo số hiệu của những người chứng cuối cùng đã khai lần trước.

Điều thứ 174. — Đến ngày đã định mở cuộc xét hỏi, nếu một bên đương-sự xin triệu hoãn, thời tòa án hoặc quan tòa được ủy có thể truyền cho hoãn ở trong biên bản.

Sự triệu hoãn ấy có thể xin trước hay sau khi đã hỏi chứng; và có thể do tòa án hay quan tòa được ủy tự truyền.

Nếu người đương-sự xin triệu hoãn lần thứ hai, thời chỉ khi nào có một người chứng không thể đến hầu được vì một duyên cớ ngẫu nhiên hay là vì tình thế gì mà sức người không chống lại được thời khi ấy tòa án mới cho.

Điều thứ 175. — Khi một người làm chứng không đến hầu thời quan chánh-thẩm hay quan tòa được ủy xem lại trát đòi y có hợp phép hay không. Nếu trát đòi là hợp phép, thời quan tòa sẽ chiếu điều 418 đoạn 2 Luật Hình mà xử phạt người ấy, trừ ra khi người đương-sự đã nại người chứng ấy ra xin cho người ấy khỏi lỗi và xin thôi không nại lời người chứng ấy nữa thời thôi.

Điều thứ 176. — Nếu người làm chứng vắng mặt đã được xin cho khỏi lỗi, thời điều ấy cũng phải biên vào biên bản; nếu người ấy phải bị xử phạt, thời quan chánh-thẩm hay quan tòa được ủy làm một cái lệnh đề truyền phạt, và lệnh ấy sẽ ghi vào biên bản cuộc xét hỏi, ngoài ra người ấy có thể bị xử bồi thường tổn hại cho bên đương-sự bị thiệt hại nữa.

Thi hành lệnh ấy thời viên lục-sự sẽ làm một cái trích lục lệnh ấy và sẽ thi hành như một cái án vi cảnh, lệnh ấy cũng có thể kháng tố như một án vi-cảnh.

Tuy nhiên, nếu người chứng vắng mặt có viện ra các duyên cớ mà quan tòa cho là có lý thời quan chánh-thẩm hay quan

tòa được ủy có thể thu hồi cái lệnh phạt ấy. Lệnh miễn phạt này phải bị chú vào một bên tả cái biên bản cuộc xét hỏi và ở cái lệnh phạt đã thu hồi ấy thời mới hợp lệ; bị chú xong thời quan chánh-thẩm hay quan tòa được ủy và viên lục-sự ký vào.

Điều thứ 177. — Những người chứng vắng mặt mà không có lời cáo khiếm xác đáng, thời có thể bị đòi lại và tiền phí tổn do y chịu. Nếu y còn vắng mặt nữa, thời quan chánh-thẩm hay là quan tòa thụ ủy sau khi xét nhận y đã được đòi hỏi đúng lệ mà không đến hầu, thời ngoài sự làm lệnh chiếu điều 418 đoạn 2 luật hình mà phạt y lại còn làm trát sai bắt y đến đề khai, sự làm trát sai bắt ấy sẽ ghi vào biên bản. Trong trường-hợp này thời người chứng bị bắt đến sẽ được hỏi liền, dầu những người đương-sự không có mặt cũng thế, và họ sẽ được thả liền sau khi khai xong, nếu y không vì một duyên cớ khác mà bị giữ lại.

Điều thứ 178. — Những người chứng hiện bị giam thời trát đòi sẽ do người coi lao lục tổng cho nó; quan chánh-thẩm hay quan tòa thụ ủy sẽ cùng viên đề lao làm phương-pháp cần thiết để đem người chứng bị giam ra trước tòa án, nếu không có điều gì có hại đến cuộc trị an hay hại đến trật tự của công chúng.

Điều thứ 179. — Khi nào người chứng ở ngoài quản hạt của tòa án, thời tòa án có thể ủy thác cho một tòa án khác hỏi cung mà không có mặt những người đương-sự; nếu khi phải hỏi người chứng ở tại nhà ở của họ thời cũng làm như thế.

Trong giấy ủy thác hỏi cung phải kê rõ những điều cần biết, và những câu cần hỏi.

Tòa án hay quan tòa thụ ủy thác ấy có thể tùy trường-hợp mà chuyển ủy thác lại cho người khác chất cung.

Điều thứ 180. — Về hộ-sự và thương-sự, những ông hoàng, bà chúa, những ông đã được phong tước, những quan Đại-thần của Chánh-Phủ ta và những ông quan nhị phẩm trở lên, đều không buộc phải đi làm chứng. Nếu vị ấy muốn ra làm chứng, thời theo thẻ lệ đã định ở điều 43 trong luật Hình-vụ tố-tụng mà biên lời chứng.

Điều thứ 181. — Khi nào có cần hỏi chứng một người không thuộc về quốc tịch ta thời theo thẻ lệ đã định ở điều 44 trong luật Hình-vụ tố-tụng mà làm.

TIẾT THỨ II

**Nói về sự lý khám nơi có việc tương tranh
và về sự giám định.**

Điều thứ 182. — Khi nào quan tòa nghĩ nên thân hành đến khám nơi có việc tương tranh thời làm lệnh mà truyền và định ngày giờ đến khám, lệnh ấy chỉ phải biên vào sổ đình-ký thăm-vấn, và nếu quan tòa muốn đem theo một người giám-định chuyên môn để giúp việc lý khám như đã định ở điều 1626 luật hộ, thời cũng làm như vậy.

Điều thứ 183. — Nếu tòa án hợp có nhiều quan tòa thời sẽ cử một quan trong bản tòa đi lý khám và làm tờ trình, khi ấy tòa án phải làm án định rõ quan tòa nào đi lý khám và nói rõ mục đích của sự lý khám ấy.

Nếu việc lý khám ấy có cần phải hỏi chứng thời phải truyền rõ trong án và phải làm theo thẻ thức định ở trong tiết này, nhưng khi nào xét là cần kịp thời quan tòa chịu ủy có thể hỏi ngay tại chỗ lý khám những người có mặt tại chỗ ấy về những điều cần biết và những lời khai ấy đáng tin chừng nào thời tùy tòa án liệu nghĩ.

Điều thứ 184. — Việc lý khám phải làm trước mặt các người đương-sự mà đã do trát đòi hợp phép đến nơi, như đã định ở điều 1624 và điều 1625 luật hộ.

Viên lục-sự có thể lục tổng cho các người đương-sự hiện diện trong khi tuyên bố lệnh đi khám cái giấy báo họ phải đến dự khám.

Điều thứ 185. — Biên bản việc lý khám phải nói rõ người đương-sự nào có mặt, người nào vắng mặt, biên bản ấy phải làm ngay, có quan tòa và các người đương-sự hiện diện ký vào. Nếu một người đương-sự nào không thể ký thời phải in dấu ngón tay vào dưới chỗ biên tên của y, nếu người ấy không chịu in dấu ngón tay thời phải bị chú vào trong biên bản. Khi nào viên lục-sự viết biên bản thời viên ấy cũng phải ký vào.

Khi nào một người đương-sự không có giấy báo hợp phép phải đến dự khám nên người ấy vắng mặt, thời công việc lý khám có thể hoãn lại; trong trường-hợp này thời biên bản phải nói rõ ngày và giờ nào sẽ lý khám lại, và phải gửi giấy báo cho người đương-sự vắng mặt ấy đến dự khám; trong biên bản phải nói rõ rằng các người đương-sự hiện diện đã nhận giấy cáo thị báo cho biết ngày và giờ việc khám lại ấy.

Quan tòa sẽ tùy tình trạng hoặc định hoãn lại hoặc cứ tiến hành việc lý khám, và phải biên vào biên bản; khi nào tiến hành cuộc lý khám mà không có mặt của người đương-sự không có giấy báo hợp phép, nếu người đương-sự vắng mặt ấy xin lý khám lại, thời tòa án phải lý khám lại trước mặt người đương-sự vắng mặt ấy nay đã tự đến hầu hay đã có trát đòi hợp phép đến hầu, và trước mặt các người đương-sự khác đã đến hầu hay đã có trát đòi đến hầu.

Điều thứ 186. — Khi nào xét ra phải làm giám định thời quan tòa có thể tự ý mình, hoặc do người đương-sự xin, mà làm án truyền giám định.

Án dự tiên truyền việc giám định phải nói rõ giám định cái gì và trong kỳ hạn bao lâu thời người giám định phải đệ tờ trình về, lại nói rõ ngày phiên tòa sau sẽ xét việc kiện ấy, định vào ngày nào.

Điều thứ 187. — Tòa án chỉ nên cử một người giám định mà thôi, trừ ra khi nào cuộc giám định có khó khăn và các người đương-sự đều thuận, thời tòa án được cử ba người.

Điều thứ 188. — Khi tuyên án truyền hành giám định, quan chánh-thẩm phải hỏi các người đương-sự ưng cử người giám định nào; nếu các người đương-sự đều thuận lựa một người giám định nào thời phải ghi lời thuận của họ vào trong án, nếu không thời quan chánh-thẩm, ngay ở trước phiên tòa, tự cử lấy một người giám định nếu không cần phải cử một tòa làm giám định.

Điều thứ 189. — Nếu người giám định đã được cử mà không nhận lời hoặc bị ngăn trở, thời quan chánh-thẩm có thể tự mình hoặc theo lời thỉnh cầu của người đương-sự nào kêu trước mà làm án cử người giám-định khác thay thế.

Điều thứ 190. — Người giám định khi đã nhận nhiệm vụ của mình phải xem hồ-sơ việc kiện tại phòng lục-sự và khi có nhận giấy má gì thời sẽ do viên lục-sự giao cho mà có quan chánh-thẩm kiểm sát, nhưng phải làm biên nhận cho lục-sự.

Quan chánh-thẩm sẽ tùy trường-hợp, hoặc tự ý mình, hoặc vì người giám định yêu cầu, mà làm ra giấy sức giao hồ-sơ cho người giám định.

Sức văn của quan chánh-thẩm sẽ thay cho hồ-sơ việc kiện đề tại phòng lục-sự.

Điều thứ 191. — Người giám-định đã nhận lời cử phải làm xong công việc mình trong kỳ hạn đã định. Quan chánh-thẩm có quyền cho thêm kỳ hạn hoặc làm lệnh truyền cử người giám-định khác đề thay.

Nếu không có duyên cớ chánh đáng mà người giám-định đề chậm trễ công việc mình hoặc không chịu đệ tờ trình, nếu người giám-định ấy là thuộc quốc tịch ta thời bị bắt phải chịu phí tổn và có khi phải bị bồi thường tổn hại nữa. Khi ấy, người giám định ấy phải đòi ra trước tòa án thọ lý việc kiện cùng với người đương-sự bị thiệt hại; và tòa án sẽ làm một cái án riêng mà xử việc phụ đại ấy.

Nếu người giám-định không thuộc về quốc tịch ta, thời người đương-sự bị thiệt hại hoặc vì cuộc giám định chậm trễ hoặc vì người giám-định ấy không chịu đệ tờ trình, có quyền kêu tòa án tây sở quan mà xin đòi bồi thường tổn hại. Khi ấy, người đương-sự có thể xin bản chánh hoặc bản sao các giấy má cần thiết ở trong hồ-sơ để đính theo đơn kiện của y, các giấy má ấy thời có Chánh-Phủ Bảo-Hộ phê duyệt trước.

Điều thứ 192. — Cuộc giám-định phải làm trước mặt các người đương-sự đã đến hầu hay đã có trát đòi đến hầu. Người giám-định phải cho các người đương-sự biết trước ngày giờ làm cuộc giám-định để chúng y đến dự nếu chúng y muốn.

Viên Lục-sự phải làm giấy có quan chánh-thâm kiểm sát mà lục tổng cho các người đương-sự biết trước trong một thời gian khá rộng để họ có thể y hạn mà đến.

Nếu cuộc giám-định không thể khởi hành và phải dời đến ngày khác, thời người giám-định phải báo cho các người đương-sự biết và phải bị chú việc ấy vào tờ trình. Tuy nhiên các người đương-sự không cần phải có mặt trong lúc người giám-định chuyên môn làm công việc của mình hoặc trong những cuộc thí nghiệm về khoa học, hoặc trong lúc người giám-định thảo tờ trình và đệ tờ trình của mình.

Điều thứ 193. — Người giám-định phải đệ tờ trình của mình cùng giấy tính tiền lệ phí của mình cho viên Lục-sự và đồng thời phải trả lại cho viên ấy các giấy tờ trong hồ-sơ mà mình đã mượn.

Viên Lục-sự liền lập biên bản tóm tắt về việc ấy rồi trích lục cho người giám-định một bản để người này xong trách nhiệm.

Bản thảo hoặc bản sao tờ trình của việc giám định sẽ bỏ vào hồ-sơ, tùy theo lời chỉ bảo của quan chánh-thâm cho viên lục-sự.

Các người đương-sự có thể đến phòng lục-sự mà xem tờ trình ấy hay xin viên lục-sự trích sao cho.

Điều thứ 194. — Tòa án không bắt buộc phải theo ý kiến của người giám-định.

Nếu trong tờ trình của người giám-định không đủ những điều cần biết, thời quan chánh-thẩm có thể làm lệnh truyền người giám-định giải thuyết lời trình của y, hoặc là hỏi người ấy ở phiên tòa, trước mặt các người đương-sự hoặc truyền người ấy phải làm giấy tục trình cho rõ thêm.

Nếu cuộc giám định bị tuyên cáo là vô hiệu, thời quan chánh-thẩm có thể truyền làm cuộc giám-định khác trong án ấy.

Cùng trong cái án tuyên cáo rằng cuộc giám định vô hiệu hay là không đáng căn cứ vào, thời tòa án có thể xử ngay về nội dung không cần phải làm cuộc giám-định thứ hai nữa, nếu dù không cần có việc giám-định mà tòa án mới tìm được đủ tài liệu để xử.

TIẾT THỨ III

Nói về việc tra tự dạng

Điều thứ 195. — Khi nào có sự chối cãi về những chữ viết hay chữ ký nào, thời tòa án có thể tự ý mình hoặc do người đương-sự xin mà truyền tra tự dạng theo những cách thức do luật đã định mà quan tòa xét nên truyền làm.

Nếu có tra tự dạng thời những thẻ lệ định ở tiết trên này đều đem thi hành trừ những thẻ lệ riêng nói sau này và quan tòa được quyền tự ý mình cử ba người giám-định.

Điều thứ 196. — Khi nào chỉ mới xem cái chữ không thừa nhận, so sánh với việc và chữ trong các giấy má của hồ-sơ, mà tòa án xét ra đã có đủ bằng chứng rằng cái chữ ấy là thật hay giả, thời có thể định ngay rằng tờ giấy ấy là có giá trị hoặc bỏ giấy ấy ra ngoài cuộc thẩm vấn, nhưng phải nói rõ lý do.

Điều thứ 197. — Cái án truyền tra tự dạng phải truyền đem ký tồn ở phòng lục-sự cái giấy tờ cần phải tra, giấy tờ ấy trước khi ký tồn phải có quan chánh-thẩm, viên lục-sự và các người đương sự ký vào. Án ấy lại sức người đương-sự trong

hạn 20 ngày phải đem đến phòng lục-sự những giấy má gì để so sánh và phải định ngày phiên tòa đem ra xét xử lại, phiên tòa này phải định cho hơi xa để tờ trình về việc giám định tự dạng có thời giờ để đến tòa án.

Điều thứ 198. — Ngay sau khi tuyên án truyền giám định tự dạng, thời quan chánh-thâm, các người đương-sự hiện diện và viên lục-sự phải ký ngay ở phiên tòa, vào cái giấy đem giám định ấy, ở dưới câu « không được thay đổi gì cả » mà viên lục-sự đã viết ở một nơi để tiện ký vào.

Phiên tòa xong thời viên lục-sự phải làm biên bản ký tồn nói rõ đã làm các điều vừa nói trên này và tả hình dung giấy tờ ấy, biên bản ký tồn ấy sẽ thay cho giấy tờ ấy ở trong hồ sơ, biên bản ký tồn ấy phải có các người đương-sự có mặt, quan chánh-thâm và viên lục-sự ký vào.

Những người đương-sự vắng mặt, về sau có đến hầu, thời quan tòa truyền y ký vào cái giấy tờ cần đem giám định ấy trước mặt quan chánh-thâm, nếu các người ấy không chịu ký, thời sau biên bản ký tồn ấy phải lập một biên bản về sự không chịu ký ấy, có quan chánh-thâm và viên lục-sự ký vào.

Nếu người đương-sự không thể ký được, thời in dấu ngón tay vào. Khi ấy phải bị chú điều ấy vào biên bản ký tồn rồi người đương-sự ấy in dấu ngón tay vào dưới tên mình.

Điều thứ 199. — Công việc giám định tự dạng sẽ làm trước mặt hay lúc vắng mặt quan tòa và các người đương-sự, điều ấy sẽ do quan tòa có hoàn toàn đặc quyền định đoán tùy theo tình trạng, điều ấy phải bị chú vào biên bản.

Quan tòa có thể truyền viên lục-sự dự hành để làm biên bản những điều mình xét thấy và chép những lời khai của các người đương-sự hoặc của những người nào mà các người giám-định cần hỏi trong lúc giám-định, như là trong một cuộc xét hỏi vậy,

Người giám định làm các công việc cần thiết để định ý kiến mình tại khi không có mặt quan tòa và các người đương-sự

Điều thứ 200. — Chính trong lúc khởi sự giám-định, các người giám-định mới lựa chọn các giấy tờ để so sánh. Nếu có sự bất đồng ý kiến về việc lựa chọn ấy, thời chỉ lựa chữ ký trong những giấy tờ việc quan về việc hành chánh hay về việc tư-pháp, hoặc là chữ viết hay chữ ký riêng mà cái người bị ngờ rằng đã viết ký ở trong cái giấy đem giám định ấy đã công nhận là chữ của y.

Nếu không có đủ giấy tờ để so sánh, thời người giám định có thể truyền cho người ấy viết một vài hàng chữ mà mình đọc cho y viết.

Người giám-định phải nói rõ trong biên bản rằng mình đã dùng cách gì để lựa chọn giấy tờ để so sánh, và khi đọc các hàng chữ cho người ta viết, thời người ấy có viết một cách tự nhiên, không giả dối gì, trước mặt người nguyên đơn xin giám định đã có trát đòi đúng phép đến hầu, hay là không.

Điều thứ 201. — Người giám-định cũng có thể mang bản án hay bản trích sao cái án đã cử mình làm giám-định, để đi tìm và lựa lấy những giấy má việc quan hay là công chánh chứng thư có tự dạng có thể đem so sánh được.

Nếu có sự khó khăn, thời quan tòa truyền giám định có thể giúp cho người giám định để mượn các giấy tờ để so sánh ấy.

Điều thứ 202. — Nộp tờ trình về việc giám định và đề tờ trình ấy vào hồ sơ thời theo thể thức đã nói ở trong tiết trên mà làm.

Tòa án không buộc phải theo ý kiến của người giám-định; tòa án vẫn có thể truyền làm cuộc giám-định khác, hay là dùng những phương-pháp thẩm vấn khác, cũng có thể tự đoán định ngay mà không cần đến việc giám-định nữa, hoặc là nhờ

có những lời cung khai hoặc là nhờ có những sự phỏng đoán vì có sự trạng hay là vì có những giấy tờ đề đối giao mà trước kia người giám định chưa biết đến, nay tùy tòa án lấy sự thận trọng và sự kinh nghiệm mà lựa chọn đề so sánh.

Điều thứ 203. — Nếu xét ra quả là tự dạng của người đã chối rằng không phải của mình ấy, thời người ấy sẽ bị phạt bạc 10\$00, ngoài ra còn phải bị bồi thường cho bên bị thiệt hại nữa.

TIẾT THỨ IV

Việc trung gian giả mạo

Điều thứ 204. — Nếu đương khi thừa kiện, có một người đương-sự xưng ra rằng cái giấy dùng đề đối nại với mình là giả mạo, thời quan chánh-thẩm sức người ấy phải nói rõ giấy ấy giả mạo tại chỗ nào, tình nghi là người nào giả mạo. Điều ấy sẽ do viên lục-sự biên vào sổ đình kỳ thẩm vấn.

Nếu tòa án xét lời khai của người đương-sự không lấy gì làm chắc, hay là việc kiện có thể bằng theo lý khác mà xử không cần phải xét đến cái giấy bị chỉ trích ấy, thời sẽ bỏ qua sự chỉ trích là giả mạo ấy, mà cứ việc xử án.

Nếu không, thời quan chánh-thẩm hỏi bên đối tụng có nhất định dùng cái giấy đã bị chỉ trích ấy không.

Nếu bên này không chịu rút lui cái giấy bị chỉ trích là giả mạo, thời quan chánh-thẩm giảng giải cho cái bên thừa là giả mạo ấy biết đến sự rắc rối về khoản kiện giả mạo và y phải chịu trách nhiệm cùng sự nguy hiểm về việc kiện ấy.

Nếu người kiện giả mạo cứ ưng kiện, thời quan chánh-thẩm sẽ định một kỳ hạn đề cho người ấy được làm đơn mà đi kiện về sự giả mạo; đơn ấy phải nói rõ lý do, phải chỉ rõ người nào bị tình nghi làm sự giả mạo, người chứng nào nên hỏi và những tình trạng về việc giả mạo những thế nào.

Ngay khi ấy quan chánh-thâm sức đem ký tồn cái giấy bị chỉ trích ấy ở phòng lục-sự, và sức viên lục-sự biên vào trong giấy ấy cái câu «không được thay đổi gì cả» rồi dưới câu ấy người kiện giả mạo, quan chánh-thâm và viên lục-sự đều ký vào. Các điều ấy đều phải biên vào sổ đình-ký thăm-vấn.

Phiên tòa xong thời viên lục-sự phải làm biên bản về việc ký tồn, có tả rõ hình dạng giấy bị chỉ trích ấy, rồi viên ấy đọc lại, xong rồi cùng quan chánh-thâm và các người đương-sự ký tên vào.

Nếu người đương-sự không chịu ký tên hoặc ở dưới câu «không được thay đổi gì cả» hoặc ở trong biên bản về việc ký tồn thời phải bị chú điều ấy vào và phải biên vì có gì mà không chịu ký.

Người đương-sự nào không biết ký thời in dấu ngón tay vào. Điều ấy phải bị chú vào biên bản ký tồn và người đương-sự in dấu ngón tay vào dưới tên mình.

Điều thứ' 205. — Khi đã biên câu «không được thay đổi gì cả» vào giấy bị chỉ trích là giả mạo rồi, thời tòa án truyền hoãn xét khoản kiện ở một phiên tòa sau, ngày phiên tòa này phải định sau ngày mãn cái hạn đã cho người làm đơn khống tố sự giả mạo.

Nếu không đệ trình đơn khống tố giả mạo thời tòa án sẽ bỏ qua mà cứ xét xử khoản kiện, không kể đến việc chỉ trích giả mạo nữa, nhưng tòa án vẫn có thể dùng các phương-pháp thăm vấn khác; tuy nhiên trừ ra khi nào người đương-sự xin gia hạn mà tòa án y cho thời không kể.

Nếu người ấy đã đệ đơn khống tố giả mạo rồi, thời tòa án truyền hoãn xét khoản kiện, đợi đến khi tòa án hình xét xong và đã có án xử về việc giả mạo rồi, khi ấy mới đem khoản kiện ra xét xử, nếu có cần làm trát đòi lại, thời làm.

Điều thứ 206. — Đơn khống tố về việc giả mạo đã do người đương-sự hay là do người đại tá ký tên rồi thời trình lên quan chánh-thẩm chuyển giao cho tòa án hình sở quan xét xử.

Tuy nhiên người đương-sự vẫn có quyền kiện thắng bên đối thủ đã dùng giấy giả mạo ấy với tòa án hình trong khi hay là trước khi kiện về mặt hộ và khoản kiện về mặt hộ này phải hoãn cho đến khi việc giả mạo đã xử xong.

Và nếu tòa án xét ra cái giấy đệ trình có dấu tích đáng ngờ là giả mạo thời vẫn có chức trách làm ra biên bản nói rõ lý do mà tự mình giao cho tòa án hình để xét xử tội giả mạo mà mình đã xét ra, cũng như đối với các sự phạm-pháp khác.

Điều thứ 207. — Nếu tòa án hình đã tuyên cáo rằng quả có sự giả mạo, thì dầu người bị can được tòa án làm lệnh cho miễn tố hay làm án cho miễn nghị vì lẽ tiêu diệt thời hiệu hay vì lẽ có lòng ngay thực, nhưng trong cái án của tòa án thụ lý việc hộ xử ra, cũng sẽ truyền rằng cái giấy xét là giả mạo ấy là vô giá trị cho nên bỏ ra ngoài cuộc thẩm vấn.

Điều thứ 208. — Người đầu đơn thưa giả mạo có thể kháng cáo cái lệnh miễn tố hay án miễn nghị ấy cũng như người bị can kháng cáo cái án xử phạt y.

Điều thứ 209. — Nếu người chỉ trích giả mạo không đầu đơn khống tố, trong kỳ hạn tòa án đã định, hay là nếu tòa án hình xét ra không có bằng cứ là giả mạo nên y bị thua kiện, thì trong án xử về nội dung của tòa án hộ sẽ xử người ấy phạt bạc ít nhất là 10\$00, và nhiều nhất là 100\$00; tòa án hình lại có thể truy cứu y về tội vu cáo, và nếu tòa án hình chưa xử bồi thường cho người đương-sự bị hại, thời tòa án hộ lại có thể xử bắt y phải bồi thường nữa. Nếu người bị hại là người đệ tam không dự vào khoản kiện việc hộ, thời người ấy có thể hoặc tự xin ra dự sự hoặc sau sẽ kiện thắng người khống tố giả mạo ấy.

TIẾT THỨ V

Nói về sự cấp giao hồ-sơ

Điều thứ 210. — Trong một khoản kiện về hộ-sự và thương sự, người đương-sự nào muốn xin một bản hay một tờ trích lục của một công chính chứng thư mà không có mình dự làm, thời phải xin ở phiên tòa.

Tòa án y lời xin ấy thời làm một bản án dự tiên.

Nếu tòa án không y lời xin ấy thời có thể nhập lời xin ấy vào khoản kiện mà xử chung vào một bản án.

Điều thứ 211. — Các tòa án hộ có thể tự mình làm án dự tiên truyền cho phép người đương-sự được xin một bản hay một tờ trích lục một chứng thư nào lưu chiếu tại văn quĩ của một công chức hay một công sở.

Các quan tòa ấy cũng có thể truyền như vậy để cấp giao cho người đương-sự một cái hồ-sơ việc hình.

Tuy nhiên chỉ khi nào có quan Thượng-Thơ bộ Tư-Pháp cho phép cấp giao mới được, quan Thượng-Thơ Bộ ấy sẽ thương đồng cùng Chánh-Phủ Bảo-llộ mà định cách thức cấp giao.

Bản án chuẩn cho cấp giao ấy sẽ để vào văn quĩ để thay cái giấy tờ hay cái hồ-sơ được cấp giao ấy, cho người công chức coi giữ văn thư hay hồ-sơ ấy khỏi bị trách nhiệm; và sẽ để tại đấy cho đến khi giấy tờ hay hồ-sơ ấy đã trả lại rồi.

CHƯƠNG THỨ VI

Nói về phương-pháp đặc biệt để kháng tố các án

TIẾT THỨ I

Nói về sự xin thu hồi nguyên án

Điều thứ 212. — Phàm án xuất tịch của các tòa án đã chung thẩm, và án khuyết tịch đã chung thẩm mà không được

kháng án khuyết tịch nữa, đều có thể do các người đương-sự trong án hay là do những người đã bị chiếu lệ đòi ra, đầu đơn mà xin thu hồi khi có những duyên cớ sau này :

1) Khi nào trước khi kết án hay là khi kết án, có trái những thể thức của luật này hay là của luật pháp sau định ra, mà về thể thức ấy đã nói rõ rằng trái thời vô hiệu ; miễn là sự vô hiệu ấy không từng do người đương-sự thừa nhận ;

2) Khi nào những lời xử trong án không phải là lời thỉnh cầu của người đương-sự ;

3) Khi nào những lời xử trong án quá cái phạm vi thỉnh cầu của người đương-sự ;

4) Khi nào xử án mà bỏ quên một khoản thỉnh cầu của người đương-sự ;

5) Khi nào cùng một tòa án ấy, cùng những người đương-sự ấy và cùng về một khoản kiện ấy mà trước sau hai án chung thăm lại xử khác nhau ;

6) Khi nào trong một án mà lời xử lại có điều trái nhau ;

7) Khi nào tòa án bằng theo giấy má mà kết án, nhưng giấy má ấy về sau xét ra là giả mạo ;

8) Khi nào đã kết án rồi, lại tìm được giấy má do một bên đương-sự dấu đi, quan tòa chưa từng xét đến, mà giấy má ấy là có quan hệ về việc giải quyết án ấy.

Các người vị thành niên và các xã thôn bị kiện mà không có người chống cãi cho hay là có người chống cãi mà không đúng lệ thời cũng được xin thu hồi nguyên án.

Điều thứ 213. — Thuộc về sáu trường-hợp đầu nói ở điều trên, hạn xin thu hồi là một tháng, hạn ấy tính như sau này : nếu là án xuất tịch mà khi tuyên án có mặt người đương-sự, thì bắt đầu kể từ ngày tuyên án ; nếu là án khuyết tịch, thì bắt đầu kể từ ngày hết hạn kháng án khuyết tịch.

Nếu là án xuất tịch mà khi kết án không có mặt người đương-sự, thời hạn 1 tháng ấy bắt đầu kể từ ngày tổng đạt mà giao bản án hay bản trích lục án ấy cho người đương-sự theo cách tổng đạt thường hành.

Thuộc về các trường-hợp thứ 7 và thứ 8 nói ở điều trên thời hạn 1 tháng ấy bắt đầu kể từ ngày đã xét ra là có sự giả mạo hay là đã do tòa án hình sở quan tuyên cáo là có sự giả mạo; hoặc kể từ ngày đã tìm được cái giấy má mới. Nhưng thuộc về trường-hợp này, phải có một cái giấy gì có thể làm bằng chứng cho cái ngày tìm được giấy má mới ấy.

Tính hạn một tháng ấy thời không tính hoặc cái ngày tuyên án hay cái ngày lục tổng án, hoặc cái ngày đã xét ra là có sự giả mạo, hay cái ngày tòa án hình đã tuyên cáo là có sự giả mạo, hoặc cái ngày tìm ra giấy má mới.

Đối với người vị-thành-niên thời hạn một tháng ấy bắt đầu từ ngày tổng đạt sau khi y đã thành niên, mà có chiếu theo cách tổng đạt thường hành giao bản trích lục hoặc bản án ấy cho y.

Đối với người vợ góa và các người thừa-kế, thời thể lệ định ở điều 120 luật này cũng đem thi hành cho sự xin thu hồi nguyên án.

Điều thứ 214. — Muốn xin thu hồi nguyên án thời phải làm đơn như cách thức đơn khởi tố mà đệ trình lên quan chánh-thẩm tòa án nguyên nghĩ.

Đơn phải nói rõ vì lời xử của nguyên án thế nào mà xin thu hồi; nếu không nói rõ thời sẽ bị bác đơn.

Người xin thu hồi, nếu không được tư-pháp bồi trợ, thời trong ba ngày sau khi trình đơn, phải dự ký bạc phạt 30 đồng ở phòng lục-sự tòa án sẽ xét sự xin thu hồi ấy. Nếu không nộp số tiền dự ký ấy thời sẽ mất quyền xin thu hồi. Viên lục-sự nhận bạc dự ký, phải phát biên lai và biên chú sự dự ký ở dưới hoặc ở bên cạnh đơn xin thu hồi.

Viên lục-sự giữ sổ bạc dự ký ấy dưới quyền kiểm sát của quan tòa ; y viên sẽ giao hoàn sổ bạc ấy lại cho người xin thu hồi hoặc đệ nộp kho Nội-Vụ tùy theo án xử về sự xin thu hồi truyền giao hoàn hay là truyền tịch một.

Viên lục-sự phải dính vào hồ-sơ cái biên lai của kho Nội-Vụ về sự tịch một sổ bạc dự ký, hoặc cái biên lai của người đương-sự đã nhận hoàn sổ bạc ấy, cái biên lai ấy sẽ do lục-sự giữ đề khỏi phải chịu trách nhiệm và phải có quan tòa phê duyệt vào.

Về trường-hợp giao hoàn, nếu người đương-sự không biết ký phải in dấu ngón tay vào biên lai do viên lục-sự đã làm ra.

Trong hạn một năm kể từ khi có án truyền giao hoàn sổ bạc dự ký, nếu người đương - sự không đến nhận sổ bạc ấy, thời sẽ tịch thu đề nộp kho Nội-Vụ.

Điều thứ 215. — Bạc phạt đã dự ký rồi, thời quan chánh-thâm gửi ngay đơn xin thu hồi và tất cả hồ-sơ việc ấy về bộ Tư Pháp. Bộ Tư-Pháp sẽ xét nghĩ trong hạn 20 ngày.

Bộ ấy sẽ phát hoàn hồ-sơ và tư cho quan chánh-thâm và cho tòa án nguyên xử biết ý kiến, và lời yêu cầu xét xử của Bộ.

Điều thứ 216. — Đơn xin thu hồi nguyên án khi nào cũng phải đệ về tòa án nguyên xử và cũng có thể do các quan tòa xử nguyên án xét xử.

Sự xin thu hồi phải chiếu theo cách thức phát trát mà sức cho các người đương-sự đều biết.

Về việc xin thu hồi nguyên án thì không cần phải làm hòa giải.

Ngoài những lẽ mà người nguyên đơn đã viện ra ở trong đơn xin thu hồi và ở trong lời yêu cầu của bộ Tư-Pháp thời không được đem lẽ gì khác ra biện cãi ở phiên tòa hay là bằng giấy.

Điều thứ 217. — Sự xin thu hồi không hoãn được sự thi hành nguyên án, trừ khi nào có lệnh truyền của quan chánh-thẩm tòa án đã thụ lý đơn xin thu hồi ấy có định cách khác thời không kè.

Khi có lệnh truyền hoãn việc thi hành nguyên án thời viên lục-sự phải làm ra 2 bản lệnh ấy, 1 bản đính vào hồ-sơ việc xin thu hồi, 1 bản đính vào hồ-sơ của thủ tục thi hành nguyên án, nếu có cần thời bản thứ hai này, sau khi quan chánh-thẩm đã phê duyệt vào rồi, sẽ gửi cho quan tòa sở quan để tiến hành sự thi hành lệnh theo lời yêu cầu của quan chánh-thẩm đã làm ra lệnh truyền ấy.

Điều thứ 218. — Án nào xử bác đơn xin thu hồi, thời sẽ truyền sung công số bạc phạt đã dự ký và nếu có cần, lại xử bắt người xin thu hồi phải bồi thường tổn hại cho người bị cáo chịu thiệt nữa.

Nếu đơn xin thu hồi được chuẩn chấp thời tòa án sẽ xử thu hồi nguyên án, như vậy thời các người đương - sự lại hồi phục nguyên trạng như trước khi chưa có nguyên án, tòa án lại phải trả số bạc dự ký cho cái người xin thu hồi và nếu có cần thời truyền trả lại những tài vật gì mà vì sự thi hành nguyên án bên nọ đã nhận của bên kia.

Điều thứ 219. — Việc tương tranh do nguyên án đã xử thời nay cũng do tòa án nguyên xử chiếu theo thường hành mà đem ra xét xử lại, nhưng không bắt buộc phải làm hòa giải.

Tuy nhiên khi nào đơn xin thu hồi được chuẩn chấp vì có 2 án xử trái nhau thời tòa án phải truyền rằng chỉ có cái án thứ nhất là có hiệu lực và phải chiếu theo nguyên văn cái án ấy mà thi hành. Nếu người xin thu hồi nguyên án xét ra là phạm cái tội định ở điều 340 luật hình thời tòa án chiếu điều ấy mà xử phạt y nữa. Khoản xử phạt về mặt hình này cũng có thể được duyệt y hay là bị cải, hoặc bị kháng tố như các án trừng-trị khác, tùy theo đẳng cấp tòa án đã xử phạt như thế.

Điều thứ 220. — Khi nào cùng đối với những người đương-sự ấy và cùng về một việc ấy mà án chung thẩm của hai tòa án khác nhau lại xử đề nghị với nhau, thời có thể xin tiêu án sau, lấy lẽ rằng án này đã xử trái luật vì cái có có thể phỏng đoán rằng án ấy đã vi phạm việc đã chung thẩm.

Điều thứ 221. — Phàm cái án nào đã bị xin thu hồi rồi, hoặc cái án xử bác đơn xin thu hồi hoặc cái án vì sự xin thu hồi mà xử lại thời không người đương-sự nào được xin thu hồi nữa.

TIẾT THỨ II

Nói về việc xin thủ tiêu.

Điều thứ 222. — Những án chung thẩm của tòa án hộ sơ thẩm và của tòa án tỉnh đều có thể xin thủ tiêu vì những duyên cớ sau này :

- 1) Làm sai quyền hạn
- 2) Vi phạm quyền
- 3) Vi luật.

Sự xin thủ tiêu thì phải xin ở tòa Thượng-thẩm lập thành tòa tiêu án như điều 43 Luật Trung-kỳ Pháp-Viện-biên-chế đã định.

Điều thứ 223. — Muốn xin thủ-tiêu thì phải làm đơn đệ về cho quan chánh-thẩm tòa Thượng-thẩm theo như cách thức đơn khởi tố; đơn ấy hoặc đưa vào phòng lục-sự tòa - án nguyên xử hoặc đưa vào phòng lục-sự tòa Thượng-thẩm.

Người xin thủ tiêu, nếu không được tư-pháp bảo trợ, thời trong hạn ba ngày kể từ hôm sau ngày nộp đơn phải ký tiền tại viên lục-sự nhận đơn xin thủ tiêu ấy một số bạc dự phạt 30\$00, nếu không dự ký số bạc ấy thời đơn không được chuẩn chấp; viên lục-sự nhận số bạc ấy phải xuất biên lai và bị chú sự ký tiền ấy vào dưới hay là ở chỗ lợp không bèn trả đơn ấy.

Số bạc ký tồn sẽ do viên lục-sự giữ; về sau sẽ giao trả cho người đương-sự hoặc nạp tại kho Nội-Vụ theo như thể lệ định ở điều 214 về sự xin thu hồi nguyên án.

Điều thứ 224. — Đơn xin thủ tiêu phải nói rõ những điều gì ở trong nguyên án mà cho là làm sai quyền hạn hay là vi phạm quyền hay là vi luật, và tòa án chỉ xét xử về điều đã kêu nại ở trong đơn mà thôi.

Điều thứ 225. — Hạn xin thủ tiêu là 10 ngày tròn, quá hạn ấy thời không xin được nữa.

Hạn ấy tính như sau này :

Nếu là án xuất tịch mà khi tuyên án có mặt người đương-sự thời kể từ ngày tuyên án ;

Nếu là án xuất tịch mà khi tuyên án ấy không có mặt người đương-sự hoặc án ấy không tự rằng người đương-sự có hiện diện khi tuyên án, thời kể bắt đầu từ ngày tổng đặt ;

Nếu là án xử khuyết tịch đối với các người đương-sự, thời hạn ấy kể từ ngày mãn hạn kháng án khuyết tịch.

Đối với người quả phụ và những người thừa kế thời những thể lệ định ở điều 120 luật này được đem thi hành cho việc xin thủ tiêu.

Điều thứ 226. — Nếu trong nguyên án không truyền tạm thi hành, thời sự xin thủ tiêu và thủ tục thủ tiêu được làm cho sự thi hành nguyên án phải đình hoãn lại.

Điều thứ 227. — Thủ tục xin thủ tiêu cũng làm như cách thức về thủ tục xin kháng cáo.

Điều thứ 228. — Án nào xử bác đơn xin thủ tiêu thời sẽ truyền sung vào Kho Nội-vụ số bạc phạt đã dự ký, và có khi quan tòa hoặc tự mình, hoặc do người đương-sự bị thiệt hại kêu xin mà xử bồi thường tổn hại nữa.

Điều thứ 229 — Nếu sự xin thủ tiêu được chuẩn chấp, thời tòa Tiêu-án xử tiêu nguyên án mà truyền giao việc ấy hoặc cho tòa án nguyên nghị hoặc cho tòa án đồng cấp khác xét xử lại. Khi nào giao cho tòa án đồng cấp khác xét xử lại, thời trong án xử tiêu nguyên án phải minh tự rằng tòa tiêu án đã đặc biệt xử về việc ấy.

Điều thứ 230. — Bất cứ là trường-hợp nào, phạm tòa án nào đã tiếp nhận sự giao ấy thời phải tuân theo lời xử của tòa Tiêu-án về yếu điểm pháp luật mà xử án mới.

Án xử chuẩn y đơn xin thủ tiêu sẽ truyền giao trả số bạc phạt đã dự ký. Sự giao trả ấy là tất nhiên.

Điều thứ 231. — Quan Thượng-Thư bộ Tư-Pháp có thể vì ích lợi cho sự thi hành pháp luật mà xin thủ tiêu nguyên án, sự xin thủ tiêu ấy được làm ngoài cái kỳ hạn đã định cho người đương-sự, và không cần phải theo kỳ hạn nào cả. Gặp trường-hợp này, nếu có xử tiêu án cũng chỉ có ích cho sự thi hành pháp luật mà thôi nên không cần giao cho tòa án nào cả, và hai bên đương-sự cũng không chịu ảnh hưởng tốt hay xấu về sự thủ tiêu ấy.

TIẾT THỨ III

Nói về sự xin kháng cáo của người đệ tam

Điều thứ 232. — Bất cứ người nào vì một cái án đã làm thiệt hại đến quyền lợi mình hoặc quyền lợi của người mà mình được thay mặt đứng phép, thời tuy mình hoặc người ấy không phải là người đương-sự ở trong việc kiện đã có án xử ấy, nhưng cũng được đứng vào địa vị người đệ tam mà kháng cáo cái án ấy.

Tòa án có quyền xét xử sự xin kháng cáo của người đệ tam là tòa án đã xử nguyên án.

Điều thứ 233. — Đơn xin kháng cáo của người đệ tam thời làm theo cách thức đơn khởi tố; trong đơn phải nói rõ vì duyên cớ gì mà xin kháng cáo và nếu có cần, lại phải viện dẫn thư khế để làm bằng, nếu không thời đơn ấy sẽ bị bác ngay.

Người đệ tam xin kháng cáo, nếu không được tư-pháp bảo trợ thời phải dự ký tại viên lục-sự đã nhận đơn 1 số bạc 30\$00 trong hạn 3 ngày sau ngày nộp đơn, nếu không dự ký thời không được xin kháng cáo; viên lục-sự nhận số bạc ấy phải xuất biên lai và bị chú sự dự ký ấy ở dưới hoặc bên khoảng lưu không của đơn ấy.

Số bạc phạt dự ký thời do viên lục-sự giữ, về sau hoặc sẽ giao trả cho người đương-sự hoặc sẽ nạp tại Kho Nội-Vụ theo như thể lệ định ở điều 214 về sự xin thu hồi nguyên án.

Điều thứ 234. — Sự xin kháng cáo của người đệ tam không đình hoãn được sự thi hành án, trừ khi nào quan chánh-thẩm đã thụ lý đơn xin kháng cáo có định cách khác thời không kể; gặp trường-hợp này thời quan chánh-thẩm phải làm lệnh truyền hoãn sự thi hành, lệnh truyền ấy nếu có cần thời phải tổng đạt cho quan tòa coi về việc thi hành án ấy.

Điều thứ 235. — Những người đương-sự trong án bị kháng cáo ấy thời sẽ do quan tòa đòi ra dự sự về việc người đệ tam xin kháng cáo, việc ấy sẽ theo lệ thông thường mà làm, nhưng quan chánh-thẩm có thể tùy tình trạng khoản kiện mà xét xử mà không phải làm hòa giải trước.

Điều thứ 236. — Gặp trường-hợp mà tòa án xét sự xin kháng cáo của người đệ tam là đáng chuẩn chấp và hữu lý thời tòa án chiếu trong nguyên án có khoản nào làm thiệt hại đến quyền lợi của người ấy thời tiêu khoản ấy đi và truyền giao trả số bạc phạt đã dự ký lại. Sự giao trả ấy là tất nhiên.

Còn các khoản khác trong nguyên án vẫn có hiệu lực và đem thi hành đối với các người đương-sự dự kiện kbi trước, trừ khi nào sự xin kháng cáo của người đệ tam xét là hữu lý cần phải tiêu cả toàn án thời không kể.

Điều thứ 237. — Gặp trường-hợp mà tòa án xét sự xin kháng cáo của người đệ tam là không đáng chuẩn chấp hoặc không hợp lẽ thì người đệ tam xin kháng cáo phải chịu lệ phí, và lại phải sung công vào kho Nội-Vụ cái số bạc mà y đã dự ký, có khi quan tòa hoặc tự mình hoặc do người đương-sự bị thiệt hại đơn xin mà xử bồi thường thiệt hại nữa.

Điều thứ 238. — Nếu người đệ tam xin kháng cáo không phải là thuộc về quốc tịch ta, thời khi tòa án xem đơn rồi, sẽ tuyên cáo là không có quyền xét xử và truyền cho người đệ tam ấy được kiện thẳng những người đương-sự dự kiện về nguyên án khi trước tại tòa án Tây sở quan.

Nếu tòa án Tây tuyên cáo rằng việc thừa kiện của người đệ tam xin kháng cáo đó là đáng chuẩn chấp và hợp lẽ, thời sẽ do Chánh-Phủ Bảo-Hộ chuyển giao một bản sao cái án của tòa án Tây cho tòa Nam-án sở quan để tiêu khoản nào trong nguyên án đã làm thiệt hại cho người đệ tam đứng xin kháng cáo ấy, như đã nói trong điều 236.

Nếu tòa án Tây tuyên cáo rằng sự thừa kiện của người đệ tam xin kháng cáo là không hợp lẽ, thời bên đối thủ có thể xin tòa án Tây cấp cho một bản trích lục hoặc một bản sao cái án xử bác sự xin kháng cáo ấy để đem trình trước tòa Nam-án mà chứng rằng cái nguyên án của tòa Nam-án đã xử vẫn có hiệu lực thi hành.

TIẾT THỨ IV

Nói về sự giải thích án văn

Điều thứ 239. — Khi nào có một cái án chung thẩm hay có một cái án không thể kháng án khuyết tịch hoặc kháng cáo được nữa, mà trong lời xử có một khoản không được rõ ràng hoặc hiểu ra hai nghĩa, hoặc có nhiều khoản trái nhau hoặc lời lẽ không đủ, hoặc chữ nghĩa quả là sai lầm, thời các người đương-sự, hoặc nếu người đương-sự chết thời người thừa-hưởng quyền lợi của người ấy, được xin tòa án nguyên nghĩ

giải thích đề định cái nghĩa chánh những chỗ nghi ấy; nhưng không được thêm câu gì vào trong án ngoài những câu ở trong lời thăm hoặc trong lời xử.

Nếu là án xử về việc xin kháng cáo mà án ấy duyệt ý án sơ thăm hoặc bác một phần hay toàn phần án ấy, thời sự xin giải thích cái án ấy bao giờ cũng xin tại tòa kháng cáo.

Ngoài ra lại còn phải tuân theo thể lệ định về sự thi hành án nữa.

Điều thứ 240. — Đơn xin giải thích án văn thời làm như cách thức đơn khởi tố.

Người xin giải thích, nếu không được tư-pháp bảo trợ thời phải nạp tại viên lục-sự đã nhận đơn một số bạc dự phạt là 10\$00 trong hạn 3 ngày sau ngày nộp đơn, nếu không, dự ký số bạc ấy thời đơn xin giải thích không được chuẩn chấp, viên lục-sự nhận số bạc ấy thời phải xuất biên lai, và bị chú sự dự ký ấy ở dưới hoặc ở bên khoảng lưu không đơn ấy.

Về sự dự ký số bạc phạt ấy ở Kho Nội-Vụ và nếu có cần, phải giao trả số bạc ấy lại thời làm như thể lệ định ở điều 214 về sự thâu hồi nguyên án.

Điều thứ 241. — Đơn xin giải thích án văn không hoãn được sự thi hành nguyên án; trừ khi nào quan chánh-thẩm tòa án đã thụ lý đơn ấy có định cách khác thời không kể; gặp trường-hợp này quan chánh-thẩm làm lệnh truyền hoãn sự thi hành nguyên án, lệnh ấy, nếu có cần, thời tổng đặt cho quan tòa coi về việc thi hành án ấy.

Điều thứ 242. — Nếu đơn xin giải thích xét ra là phải lẽ thời tòa án sẽ tuyên cáo rằng câu xin giải thích đó nên hiểu ra thế nào và truyền giao trả số bạc dự ký lại. Sự giao trả ấy là tất nhiên.

Nếu đơn xin giải thích xét là vô lý thời tòa án truyền không cần phải giải thích, rồi xử bác đơn xin giải thích và người

xin giải thích ấy phải chịu lệ phí và lại phải sung công cái số bạc phạt đã dự ký, và có khi quan tòa hoặc tự mình hoặc do người đương-sự bị thiệt hại đơn xin mà xử bồi thường thiệt hại nữa.

CHƯƠNG THỨ VII

Thế lệ đặc biệt

TIẾT THỨ I

Nói về sự tự ra can thiệp

Điều thứ 243. — Trước tòa án hồ sơ thẩm và trước tòa án tỉnh, bất cứ người nào cho rằng mình có lợi quyền gì ở trong vụ kiện mà tòa án đương thụ lý đó đều có thể tự ra can thiệp trong khoản kiện.

Ở trước tòa thượng-thẩm, người ấy chỉ được tự ra can thiệp khi nào mà người ấy tưởng chừng có quyền được đứng địa vị người đệ tam xin kháng cáo cái án hiện bị kháng cáo hay là cái án của tòa Thượng-thẩm sẽ xử.

Điều thứ 244. — Muốn tự ra can thiệp trong một khoản kiện thời phải làm đơn gửi cho quan chánh - thẩm tòa án đã thụ lý việc kiện ấy; đơn ấy cách thức làm như đơn khởi tố, cách dính theo giấy má hoặc cách dự ký số bạc phạt cũng thế, trong đơn phải nói rõ vì duyên cớ gì mà tự ra can thiệp, nếu không thời đơn sẽ bị bác ngay.

Điều thứ 245. — Khi tiếp nhận đơn tự ra can thiệp thời quan chánh-thẩm xét xem hồ-sơ có đủ lẽ để xử hay chưa và sức đòi các người đương-sự đến hầu phiên tòa chứ không cần phải làm hòa giải trước.

Nếu người tự ra can thiệp đã có trát đòi đúng phép mà không đến hầu, hoặc trong những người tự ra can thiệp, mà có một vài người đến hầu còn các người khác không đến hầu,

thời đối với các người ấy sẽ chiếu theo điều thứ 95 và các điều tiếp theo ở tiết thứ VIII, chương thứ III về án khuyết tịch và sự kháng án khuyết tịch mà làm, nếu sự tự ra can thiệp xảy ra tại tòa án tỉnh cũng thế.

Nếu tòa kháng cáo thụ lý đơn xin tự ra can thiệp thời sẽ giao đơn ấy cho tòa án tỉnh nguyên đã xét việc kiện chánh để sơ thẩm đơn ấy.

Điều thứ 246. — Việc tự ra can thiệp sẽ cứu xét cùng một lúc với việc kiện chánh, án xử là xử chung cho tất cả các người đương-sự.

Nhưng khi nào việc kiện chánh đã đủ lẽ để xử rồi, nếu chỉ vì sự cứu xét việc tự ra can thiệp mà phải triển hoãn chứ không ích lợi gì, thời việc kiện chánh có thể xử trước, còn việc tự ra can thiệp sẽ xử riêng một án sau.

Điều thứ 247. — Nếu người tự ra can thiệp bị thua kiện thời sẽ bị xử phải chịu lệ phí về việc tự ra can thiệp, và tùy tình trạng lại phải chịu lệ phí về việc kiện chánh theo như thể lệ định ở điều 90, cùng phải chịu bồi thường tổn hại nữa.

Điều thứ 248. — Nếu người tự ra can thiệp không phải là thuộc về quốc tịch ta, thời tòa Nam - án phải tuyên cáo là không có quyền xét xử việc tự ra can thiệp ấy; tòa Nam-án sẽ truyền cho người tự ra can thiệp được đến trước tòa án Tây sở quan mà thừa kiện những người đương-sự nào mà người ấy muốn thừa, tòa Nam-án sẽ định cho một kỳ hạn vừa đủ để cho người ấy đến thừa kiện trước tòa án Tây và truyền hoãn sự xét xử việc chính đến phiên tòa sau; nếu người tự ra can thiệp không tỏ được rằng người ấy đã thừa kiện trước tòa án Tây, thời sau khi hết kỳ hạn đã định, tòa Nam-án sẽ tiếp tục cứu xét về việc kiện chánh đối với những người dân ta và xử án không cần kể đến việc tự ra can thiệp; nhưng nếu người tự ra can thiệp có tỏ được rằng người ấy có thừa kiện trước tòa án Tây rồi, thời tòa Nam - án phải đình hoãn sự xét xử việc kiện chánh cho đến khi tòa án Tây xử xong đã.

Điều thứ 249. — Nếu tòa án Tây tuyên cáo rằng đơn của người tự ra can thiệp là hợp lệ thời cái lệnh tuyên cáo ấy, sau khi đã chung thẩm rồi, tòa Nam-án phải bằng theo đề khi có cần, mà xử về việc kiện đối với những người dân ta, trừ ra khi nào việc kiện ấy không có lẽ gì phải xử nữa thời không kể, và gặp trường-hợp sau này thì tòa Nam-án làm án mà xóa bỏ ngay việc kiện ấy ở trong sổ thọ lý và xử về lệ phí.

Điều thứ 250. — Gặp trường-hợp mà tòa án Tây tuyên cáo đơn của người tự ra can thiệp là không hợp lệ, thời các người đương-sự dân ta lại đến trước tòa Nam-án để tòa này kế tiếp xét xử việc kiện chánh, tuồng như việc tự ra can thiệp không hề có vậy.

TIẾT THỨ II

Thủ tục ở trước các tòa án đặc biệt

Điều thứ 251. — Khi nào một tòa án trên đặc biệt xét xử một việc gì thuộc quyền hạn của tòa án dưới như các trường-hợp định ở luật Trung-Kỳ Pháp-Viện Biên-Chế thời thủ tục phải theo là thủ tục thi hành ở tòa án dưới ấy mà đã do tòa án trên thay thế.

Khi nào việc kiện đem xét tại tòa Cao-Cấp thời theo thủ tục thi hành ở tòa kháng cáo đã do tòa Cao-Cấp thay thế.

TIẾT THỨ III

Thế lệ riêng về khi Quan Thượng-Thor bộ Tư-Pháp đứng kiện

Điều thứ 252. — Gặp trường-hợp quan Thượng-Thor bộ Tư-Pháp thế cho trưởng tộc mà đứng thay mặt người ti ấu hoặc người con cháu để kiện các bậc tôn trưởng của chúng y như đã định ở điều 17 đoạn 2 luật này, thời quan chánh-thẩm phải tùy tình trạng việc kiện mà xét nên đòi người ti ấu hoặc người con cháu nào hay là người giám hộ nào của chúng y đến hầu ở phiên tòa, thời đòi ra để nghe lời chúng y khai nại.

Điều thứ 253. — Phạm những án và định lệnh nào của tòa án có lợi cho người đương-sự đã do quan Thượng-Thơ bộ Tư-Pháp đứng kiện thay ấy, thời phải lấy danh hiệu của quan ấy mà tổng đặt và đem thi hành đối với các bậc tôn trưởng;

Còn những án và định lệnh nào có lợi cho các người tôn trưởng thời chiếu đơn của các người này mà trực tiếp tổng đặt cho các người đương-sự ấy và đem thi hành đối với các người ấy theo như thủ tục thường.

Điều thứ 254. — Khi nào những người đương-sự ấy đã thành niên, thời kỳ hạn kháng cáo và xin thu hồi hay xin thủ tiêu nguyên án, được gia thêm một tháng, trong lúc ấy quan Thượng-Thơ bộ Tư-Pháp vì quyền lợi của các người ấy mà có thể xin kháng cáo, hoặc xin thu hồi hay xin thủ tiêu nguyên án.

Đối với các người đương-sự mà còn vị thành niên thời kỳ hạn ấy cũng được gia thêm một tháng, kỳ hạn ấy tính từ ngày bản sao án hoặc định lệnh của quan chánh-thẩm chuyển đệ về bộ Tư-Pháp, đệ như vậy tức là tổng-đặt. Nếu án hoặc định lệnh ấy đã kê vào bản tổng kê các việc đã xử đệ về bộ Tư-Pháp, thời bản sao án hoặc định lệnh ấy phải đính theo bản tổng kê ấy.

Trong các thủ tục này thời không cần phải dự ký phạt gì, và gặp trường hợp mà sự kháng cáo hoặc sự xin thu hồi hay xin thủ tiêu nguyên án bị bác, thời người đương-sự cũng khỏi bị xử phạt phạt.

TIẾT THỨ IV

Nói về sự phủ Tôn-Nhơn và bộ Lễ Công hội duyệt án

Điều thứ 255. — Hễ trong một việc kiện về hộ-sự hay thương-sự mà có người đương-sự là người Hoàng-phái hoặc Tôn-thất, thời khi nào việc kiện ấy đã đệ về tòa kháng cáo, tòa Tiêu-án, tòa Tái-thẩm hoặc tòa Cao-Cấp, thời quan chánh-thẩm

các tòa án ấy phải tư trình cho quan Thượng-Thơ bộ Tư-Pháp đề quan này tư cho quan Tôn-Nhơn Phủ đại-thần biết. Quan Tôn-Nhơn Phủ đại-thần hoặc quan đại diện quan ấy có quyền đến ngồi ở phiên tòa để hội xét xử.

Quan Tôn-Nhơn Phủ đại-thần làm tờ tư cho bộ Tư-Pháp biết rằng quan ấy có dùng quyền ấy hay không; khi nào quan Thượng-Thơ bộ Tư-Pháp phúc cho quan chánh-thâm các tòa án nói trên biết rằng quan Tôn-Nhơn Phủ đại-thần có đến hội xét xử hay không thời việc kiện mới đem ra xét xử; nếu quan Thượng-thơ bộ Tư-Pháp phúc rằng quan Tôn-Nhơn Phủ đại-thần hoặc quan đại diện quan ấy sẽ đến hội xét xử việc kiện ấy thời định ngày phiên tòa để đem việc kiện ra xét, và khi nào số ý kiến hai bên đều nhau, ý kiến quan chánh-thâm về bên nào thời bên ấy thắng số.

Nếu quan Tôn-Nhơn Phủ đại-thần định không đến hội xét xử việc kiện như đã nói trên, thời quan ấy có quyền gọi cho các tòa án nói trên một tờ tư hoặc một tờ luận trạng để bênh vực quyền lợi cho người Hoàng-Phái hoặc Tôn-thất ở trong vụ kiện ấy.

Điều thứ 256. — Gặp trường-hợp mà vụ kiện có quan thiệp đến đất đai, từ miếu, cung điện, đền chùa và lăng tẩm Nhà Vua thời quan chánh-thâm đã thụ lý việc kiện phải làm một tờ trình văn tấu tư trình quan Thượng-thơ bộ Tư-pháp. Quan này tư cho quan Thượng-thơ bộ Lễ Công và quan Tôn-Nhơn phủ đại thần biết.

Quan Thượng-thơ bộ Lễ Công và quan Tôn-Nhơn phủ đại-thần xét nếu có cần thời có thể phái một người đại diện thấp hàm hơn quan chánh-thâm để hội thẩm việc kiện ấy.

Gặp trường-hợp việc kiện đã đệ về tòa kháng-cáo, tòa tiêu án, tòa tái thẩm, hoặc tòa án Cao-cấp, thời quan chánh-thâm phải tư trình cho quan Thượng-Thơ bộ Tư-Pháp đề quan này tư cho quan Thượng-Thơ bộ Lễ Công và quan Tôn-nhơn Phủ đại-thần. Hai quan này hoặc quan đại diện của hai quan ấy có

thề đến tòa án mà hội thẩm, nhưng chỉ dự hành xét xử về khoản nào có quan thiệp đến các tài sản đã nói ở đoạn trên mà thôi. Hai quan ấy tư cho quan Thượng-Thor bộ Tư-Pháp biết rằng mình có định dùng quyền ấy hay không, và sau khi quan Thượng-Thor bộ Tư-Pháp phúc cho quan chánh-thẩm tòa án xử việc biết rồi, khi ấy việc kiện mới đem ra xét xử; nếu trong tờ phúc ấy nói hai quan ấy sẽ hội thẩm thời quan Thượng-Thor bộ Tư-Pháp định ngày phiên tòa để đem việc kiện ra xét xử và khi nào số ý kiến hai bên đều nhau, ý kiến quan chánh-thẩm về bên nào thời bên ấy thắng số.

CHƯƠNG - THỨ VIII

Nói về cách thức thi hành án kiện

TIẾT THỨ I

Tổng tắc

Điều thứ 257. — Những án hoặc định lệnh của tòa án thời do quan chánh-thẩm hoặc quan tòa đã xử ra án hoặc định lệnh ấy truyền đem thi hành hay là có khi sẽ do quan tòa được ủy thi hành, trừ khi nào luật có định khác thời không kể.

Điều thứ 258. — Viên lục-sự theo lời chỉ bảo của quan tòa có trách nhiệm thi hành mà làm các bản toàn sao hoặc trích sao các án hoặc định lệnh và làm các giấy má khác cần thiết về sự tổng đạt và thi hành.

Điều thứ 259. — Quan tòa sức giao cho lý-trưởng sở tại hoặc hương chức thay mặt lý-trưởng ấy các giấy má nói trên cùng lời chỉ thị cần thiết để làm các cách thức lục tổng.

Lục tổng các án hoặc định lệnh của tòa án thời làm theo cách thức định ở tiết thứ II chương thứ III luật này, trừ ra khi nào luật có định khác thời không kể.

Điều thứ 260. — Bất cứ lúc nào trong khi thi hành án quan tòa có thể uỷ phái một viên chức dưới quyền mình để làm các cách thức lục tổng và làm các việc gì mà luật đã định và đã cho phép để thi hành.

Bất cứ khi việc mới bắt đầu xét hay khi đem thi hành án, khi nào quan tòa cũng có thể khuyên cho hai bên đương-sự hòa giải được, đại khái như là khuyên người mắc nợ gán một khoảnh đất của y cho người chủ nợ để trừ nợ.

TIẾT THỨ II

Những tài sản có thể tịch biên được

Điều thứ' 261. — Tất cả tài sản của người mắc nợ, vô luận là động-sản hay là bất động-sản, hữu hình sản hay vô hình sản, đều cho là vật bảo chứng chung của các người chủ nợ.

Nhưng các vật hạng sau này thời không tịch biên được.

- 1) Y phục của người bị tịch dùng để mặc;
- 2) Khí cụ của thợ thuyền cần dùng về nghề nghiệp của họ;
- 3) Thực phẩm của người bị tịch và gia quyến người ấy ăn dùng trong một tháng;
- 4) Những đồ của người bị tịch và gia quyến người ấy dùng để nằm.
- 5) Tài sản hoặc đồ dùng về việc thờ cúng (phần dưỡng lão của người bị tịch mà phần ấy thì tính bằng phần một đứa con).

Điều thứ' 262. — Tuy nhiên sự «không được tịch biên tự sản» ấy vẫn bị hạn chế theo như các điều trong luật bộ đã định để giữ quyền lợi cho người chủ nợ.

Điều thứ' 263. — Phạm người Nam ta hoặc làm việc với nhà nước hoặc làm việc với nhà tư mà tiền lương, tiền công hay là hưu bổng chưa do thể lệ nào khác định phần được tịch, nếu một năm số lương hưởng quá 400\$00 trở lên, thời trong số ấy, 300\$00 đầu tiên có thể tịch một phần mười ($\frac{1}{10}$) còn 300\$00 sau thời có thể tịch một phần năm ($\frac{1}{5}$); còn về sau nữa, từ cái số quá 600\$00 trở lên thời có thể tịch một phần ba ($\frac{1}{3}$). Sự tịch cứ chiếu tính như thế cho đến khi trả hết nợ. Chỉ di-nhượng được cái số tiền có thể tịch được ấy mà thôi.

Nếu tiền lương tiền công đồng niên không quá 400\$00 thì chỉ có thể tịch đến một phần mười (1/10) mà thôi và có thể di-nhượng trong số một phần mười (1/10) nữa.

Cách tính số lương của người nam ta làm việc Nhà nước để mà trích về phần bị tịch, thì chiếu theo cái nguyên bằng mà tính, không trừ cái số khấu hưu hay là số lương ăn trong khi cáo giả.

Điều thứ 264. — Thuộc về tiền công của người làm công và thợ thuyền, thì không cứ tổng ngạch nhiều ít, chỉ được tịch trong số 1/10, và di nhượng trong số 1/10 khác mà thôi.

Điều thứ 265. — Phạm tất cả những tiền cấp thêm mà không phải là khoản tiền ứng ra mà lấy lại, thì có thể bị tịch.

Những số tiền cấp thêm sẽ tính gộp với tiền lương, tính gộp được bao nhiêu sẽ chiếu theo thể lệ định ở tiết này mà định số bị tịch.

Điều thứ 266. — Sự di nhượng và sự tịch iên về những khoản tiền cấp dưỡng định trong luật annam ta thì không theo sự hạn chế trên này.

TIẾT THỨ III

Nói về tịch biên thi hành

Điều thứ 267. — Khi án đã chung thẩm rồi thì ít ra là 8 ngày trước khi đem thi hành án ấy, quan tòa phải tổng đạt án ấy hay bản trích lục án ấy cho người mắc nợ biết và phải nói rõ rằng người ấy phải tuân hành trong một kỳ hạn do quan tòa định; kỳ hạn ấy không được quá hai tháng.

Điều thứ 268. — Khi nào tài-sản của người mắc nợ đã đem tịch biên bảo thủ rồi, thì trong án xử người ấy phải trả tiền hay là vật gì có giá tương đương, sẽ có thể truyền cải sự « tịch biên bảo thủ » làm sự « tịch biên thi hành » và nếu quá kỳ hạn đã định trong giấy tổng đạt rồi mà người mắc nợ

chưa trả xong, thời quan tòa sẽ phái một người ủy viên theo thẻ thức định sau này mà đem phát mãi ngay những tài sản bị tịch biên ấy.

Điều thứ 269. — Tuy nhiên nếu án có xử cho người mắc nợ sản lòng trả nợ nhưng không thẻ trả nổi thêm một kỳ hạn khác đề lo trả, thời sẽ đình sự phát mãi cho đến khi hết kỳ hạn ấy, nhưng sự tịch biên bảo thủ thời cứ đề nguyên.

Điều thứ 270. — Khi nào người mắc nợ có ký tồn một số tiền do quan tòa đã định để khỏi bị tịch biên bảo thủ, thời án sẽ xử lấy ở trong số tiền ký tồn ấy một số ngang với số xử trả trong án mà trả cho người chủ nợ, để cho người mắc nợ khỏi bị phiền về sự tịch biên; rồi cho phép người chủ nợ đến Kho Nội-Vụ mà lãnh số tiền ấy cùng người mắc nợ đến lãnh số tiền ký tồn còn thừa lại. Mỗi người đến lãnh phải nộp ở Kho Nội-Vụ một bản trích lục án văn do viên lục-sự phát cho và có chữ quan chánh thẩm phê.

Điều thứ 271. — Khi nào không làm tịch biên bảo thủ và không đổi sự tịch biên bảo thủ làm sự tịch biên thi hành, nếu án có xử bắt trả tiền hay là vật gì có giá tương đương và nếu đã quá kỳ hạn định trong bản lục tổng án rồi mà người mắc nợ chưa trả xong, thời quan tòa sở quan có thẻ tự mình hoặc do người chủ nợ có đơn xin và làm giấy kê chỉ các tài sản của người mắc nợ, mà làm lệnh truyền tịch biên thi hành các tài sản ấy.

Điều thứ 272. — Lệnh ấy sẽ ủy một viên dịch nào đề tổng đạt lệnh ấy cho người bị tịch; khi tổng đạt nếu người bị tịch trả số tiền đã xử trả trong án, thời viên ấy sẽ thu mà phát biên lại; nếu người bị tịch đã tiếp được giấy tổng đạt rồi mà không trả xong, thời viên ấy lập tức thực hành ngay sự tịch biên do quan tòa đã truyền mà kê biên kỹ càng những động-sản nào của người mắc nợ mà có thẻ tịch được và trị giá các động sản ấy;

lại làm một bản kê biên nói cả diện tích, xứ sở và tứ cận và trị giá các bất động sản của người ấy nữa, để về sau theo thể thức định sau này mà phát mãi các tài sản đã tịch ấy.

Điều thứ 273. — Nếu giá phát mãi không đủ trả xong các khoản nợ của người bị tịch biên, thời người ấy vẫn kể là còn nợ, và nếu về sau xét được rằng người ấy còn có những tài sản khác nữa hoặc do người ấy trước kia đã giấu đi mà nay xuất hiện ra, hoặc do người ấy mới tạo thêm được, thời sẽ theo thể thức như trên mà tịch biên nữa.

Điều thứ 274. — Khi nào người mắc nợ có ký tồn một số tiền nhưng không đủ đảm khoản nợ, thời quan tòa đã thụ lý việc kiện sẽ thi hành các phương pháp gì và sẽ truyền tịch biên tài sản gì để cho án được toàn hiệu lực.

Điều thứ 275. — Khi nào án có xử bắt một bên đương-sự phải chịu những khoản gì khác ngoài sự bắt trả tiền hay vật gì có giá tương đương, thời quan tòa thi hành án này sẽ cử một viên dịch làm việc tổng đạt và thi hành những phương pháp đã định trong án hay là những phương pháp gì do quan tòa sẽ tùy theo trường hợp, làm lệnh mà định ra sau.

Điều thứ 276. — Những viên dịch nào có trách nhiệm làm việc tổng đạt và thi hành án, phải làm biên bản về tất cả các việc mình đã làm mà đệ về quan tòa kiểm soát lại. Trong việc này, người viên dịch ấy thuộc thẳng về quan tòa ấy. Những viên dịch ấy có làm điều gì lỗi thời sẽ bị xử phạt về tội định trong điều 418 mục thứ II luật hình, và nếu có can tội gian trá, thời sẽ theo tội nặng hơn mà nghĩ xử.

Gặp trường hợp nào, vì sự tịch biên mà có một bên đương-sự kêu nại hay xin trích xuất tài sản gì thời những viên dịch đã nói trên phải làm biên bản hay tờ trình mà đệ về quan tòa xét. Quan tòa tiếp được biên bản hay tờ trình ấy, hoặc tiếp được đơn kêu của người đương-sự gửi thẳng đến mình thời phải hết sức lo giải quyết những điều trở ngại về

sự thi hành ấy. Nếu về sự xin trích xuất mà phát sinh ra một sự tranh tụng thì quan tòa sẽ xét xử về sự xin trích xuất ấy như là xét xử một việc kiện thường. Người đệ tam xin kháng cáo sẽ coi như là người nguyên cáo; quan tòa tất phải truyền thi hành các phương pháp bảo thủ gì đáng làm về tài sản của người đệ tam ấy, để khi có xét ra rằng người ấy xin trích xuất trái lẽ hay là đã thông đồng với người mắc nợ bị tịch mà tự ra xin kháng cáo, thì sẽ bắt người đệ tam ấy phải bồi thường tổn hại cho người chủ nợ.

Điều thứ 277. — Khi nào tỏ ra rằng người mắc nợ đã dụng tâm tìm cách làm cho án không thi hành được như là đã đem giấu những tài sản gì hay đã thông đồng với một người đệ tam để cho người ấy ra xin kháng cáo để làm cho đình hoãn việc phát mại một tài sản gì đã bị tịch biên, thì quan tòa thi hành án ấy phải tư cho quan tòa tòa án địa hạt hay tòa án trưng trị và vì cảnh sở quan, tòa án này có thể làm án mà xử phạt người mắc nợ ấy phạt giam từ một tháng đến hai năm hoặc phạt bạc từ 10\$00 đến 240\$00. Sự truy cứu và sự trừng phạt tội ấy thời chiếu theo thể lệ thông thường định trong luật hình-vụ tổ-tụng mà làm.

Điều thứ 278. — Nếu người mắc nợ có lòng gian, thì tòa án lại có thể ở trong cái án xử bắt người mắc nợ phải trả, hoặc ở trong một cái án sau đã do người chủ nợ xin mà làm ra, nói rõ lý do mà truyền câu thúc thân thể người mắc nợ trong một kỳ hạn vừa phải, theo trong giới hạn điều 41 luật hình đã định.

Sự câu thúc thân thể không thi hành đối với người mắc đã đúng 60 tuổi.

Điều thứ 279. — Nếu người mắc nợ tự trả đủ các khoản tiền mà y đã bị xử trả, thì lập tức phải đình chỉ việc thi hành án xử trả ấy.

Cặp trường hợp này, quan tòa sẽ làm định lệnh công nhận rằng người mắc nợ đã tự trả đủ nợ, và truyền giải trừ tất cả các việc tịch biên trước kia đã làm để thi hành án ấy. Lệnh ấy sẽ tổng đạt cho các người đương-sự và cho các người nào giữ sổ sách đã có đăng ký việc tịch biên, để chú biên sự giải trừ ấy.

Điều thứ 280. — Tuy nhiên nếu có đơn khác kêu xin tịch biên nữa hay là phải làm tịch biên để thi hành những án khác nữa, thời sau khi đã làm ra định lệnh giải trừ nói trên quan tòa lại phải làm ra định lệnh khác mà truyền tịch biên lại những tài sản ấy để bảo chứng cho quyền lợi của những người nguyên cáo khác hay là để bảo chứng cho sự thanh toán các khoản nợ khác. Định lệnh này cũng theo thể thức như định lệnh trước mà tổng đạt và đăng ký.

TIẾT THỨ IV

Phát mãi động sản

Điều thứ 281. — Trước khi phát mãi, thời quan tòa sẽ tùy theo các bất động sản bị tịch biên là thứ gì và giá tiền là bao nhiêu mà định ngày giờ, và chỗ phát mãi để làm yết thị. Nên phát mãi ở một chợ nào gần nhất, hay là ở đình nào nơi có chợ lớn, vào ngày có phiên chợ, nhưng bất cứ ở trường hợp nào, hãy xem cách nào có lợi hơn thời làm.

Điều thứ 282. — Nếu có người xin trích xuất đồ vật gì trước ngày đấu giá, thời sẽ đình phát mãi cho đến khi có án xử về sự xin trích xuất.

Nếu tòa án hộ sơ thẩm nơi làm sự phát mãi, có tiếp được đơn xin trích xuất do uỷ viên thừa hành làm biên bản gửi đến hay là do người đương-sự gửi thẳng đến cho quan tòa, mà xét ra rằng sự xin trích xuất ấy là phải lẽ, thời sự tịch biên sẽ được tiên đi riêng về các đồ vật ấy mà trong án văn phải kê rõ đồ vật ấy.

Nếu đơn xin trích xuất bị bác, thời có thể xử bắt người xin trích xuất liền phải bồi thường tổn hại cho người đứng

tịch biên và cho người bị tịch. Cái án bác sự xin trích xuất ấy sẽ trích lục cho người xin trích xuất, người chủ nợ và người bị tịch biết, mà trong bản trích lục ấy phải nói rõ đến ngày giờ nào thời làm sự phát mãi; ngày ấy phải định cho đủ có thời giờ làm yết thị.

— Án xử về việc xin trích xuất có thể bị kháng tố theo thể lệ thường.

Điều thứ 283. — Ngay trước khi phát mãi, người viên dịch thừa hành phải kiểm điểm lại những đồ vật đã giao cho người canh thủ giữ có đủ hay không. Nếu có thiếu, thời viên ấy phải bảo người canh thủ thuyết minh, rồi làm biên bản những lời thuyết minh của người ấy và kê rõ các vật hạng bị thiếu; biên bản ấy sẽ đệ trình quan tòa sở tại để quan ấy chiếu luật mà làm, nhất là chiếu điều 358 hay 366 luật hình mà truy cứu người canh thủ ấy.

Điều thứ 284. — Phát mãi thời chiếu theo giá đã định riêng từng thứ trong giấy tịch biên mà đấu giá; khi đấu giá thời đánh trống làm hiệu, mỗi lần rao giá hoặc sau khi trả giá phải đánh một tiếng trống, cách một phút đồng hồ lại đánh một tiếng nữa; nếu đánh 3 tiếng trống rồi mà không có người nào trả giá hơn, thời bán cho người trả giá hơn cuối cùng; nhưng đấu mỗi một giá ít nhất cũng phải đến một hào.

Điều thứ 285. — Người nào mua đấu giá mà đã trả tiền, thời được nhận đồ mua làm của mình và được lập tức lấy ra, nếu vật ấy có tí tích gì, cũng không được kêu rai. Mua đồ đấu giá phải trả tiền ngay, nếu không thời vật ấy sẽ bị đem ra đấu giá lại. Gặp trường-hợp này, người viên dịch thừa hành sẽ làm biên bản đệ trình tòa án sở quan chiếu điều 408 luật hình mà truy cứu người đấu giá mua liêu.

Những lệ định trên này, thời do người viên dịch thừa khi sắp phát mãi phải rao to cho công chúng biết.

Điều thứ 286. — Nếu giá đặt bán không ai mua đến, thời

sẽ đấu mại theo cách tự ý trả giá, nghĩa là bán theo giá của một người đến mua tự trả, người ấy không phải là người chủ nợ.

Nếu phát mại mà không người nào mua, thời chiếu cái số đã định giá trong giấy tịch biên, giao cho người chủ nợ đứng tịch phải nhận mua lấy.

Điều thứ 287. — Khi nào phát mại chưa xong mà chiếu theo giá bán được đã quá cái số tiền xử trả trong án và tiền lệ phí về việc kiện rồi, thời người viên dịch thừa hành sẽ đình chỉ sự phát mại mà đem những đồ vật còn thừa để lại chỗ tịch biên, trả cho người bị tịch hay là người nhà người ấy nhận mà lấy giấy biên lai; nếu không ai nhận, thời do lý trưởng hay hương-chức nào thay mặt lý - trưởng ở chỗ tịch biên nhận.

Điều thứ 288. — Bán được bao nhiêu tiền sẽ trừ tiền phí tổn về việc canh thủ và tiền lệ phí rồi, còn bao nhiêu sẽ do người viên dịch thừa hành giao tận tay viên lục-sự tòa án tỉnh để viên ấy theo thẻ thức định trong tiết thứ VI mà phát giao số tiền ấy. Viên lục-sự sẽ làm biên lai trình quan chánh-tham tòa án tỉnh phê chữ rồi giao lại cho người viên dịch thừa hành đem về trình với quan tòa đã ủy mình để quan ấy kiểm soát.

Điều thứ 289. — Tuy nhiên nếu số tiền bán được không quá 50\$00 và người mắc nợ bị tịch hiện không bị phát mại bất động sản, thời quan chánh-tham tòa án tỉnh có thể giao quyền cho quan tham phán tòa án hộ sơ thẩm đem phát giao giá bán ấy cho người chủ nợ đứng tịch, hay khi nào có nhiều chủ nợ, thời đem phân phối giá bán ấy thế nào cho được thỏa đáng, rồi làm biên bản mà sao đệ lên quan chánh-tham tòa án tỉnh duyệt, lại sao một bản nữa, phê chiếu vào rồi sức viên lục-sự giao lại cho người mắc nợ bị tịch để làm bằng rằng y đã trả nợ xong.

TIẾT THỨ V

Phát mãi bất động-sản

Điều thứ 290. — Trước khi phát mãi bất động-sản để thi hành án, thời phải yết thị tại nhiều nơi và trong một thời hạn khá rộng để cho có nhiều người đến đấu giá.

Điều thứ 291. — Ủy viên coi việc thi hành án ấy phải thân hành đến địa điểm sở tại chỗ bất động-sản mà làm biên bản đề về sau làm sự phát mãi; trong biên bản cần phải kê các điều như sau này :

1) Ngày tuyên án mà vì thi hành án ấy nên phải tịch biên và ngày tổng tập án ấy, họ tên người chủ nợ và người mắc nợ, số cộng tiền vốn tiền lời khoản tiền phải trả cùng tiền lệ phí.

2) Lời minh tự rằng người ủy viên có thân hành đến địa điểm bất động-sản.

3) Của bất động-sản là thứ gì, số là bao nhiêu và tọa lạc ở thôn, xã, phủ, huyện hay châu nào, hoặc thành thị nào.

Nếu là nhà cửa, thời biên miếng đất có làm nhà ấy rộng bao nhiêu, biên tên phố, số nhà hoặc họ tên các chủ láng giềng, nhà là nhà gì (nhà ngói hay nhà tranh nhà lầu hay là một tầng v.v...), nếu có thời biên cả các nhà phụ thuộc, và nếu có người thuê nhà và người chủ cầm nhà thời biên cả tên những người ấy và các khoản ước về sự cho thuê và sự cầm ấy;

Nếu là đất thời biên là thứ đất gì (ruộng hay là vườn hay là ao v.v...) diện tích phỏng chừng bao nhiêu, tiếp giáp những gì; nếu có hoa lợi trồng trên đất ấy và người thuê mướn hoặc người lãnh canh hoặc chủ cầm thời biên hoa lợi ấy là thứ gì và tên họ những người ấy cùng các khoản ước thuộc về sự thuê mướn, lãnh canh và cầm ấy.

Nhưng bất cứ bất động-sản là nhà cửa hay là ruộng đất bao giờ cũng phải chiếu trong thuế bạ hoặc địa bạ về chỗ đăng ký nhà cửa hay đất ấy mà biên họ tên người nghiệp chủ, họ

tên người chủ trước cùng những sự chuyển dịch có quan hệ về vật quyền của nhà cửa ruộng đất ấy.

4) Phải minh tự rằng đã bảo cho người bị tịch biết rằng kể từ nay trở đi, hễ có tiêu dùng hoa lợi một cách hợp phép thời phải trình tri, trừ ra khi nào người đệ tam làm giám thủ thời không kê, nhưng gặp trường-hợp này thời phải biên chú vào trong biên bản.

5) Cái giá đặt bán gồm tất cả các « lô » bất động - sản đã bị tịch hay là giá riêng từng « lô » ;

6) Tòa án nào xử về sự tịch biên ấy ;

7) Phát mãi tại chỗ tòa án tỉnh nào, vào ngày giờ phiên tòa nào ;

8) Các thẻ thức sẽ làm sự phát mãi ;

9) Sự nhận thực của lý-trưởng.

Điều thứ 292. — Trong các thẻ lệ phát mãi có thẻ thêm vào một điều khoản riêng về sự bán gồm toàn bộ các « lô » bất động-sản : như thế cũng là hợp lệ và thường thường cũng được thích đáng. Về trường-hợp ấy thời làm như sau này : sau khi mỗi « lô » đã có người đấu giá mua rồi, thời gồm tất cả các « lô » lại mà đem ra đấu giá toàn bộ ; giá bán toàn bộ ấy là chiếu y như giá mua của mỗi « lô » tính cộng lại mà đặt ra. Nếu có người theo giá đặt ấy mà trả cao lên để tranh nhau đấu mua, thời toàn bộ sẽ bán cho người ấy ; nếu không ai mua toàn bộ, thời người nào trước kia đã mua được « lô » nào thời bây giờ cũng vẫn mua được « lô » ấy.

Điều thứ 293. — Biên bản tường kê các bất động - sản bị tịch thời sẽ do người ủy-viên làm ra bằng chữ quốc-ngữ và chữ hán mà đem niêm yết ở chỗ mọi người đều thấy và ở nơi những bất động-sản ấy tọa lạc, gián vào đình mọi làng nơi tọa lạc, gián ở chỗ đình giả ngồi tại tòa án tỉnh, phủ, huyện, châu và ở các phòng giấy tại tòa Sứ. Quan tòa cũng có thể tùy theo tình-trạng và sự lợi ích của những người

đương-sự mà làm định lệnh nói rõ lý do cho phép gián biên bản tường kê ấy vào một nơi nào khác hoặc cho phép trích mà đăng vào báo. nhất là khi nào bất động-sản đem bán ấy là một vật nhiều tiền.

Điều thứ 294. — Lại phải tổng đạt biên bản tường kê ấy cho người mắc nợ bị tịch và cho người chủ nợ biết. Nếu những người ấy có dị nghị đều gì về sự sai lầm trong biên bản tường kê, về các điều kiện phát mãi, về cách chia «lô» định giá v.v... hay là chúng y muốn xin làm yết thị thêm, thời chúng y sẽ trình bày với quan tòa án hộ sơ thẩm.

Điều thứ 295. — Nếu cần chữa lại hay biên chú thêm đều gì vào trong biên bản tường kê, thời quan tòa sẽ làm định lệnh đề chữa lại hay chưa thêm mà đăng yết theo sau biên bản ấy.

Điều thứ 296. — Định lệnh và biên bản tường kê ấy mỗi thứ sẽ làm ra hai bản chánh, đều có chữ phê của quan tòa làm sự tịch biên ấy; một bản sẽ để ở phòng lục-sự tòa án hộ sơ thẩm; một bản sẽ dính vào hồ-sơ mà để vào phòng lục-sự tòa án tỉnh.

Điều thứ 297. — Viên lục-sự tòa án tỉnh tiếp được hồ-sơ ấy, sẽ biên chú việc phát mãi vào sổ thụ lý việc hộ như là một cái đơn khởi tố thường.

Điều thứ 298. — Quan chánh-thẩm tòa án tỉnh phải kiểm soát gấp các giấy tờ trong hồ-sơ để xem có hợp thức hay không. Nếu có tờ nào làm không hợp thức, thời làm định lệnh gọi trả lại cho quan tòa đã tịch biên mà truyền rõ ràng nên làm thế nào cho hợp thức.

Điều thứ 299. — Khi nào sự tịch biên thi hành thuộc về một bất động-sản không đáng giá là bao nhiêu, thời quan chánh-thẩm tòa án tỉnh có thể ủy thác cho quan tòa án hộ sơ thẩm sở tại chỗ bất động-sản ấy đem làm sự phát mãi ngay ở tòa án địa hạt mình rồi phân phối giá bán thế nào cho được thỏa đáng.

Trong trường-hợp này, giấy má của hồ-sơ có thể để ở phòng lục-sự tòa án này; nhưng quan tòa án hộ sơ thẩm phải tư trình cho quan chánh-thẩm tòa án tỉnh biết sự thi hành ấy.

Điều thứ 300. — Thuộc về bất động-sản nào bị xin trích xuất thời sẽ đình phát mãi cho đến khi có án xử về sự xin trích xuất ấy, trừ ra khi nào quan tòa xét ngay được rằng sự xin trích xuất là trái lẽ, thời không kể. Gặp trường-hợp này quan chánh-thẩm tòa án tỉnh sẽ làm định lệnh nói rõ lý do mà cứ việc cho làm sự phát mãi; nhưng đơn xin trích xuất cũng cứ cứu xét. Đơn ấy sẽ chú biên vào thủ tục phát mãi nhưng sẽ xét riêng như là một cái đơn thường. Vậy đơn ấy phải chuyển cho quan tòa án hộ sơ thẩm tại nơi có cái bất động-sản bị xin trích xuất ấy, quan này sẽ đòi hai bên đương-sự đến hầu ở phiên tòa nhưng không cần phải làm hòa giải trước.

Điều thứ 301. — Xét đơn xin trích xuất thời phải xét cho chóng. Quan tòa nào tiếp được đơn xin trích xuất, sẽ đem thi hành các phương-pháp bảo thủ về tài sản của người xin trích xuất để khi có xét ra rằng người ấy xin trích xuất trái lẽ, thời sẽ bắt bồi thường tổn hại, và nếu khi nào xét nên truy cứu người ấy về mặt hình nữa thời cứ truy cứu.

Điều thứ 302. — Đơn xin trích xuất nào đầu tại phòng lục-sự ở ngoài kỳ hạn 30 ngày sau khi đã có án xử phát mãi, thời đơn ấy sẽ bị bác vì lẽ quá hạn. Ngoài hạn ấy, người xin trích xuất chỉ được quyền kêu xin tòa án xử bắt người bị tịch phải bồi thường tổn hại cho mình mà thôi, trừ ra khi nào có sự gian giới thời không được.

Điều thứ 303. — Nếu đơn xin trích xuất được tòa án công nhận là phải lẽ, thời sự tịch biên sẽ được thủ tiêu riêng về các bất động-sản được trích xuất ấy mà trong án phải kê rõ các bất động-sản ấy là những cái gì.

Điều thứ 304. — Nếu đơn xin trích xuất bị bác, thời người xin trích xuất phải chịu tất cả các phí tổn về việc yết thị hay về việc gì khác thuộc về sự xin trích xuất ấy, lại có thể bị

xử bồi thường tổn hại cho người chủ nợ và cho người mắc nợ bị tịch biên. Hễ có án bác sự xin trích xuất dính vào hồ sơ việc phát mãi, thời sự phát mãi lại tiến hành luôn.

Điều thứ 305. — Xét xử đơn kháng cáo về sự phát mãi thời cũng theo lời xét xử đơn xin trích xuất như trên này.

Điều thứ 306. — Nếu có một hay là nhiều đơn xin trích xuất hay là đơn kháng cáo về sự phát mãi, thời sẽ tùy theo trường-hợp mà hoặc đình phát mãi tất cả các bất động-sản bị tịch biên, hoặc chỉ đình phát mãi những bất động-sản nào đã kê trong các đơn ấy mà thôi, còn các bất động-sản mà không ai kêu nài gì thời có thể đem phát mãi riêng ngay được.

Điều thứ 307. — Nếu không có ai đầu đơn xin trích xuất hay xin kháng cáo gì cả, thời sẽ phát mãi trước công chúng ở tòa án tỉnh, khi mới mở phiên tòa xử việc hộ, vào ngày giờ đã định trong biên bản tường kê, hay là vào ngày giờ nào do quan tòa định sau mà đã có công bố.

Điều thứ 308. — Trước khi mở phiên tòa phát mãi, thời hoặc do đơn của một bên đương-sự nào kêu xin, hoặc tự ý mình, quan tòa sẽ xét xem có duyên cớ gì chánh đáng mà nên triển hoãn sự phát mãi đến một nhật kỳ khác không.

Điều thứ 309. — Nếu xét nên triển hoãn, thời quan tòa sẽ làm án nói rõ lý do mà triển hoãn sự phát mãi đến một phiên tòa sau, và truyền gián bản trích lục án ấy vào những chỗ nào mà khi trước đã gián, biên bản tường kê, lại tùy theo trường hợp mà truyền yết thị sự triển hoãn ấy theo tất cả các cách thức đã định về sự yết thị biên bản tường kê.

Các tiền lệ phí vì sự triển hoãn mà thành ra vô ích, thời có thể bắt người xin triển hoãn phải chịu.

Điều thứ 310. — Nếu xét không nên triển hoãn, thời quan chánh-thâm sẽ truyền cho viên lục-sự đem tuyên đọc cái biên bản tường kê và các định lệnh cải chữa gì đã yết thị về sau biên bản ấy, rồi người thừa-phát-lại rao to cái giá đã đặt đề bán và các thẻ thức về sự phát mãi, bắt đầu từ lộ thứ nhất trở đi.

Điều thứ 311. — Bán đấu giá thời lấy trống làm hiệu ; người nào trả giá cao nhất thời mua được. Mỗi một lần trả thêm giá không được trả thêm dưới một đồng bạc, và tòa án có thể chiếu tùy giá trị cái bất động-sản đem bán đó mà định một hơn số một đồng bạc ấy. Sau khi rao giá hay là trả thêm giá, thời cứ hai phút đồng hồ sẽ lại đánh một tiếng trống ; đánh ba tiếng rồi mà không người nào trả hơn, thời cái bất động-sản ấy bán cho người trả giá cao cuối cùng.

Nếu khi chưa đánh xong ba tiếng trống mà có người trả giá hơn, thời lại đánh ba tiếng khác, cho đến khi nào trong ba tiếng trống không có người nào trả giá hơn nữa, rồi mới bán cho người trả giá hơn cuối cùng.

Điều thứ 312. — Mua đấu giá phải trả tiền ngay, giao cho viên lục-sự thu nhận ; viên ấy phải ghi vào sổ phiên tòa và phát biên lai. Giấy biên lai ấy có chép số hiệu việc phát mãi biên ở trong sổ thụ lý việc hộ.

Điều thứ 313. — Nếu giá đặt bán không ai mua đến và nếu người chủ nợ xin tịch biên hay là người nào khác có quyền lợi trong việc này không xin quan tòa đặt giá hạ xuống hay là người ấy có xin mà quan tòa xét không nên cho, thời bất động-sản ấy sẽ chiếu cái giá nguyên đặt trước mà giao cho người chủ nợ mua lấy. Nếu đã đặt giá hạ xuống vừa phải rồi mà cũng không ai mua đến, thời cũng làm như thế, sự hạ giá ấy là làm ngay tại đó, ghi vào sổ phiên tòa và biên chú vào án phát mãi. Nếu một bất động-sản nào vì không ai mua đến, nên giao cho người chủ nợ mua lấy mà cái giá đặt bán bất động sản ấy có quá cái tổng số tiền vốn, tiền lãi khoản nợ và tiền lệ phí mà người bị tịch phải trả cho người chủ nợ, thời người chủ nợ đứng mua phải giao số tiền thừa cho viên lục-sự mà lấy biên lai ; biên lai ấy phải có chữ quan tòa phê. Nếu không có người chủ nợ nào khác ra xin kháng cáo, thời viên lục-sự sẽ giao số tiền thừa ấy cho người bị tịch nhận lãnh, nhưng sự giao ấy phải có quan tòa kiểm soát.

Điều thứ 314. — Nếu người chủ nợ không thể trả hay không muốn trả số tiền thừa ấy, thời viên lục-sự sẽ làm biên bản ghi vào sổ thụ lý việc hộ, rồi quan tòa sẽ theo lệ thường mà đòi cả hai bên nguyên bị đến để định thể thức cho người bị tịch biên được tạm giữ bất động - sản ấy cho đến khi người chủ nợ trả xong số tiền thừa ấy.

Điều thứ 315. — Nếu sau khi chiếu lệ đánh ba tiếng trống, đã bán bất động-sản cho người trả giá hơn rồi, mà người ấy không trả tiền ngay được, thời quan tòa sẽ làm biên bản tự rằng người mua đấu giá ấy không có thể trả tiền được, mà thủ tiêu sự bán đấu giá ấy đi, rồi lập tức đem bất động - sản ấy bán đấu giá lại, nhưng khi nào người chủ nợ xin tịch kê xin dừng tiêu sự phát mãi mà chịu đứng nhận cho người mua đấu giá ấy hoặc cho người bảo lãnh của người ấy là có vật lực, thời sự bán đấu giá ấy khỏi bị thủ tiêu. Gặp trường-hợp này, người chủ nợ phải chịu trách nhiệm về sự trả tiền.

Điều thứ 316. — Nếu người chủ nợ không xin dừng thủ tiêu, mà tòa án đã bán đấu giá lại, thời quan tòa sẽ làm biên bản đề do tòa án địa hạt hay tòa án trưng - trị và vi - cảnh sở quan chiếu điều 408 luật hình mà truy cứu cái người đấu giá mua liều ấy.

Điều thứ 317. — Án phát mãi sẽ sao biên theo sau cái biên bản tường kê đề tại phòng lục-sự tòa án tỉnh. Tờ toàn sao bản án ấy và một tờ toàn sao biên bản tường kê ấy, có chữ quan chánh-thẩm phê, sẽ do viên lục-sự giao cho người đứng mua đề thay cái thư khế thuộc về bất động-sản ấy.

Điều thứ 318. — Sự phát giao số tiền phát mãi thời sẽ làm theo thể lệ định trong tiết thứ VI sau này.

TIẾT THỨ VI

Nói về sự phát giao số tiền phát mãi

Điều thứ 319. — Ngay khi người viên dịch thừa hành việc phát mại động-sản hay là người đứng mua đấu giá bất động-

sản, đã ký tồn số tiền phát mãi tại viên lục-sự tòa án tỉnh rồi (sự ký tồn ấy có quan chánh-thâm kiểm sát), thời quan chánh-thâm tòa án tỉnh sẽ làm định lệnh mà định đến ngày giờ phiên tòa nào thời các chủ nợ và người mắc nợ bị tịch phải đến hầu để tòa án phát giao số tiền phát mãi ấy. Từ ngày ký tồn ấy cho đến ngày phiên tòa nói trên phải ít nhất là 30 ngày. Quan chánh-thâm tòa án tỉnh cũng có thể ủy thác một quan tòa thuộc quyền mình làm sự phát giao số tiền phát mãi. Trong định lệnh ấy, phải truyền rằng ít nhất là 8 ngày trước ngày phiên tòa, những chủ cầm cố bất động sản bị tịch mãi ấy phải đem nộp ở phòng lục-sự một bản kê tiền vốn tiền lời của các khoản nợ của mình và tiền lệ phí.

Điều thứ 320. — Bản sao định lệnh ấy sẽ tổng đạt cho các chủ nợ và cho người mắc nợ bị tịch, theo cách thông thường.

Điều thứ 321. — Nếu những người chủ nợ nào bị đòi đúng phép mà không đến hầu cũng không có giấy cáo và cũng không uỷ người thay mặt đến hầu, thời quan tòa sẽ xét xem tòa án đã đòi họ một cách hợp phép hay không, rồi tùy theo trường-hợp mà xử khuyết tịch đối với những người ấy, hay là làm định lệnh mà truyền đòi chúng y đến hầu phiên tòa sau do quan tòa định lấy. Tổng đạt định lệnh ấy cho chúng y tức là đòi chúng y đến phiên tòa sau phải tới hầu. Chúng y lại có thể do tòa án sở quan chiếu điều 418 luật hình mà xử phạt về tội không đến hầu. Khi nào người mắc nợ bị tịch không đến hầu, thời quan tòa cũng cứ phát giao số tiền phát mãi, chỉ trừ ra khi nào quan tòa xét cần phải có lời thuyết minh của y đề cho sự phân phát được công bằng thời mới triển hoãn sự phân phát đến một nhật kỳ khác.

Điều thứ 322. — Trong phiên tòa đầu tiên hay là trong các phiên tòa sau, quan tòa soát lại các khoản nợ và các quyền lợi ưu tiên thuộc về các khoản nợ ấy; nếu xét ra rằng người mắc nợ đã vỡ nợ từ trước khi tịch biên bảo thủ tài sản của y rồi, thời quan tòa sẽ xét xem có nên theo cách đặc biệt mà thu hồi các quyền lợi của các chủ nợ về sự phân phát số

tiền phát mãi, những tài sản đã tịch biên bảo thủ để đảm bảo món nợ của họ, thời sẽ định thu hồi.

Khi quan tòa làm định lệnh để công nhận hay là bác khước một cái quyền lợi ưu tiên của người chủ nợ nào, thời phải nói rõ lý do.

Điều thứ 323. — Theo lẽ thông thường, thời quan tòa chỉ được công nhận những khoản nợ nào mà đã có án xử phải trả hay là đã có thư khế gì mà không ai tranh kiện mà thôi. Sau khi đã định về sự công nhận hay là bác khước các khoản nợ, quan tòa sẽ phát giao số tiền phát mãi và viên lục-sự sẽ đưa tiền phát mãi ấy cho các chủ nợ ngay ở trước mặt quan tòa, phần của người nào đưa cho người ấy. Phần của người chủ nợ nào vắng mặt sẽ ký tồn tại tòa trong một kỳ hạn là 24 giờ, chờ khi nào y đến nhận thời giao cho y; nếu quá kỳ hạn ấy mà y không đến nhận, thời phần ấy sẽ lấy tên y để ký tồn vào Kho Nội-Vụ mà lấy biên lai. Hễ giao biên lai ấy cho chúng y rồi tất là xong trách nhiệm của viên lục-sự.

Điều thứ 324. — Phân phát số tiền phát mãi, thời trước hết quan tòa trích xuất số tiền lệ phí thuộc về sự phát mãi mỗi động-sản hay mỗi lô bất động-sản, rồi nên chiếu theo thứ tự sau này mà phân phát:

1) Phát giao cho người chủ nợ có cầm cố hợp phép hay là có cái quyền lợi ưu tiên đặc biệt gì khác, nhận đủ tiền vốn, tiền lời, và tiền lệ phí thuộc về món nợ của y;

2) Phát giao cho người chủ nợ đứng xin tịch biên bảo thủ nhận đủ tiền vốn, tiền lời và tiền lệ phí thuộc về món nợ của y. Số tiền phát giao ấy là trích ở trong giá bán các tài sản gì đã đem làm vật bảo đảm cho khoản nợ của y;

Rồi quan tòa đem số tiền còn thừa lại mà phân phát cho các chủ nợ có tư-thự chứng-thư cho đủ với số nợ của chúng y, và nếu không đủ thời chiếu theo các khoản nợ nhiều ít mà sai phân.

Nếu sau khi phân phát mà còn dư tiền, thời giao tiền dư ấy cho người mắc nợ bị tịch biên nhận lãnh.

Điều thứ 325. — Phải làm biên bản nói rõ lý do và tình-trạng các sự phân phát ấy. Quan tòa, viên lục sự và các người đã đến hầu đều phải ký tên vào.

Điều thứ 326. — Một bản biên bản ấy, có chữ quan chánh thẩm tòa án tỉnh phê, sẽ do viên lục-sự giao lại cho người mắc nợ bị tịch để làm bằng rằng y đã trả nợ xong.

Điều thứ 327. — Khi nào có một người chủ nợ kêu xin cũng được hưởng cái sự phát giao số tiền phát mãi mà các chủ kia tranh nại, nhưng xem ra lời kêu ấy tự hồ có lý thời quan tòa sẽ tạm công nhận khoản nợ ấy mà trích một số tiền sẽ phải trả cho chủ nợ ấy nhưng truyền ký tồn tại Kho Nội-Vụ. Sau khi tòa án đã có án xử về việc kêu xin ấy rồi, nếu xử y cho, thời số tiền sẽ giao cho người chủ nợ ấy nhận; nếu xử bác, thời số tiền ấy sẽ tùy theo quyền lợi của các người chủ nợ khác mà phân phát cho các người này.

CHƯƠNG THỨ IX

Nói về sự tịch - biên và phát - mãi hoa - lợi chưa thu hoạch

Điều thứ 328. — Gặp trường-hợp nào cần nên tịch-biên và phát-mãi hoa-lợi chưa thu hoạch trị giá trên 10\$00, thời các công việc sẽ cứ làm theo cách thức và thể lệ định về sự tịch biên và phát-mãi động-sản, chỉ khác mấy điều sau này:

1) Sự tịch biên ấy chỉ được làm trong hạn sáu tuần lễ trước kỳ hoa-lợi thành thực mà thôi;

2) Không làm tờ kê biên mà chỉ làm biên bản tường kê diện tịch, giới hạn của khoảnh đất hiện có hoa-lợi và nói rõ hoa-lợi là thứ gì;

3) Sự phát mãi sẽ làm ngay tại chỗ đất có hoa-lợi ấy, hoặc tại đình làng, hoặc ở nơi nào khác, tùy theo chỗ nào lợi hơn thời làm ;

4) Không được tịch biên phần hoa-lợi cần dùng để cho người bị tịch và gia quyến của y ăn trong một tháng, và nếu có cần dùng để ương giống về mùa sau ở chỗ đất bị tịch-biên hoa-lợi, thời cũng không được tịch phần ấy ; hai phần này sẽ do người bị tịch thu hoạch trước khi phát-mãi, nhưng phải có người ủy-viên kiểm soát ; nếu người bị tịch không chịu thu hoạch lấy, thời y phải chịu phí tổn về sự thu hoạch. Khi người bị-tịch không chịu thu hoạch, thời người ủy-viên sẽ làm biên-bản trình lên tòa án sở-quan để tòa án này xét xem có nên chiếu điều 418 mục thứ II luật hình mà truy cứu người bị tịch hay không.

CHƯƠNG THỨ X

Nói về việc tịch - biên chế - chỉ

Điều thứ 329. — Khi nào trong một việc kiện mà theo lời khai của người chủ nợ, tỏ ra rằng vì một duyên cớ gì mà chính người mắc cũng lại là chủ nợ của một người đệ-tam, dù khoản nợ ấy đã đáo hạn hay chưa đáo hạn, chắc hẳn rồi, hay còn tùy trường-hợp gì khác mới được là chắc, thời vật hạng hay là số tiền, giá phiếu hay là động-sản mà người đệ tam ấy còn thiếu hay là hiện đang giữ, cũng có thể bị tịch biên bảo thủ như là một tài-sản gì có thể tịch được của một người mắc nợ, bất cứ là người đệ tam ấy giữ để làm vật cung cấp, vật cho thuê để dùng về nghề công tác hay kỹ nghệ, hoặc là vật cho vay mượn, vật ký tồn hay cầm cố, hoặc là vật gì khác cũng vậy ; sự bảo thủ ấy gọi là tịch-biên chế-chỉ tại tay người đệ-tam, mà người này thời gọi là « người đệ-tam bị tịch biên ».

Điều thứ 330. — Sự tịch-biên chế-chỉ là do quan tòa làm định lệnh hay là do tòa án đã thụ-lý việc kiện làm án mà truyền

ra; định lệnh hay là án ấy phải biên các điều sau này;

1) Số hiệu của việc kiện đã phát sanh ra sự tịch biên chế chỉ;

2) Họ tên và trú quán người chủ nợ, người mắc nợ và người đệ tam bị tịch;

3) Nguyên do sự tịch-biên chế-chỉ;

4) Vật tịch biên là thứ gì, nhiều hay ít, phần bị tịch biên là bao nhiêu;

5) Cấm người đệ tam không được trả lại các khoản vật hay là tiền bạc đã tịch-biên chế-chỉ cho người mắc nợ, trước khi tòa án chưa xử;

6) Lời cáo-thị cho người đệ-tam bị tịch-biên biết rằng hễ trái lệnh cấm ấy thời phải bị xử phạt về tội định trong điều 358 luật hình và lại phải bồi -thường tổn hại cho người đương - sự bị thiệt;

7) Lời sức người đệ tam bị tịch và các người đương-sự phải chiếu ngày giờ của phiên tòa đã định mà ra hầu trước tòa án đã thụ-lý việc kiện ấy, người đệ-tam bị tịch thời đến hầu để khai chắc chắn và thực thà các khoản ước thuộc về những vật bị tịch - biên chế - chỉ mà y còn thiếu hay hiện còn giữ; những bên đương-sự thời đến hầu để nghe lời khai ấy;

8) Sự ủy một viên dịch tổng đạt định lệnh cho những bên đương-sự và cho người đệ tam bị tịch.

Điều thứ 331. — Kể từ khi tổng-đạt định-lệnh ấy, nếu có một vật gì bị tịch-biên chế-chỉ tại tay người đệ-tam mà bị tiêu thất đi, thời người ấy phải chịu trách nhiệm. Người ấy có thể khai với người ủy-viên những điều gì mà y cho rằng cần phải khai, đại khái như là y không nợ gì cái người mắc nợ, hay là vật bị tịch-biên chế-chỉ là của riêng y v. v... Người ủy-viên sẽ biên-chú lời khai ấy vào trong biên-bản tổng-đạt để quan tòa xét.

Điều thứ 332. — Sự tịch-biên chế-chỉ không được xâm phạm gì đến quyền lợi của người đệ-tam bị tịch-biên theo như khoán ước đã cho người ấy được quyền giữ những vật bị tịch biên chế-chỉ.

Điều thứ 333. — Và lại nếu người đệ-tam bị-tịch muốn thoát trách nhiệm mình mà xin tòa án chọn một người khác làm giám-thủ vật bị tịch-biên chế-chỉ, thời khi nào tòa án cũng phải y cho.

Điều thứ 334. — Khi mở phiên tòa đã định trong định-lệnh tịch biên chế-chỉ, thời phải gọi tên người đệ-tam bị tịch-biên và các người đương-sự; nếu người đệ-tam ấy không đến hầu, thời tòa án sẽ xét xem cách tổng-đạt định-lệnh ấy có đúng phép không, nếu không thời sẽ định một phiên tòa khác mà sức người ấy phải đến hầu và cũng phải báo cho người nguyên-cáo và người bị-cáo biết. Nếu người đương-sự nào không có duyên cớ gì chánh đáng mà không đến hầu, thời sẽ làm biên-bản giao cho tòa án sở-quan có thể chiếu điều 418 mục thứ II luật hình mà xử phạt người đương-sự ấy. Khi xét rằng sự tổng-đạt định-lệnh làm đã hợp phép rồi, thời tòa án sẽ lấy lời cung khai và lời chống cãi của người đệ-tam bị tịch và những người đương-sự, xong sẽ làm biên-bản đọc lên rồi quan chánh-thâm, viên lục-sự và các người đương-sự đều phải ký vào. Người đương-sự nào không biết ký thời in dấu ngón tay vào, nên in ngón tay giữa bên tay mặt thời hơn. Nếu có người đương-sự nào không chịu ký, trong biên bản cũng phải biên-chú và quan tòa lại làm một biên-bản riêng mà nói rõ tình-trạng đề tòa án địa-hạt hay tòa án trưng trị và vi-cảnh sở-quan chiếu điều 418 mục thứ II luật hình mà xử phạt người không chịu ký ấy.

Điều thứ 335. — Nếu gặp trường-hợp mà không phải xử giải trừ bản sự tịch-biên chế-chỉ, thời khi làm xong biên-bản, tòa án sẽ làm án nói rõ lý - do mà định những khoản vật gì người đệ-tam bị tịch-biên hiện thiếu và truyền thi hành các phương - pháp gì cần thiết để giữ lợi quyền cho các người

đương-sự và để những khoản vật bị tịch-biên chế-chỉ khỏi thất lạc và hư hỏng.

Điều thứ 336. — Khoản nợ đã làm sanh ra sự tịch-biên chế-chỉ sẽ được quyền ưu tiên về việc phát giao cái lợi khoản của sự tịch-biên chế-chỉ ấy theo như thể lệ định về những sự tịch biên bảo thủ khác.

Điều thứ 337. — Chỉ khi nào có những nguyên do gì đích đáng như là người chủ nợ có trình ra một cái giấy vay đáng tin, hay là vì có nhiều đơn kêu đòi nợ mà biết rằng người mắc nợ đã bị vỡ nợ, thời mới truyền tịch-biên chế-chỉ để bảo thủ.

Điều thứ 338. — Quan tòa hay tòa án nào đã truyền làm sự tịch-biên chế-chỉ để bảo-thủ, nếu gặp trường-hợp đáng giải-trừ toàn phần hay một phần sự tịch-biên chế-chỉ ấy thời phải làm gấp định lệnh hay là án để truyền giải trừ.

Điều thứ 339. — Định-lệnh hay là án truyền giải-trừ ấy sẽ tổng-đặt cho các bên đương-sự. Một bản định-lệnh hay án ấy, có chữ quan tòa hay quan chánh-thẩm phê, sẽ do viên lục-sự phát cho người bị tịch để làm bằng và để y giao cho người đệ-tam bị tịch hay người giám-thủ mà thu hồi cái tài vật mà y được phép lấy lại.

Điều thứ 340. — Các giấy má thuộc về việc tịch-biên chế-chỉ, như là định-lệnh, biên-bản, án-văn, đều phải dính vào hồ-sơ việc kiện đã làm sanh ra sự tịch-biên chế-chỉ ấy. Nếu không phải là trường-hợp có truyền giải-trừ sự tịch-biên chế-chỉ, thời tòa án sẽ làm án truyền rằng sự tịch-biên chế-chỉ có hiệu lực và truyền cho người đệ-tam bị tịch hay là người giám-thủ (là người hiện giữ những vật bị tịch-biên chế-chỉ) phải tùy theo quyền lợi của người nguyên-cáo và người bị-cáo mà giao vật ấy cho chúng y; quyền lợi ấy, tòa án phải chỉ định rõ-ràng ở trong án. Người nhận lãnh khoản vật ấy phải giao cho người đệ-tam bị tịch hay là người giám thủ một bản án có chữ quan

chánh-thâm phê, và do viên lục-sự phát cho; giao như thế tức là giải - thoát trách - nhiệm của người đệ - tam bị tịch hay là người giám - thủ ấy.

Điều thứ 341. — Khi nào quan tòa truyền tịch-biên chế-chỉ để thi hành một bản án, thời cũng làm như cách trên.

Điều thứ 342. — Khi nào đủ bằng cứ rằng người đệ-tam bị tịch đã thông đồng với người mắc nợ bị tịch mà khai gian trước tòa án để làm thiệt hại quyền lợi của người chủ nợ, thời tòa án sẽ chiếu điều 358 luật hình mà xử phạt người đệ-tam ấy, trừ ra khi nào người ấy có từng thiệt mà khai lại trước khi sự gian dối chưa bại lộ thời không kể.

Điều thứ 343. — Tuy nhiên khi nào sự tịch-biên chế-chỉ thuộc về tiền lương bổng hay là tiền gì khác của một quan viên làm việc với Nam-Triều, hay là thuộc về những số tiền của Nam-Triều còn thiếu với một người mắc nợ bị tịch biên, thời không phải yêu cầu ông quan coi giữ tiền kho đến trước quan tòa hay là trước tòa án để khai nhận số tiền của Nam-triều phải trả mà tiền ấy bao nhiêu đã nhất định rồi. Quan ấy chỉ phải phê vào biên-bản việc tổng đạt sự tịch biên chế-chỉ cho quan ấy mà thôi.

Điều thứ 344. — Khi nào sự tịch-biên chế-chỉ đã được truyền thi hành rồi, thời Phủ Nội - vụ sẽ chiếu theo thẻ thức trong nghị định của Bộ Tài-Chánh mà khấu trừ và trích cấp số tiền bị tịch-biên chế-chỉ. Nghị định ấy sẽ do quan Thượng-Thor Bộ Tài-Chánh thương đồng với quan Thượng-Thor Bộ Tư-Pháp và Chánh-Phủ Bảo-Hộ mà làm ra.

CHƯƠNG CUỐI CÙNG

Thẻ-lệ linh tinh

Điều thứ 345. — Trong những ngày giờ sau này thời không được tổng-đạt hay thi hành những mệnh-lệnh của tòa án: mỗi ngày trước khi mặt trời mọc và sau khi mặt trời lặn, 3 ngày

cuối cùng tháng chạp ta và 7 ngày đầu của tháng giêng ta, trừ ra khi nào nếu đề chậm thời sinh nguy hiểm nên do quan tòa có làm lệnh đặc biệt có nói rõ lý-do mà định khác thời không kể.

Điều thứ 346. — Tính hạn tròn, thời không tính ngày tổng-đạt và ngày cuối cùng của hạn ấy.

Tuy nhiên nếu ngày cuối cùng của một kỳ hạn (hoặc tròn hay không tròn) là một ngày lễ, thời hạn ấy được gia thêm đến ngày hôm sau.

Điều thứ 347. — Các thẻ-thức và thẻ lệ định ở luật này thời phải tuân theo cho đúng, nếu không thời vô hiệu.

Tuy nhiên những sự vô hiệu ấy không thẻ tự tòa án truyền được, trừ ra khi nào luật có định rõ thời không kể. Những sự vô hiệu ấy phải do người đương-sự chỉ trích ra trước khi chống cãi về nội-dung khoản kiện, nếu đề quá thời bị bác.

Điều thứ 348. — Việc thi hành các án ở ngoài quốc-cảnh xứ ta sẽ có thẻ-lệ định sau.

Điều thứ 349. — Thẻ - lệ nào trái với luật này đều đình dụng.

Điều thứ 350. — Nếu trong luật này mà bản chữ pháp, chữ quốc ngữ hay chữ Hán có sự đề ngộ nhau, thời chỉ lấy bản chữ pháp làm chuẩn đích.

Điều thứ 351. -- Luật này đem thi hành kể từ ngày định ở trong Dự ban bố luật này.

Ở các đạo Kontum, Gia-Lai, Darlac, Đồng-Nai, Lâm-viên, Ninh-Thuận (Phanrang) và ở trong Kinh-Thành Huế, thời những tòa án cáo đạo ấy, thành ấy sẽ tùy sự tổ chức về tư-pháp trong hạt mình mà thi hành thẻ-lệ này.



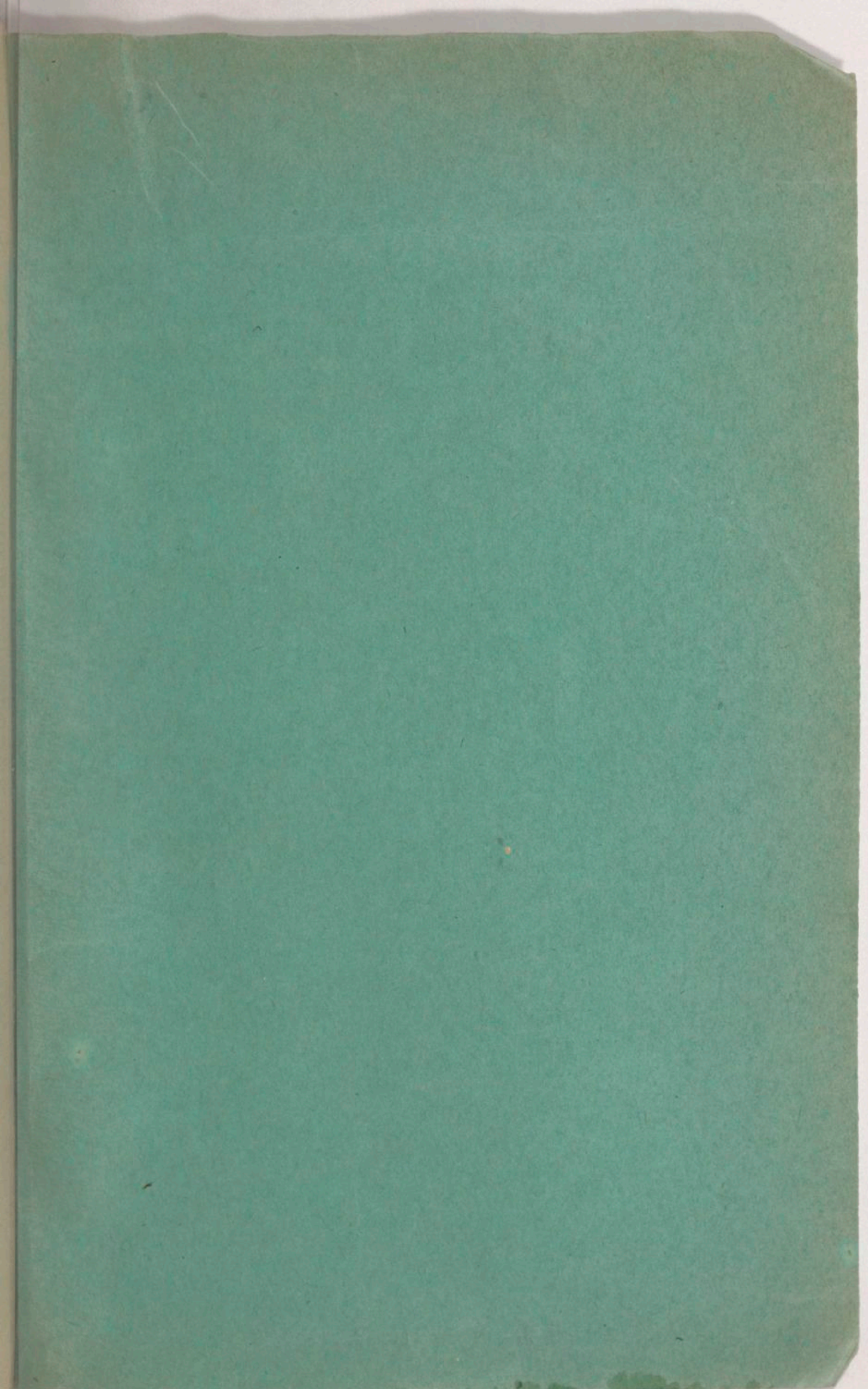
MỤC LỤC

CHƯƠNG THỨ I.	— Nói về việc hòa giải ở ngoài tòa án. Điều thứ 1 đến	6
CHƯƠNG THỨ II.	— Nói về phiên tòa	— 7 » 12
CHƯƠNG THỨ III.	— Thủ tục ở trước tòa sơ thẩm việc hộ.	
Tiết thứ I.	— Nói về đơn khởi tố	— 13 » 24
Tiết thứ II.	— Nói về trát đòi và cách tổng đạt.	— 25 » 31
Tiết thứ III.	— Về việc hai bên đến hầu	— 32 » 34
Tiết thứ IV.	— Nói về việc hòa giải ở trước tòa án.	— 35 » 51
Tiết thứ V.	— Nói về việc tịch-biên bảo thủ.	— 52 » 71
Tiết thứ VI.	— Nói về sự bắt đầu đem việc ra xét xử ; về sự xét xử tiếp theo ; về sự đòi ra dự sự ; về sự xin hưu nại ; nói về khoản kiện khởi lãnh	— 72 » 78
Tiết thứ VII.	— Nói về việc kết án	— 79 » 94
Tiết thứ VIII.	— Nói về án xử khuyết tịch và sự xin kháng án khuyết tịch	— 95 » 115
CHƯƠNG THỨ IV.	— Nói về việc kháng cáo.	
Tiết thứ I.	— Điều khoản chung	— 116 » 129
Tiết thứ II.	— Nói về việc kháng-cáo trước tòa án tỉnh	— 130 » 135
Tiết thứ III.	— Nói về thủ tục trước tòa Thượng-Thẩm.	— 136 » 148
CHƯƠNG THỨ V.	— Nói về các phương-pháp điều tra	— 149 » 156
Tiết thứ I.	— Nói về cuộc xét hỏi	— 157 » 181
Tiết thứ II.	— Nói về sự lý khám nơi có việc tương tranh và về sự giám định	— 182 » 194
Tiết thứ III.	— Nói về việc tra tự dạng	— 195 » 203
Tiết thứ IV.	— Việc trung gian giả mạo	— 204 » 209
Tiết thứ V.	— Nói về sự cấp giao hồ sơ	— 210 » 211
CHƯƠNG THỨ VI.	— Nói về phương-pháp đặc biệt để kháng- tố các án.	

II

Tiết thứ I.	— Nói về sự xin thu hồi nguyên án.	— 212 » 221
Tiết thứ II.	— Nói về việc xin thủ tiêu	— 222 » 231
Tiết thứ III.	— Nói về sự xin kháng cáo của người đệ tam	— 232 » 238
Tiết thứ IV.	— Nói về sự giải thích án văn	— 239 » 242
CHƯƠNG THỨ VII. — Thề lệ đặc biệt.		
Tiết thứ I.	— Nói về sự tự ra can thiệp	— 243 » 250
Tiết thứ II.	— Thủ tục ở trước các tòa án đặc biệt.	— 251
Tiết thứ III.	— Thề lệ riêng về khi quan Thượng- Tư Bộ Tư-Pháp đứng kiện	— 252 » 254
Tiết thứ IV.	— Nói về sự Phủ Tôn-Nhơn và Bộ Lễ Công hội duyệt án	— 255 » 256
CHƯƠNG THỨ VIII. — Nói về cách thức thi hành án kiện.		
Tiết thứ I.	— Tổng tắc	— 257 » 260
Tiết thứ II.	— Những tài sản có thể tịch-biên được.	— 261 » 266
Tiết thứ III.	— Nói về tịch-biên thi hành	— 267 » 280
Tiết thứ IV.	— Phát-mãi động-sản	— 281 » 289
Tiết thứ V.	— Phát-mãi bất động-sản	— 290 » 318
Tiết thứ VI.	— Nói về sự phát giao số tiền phát-mãi.	— 319 » 327
CHƯƠNG THỨ IX. — Nói về sự tịch-biên và phát-mãi hoa- lợi chưa thu hoạch		
		— 328
CHƯƠNG THỨ X. — Nói về việc tịch-biên chễ-chải		
		— 329 » 344
CHƯƠNG CUỐI CÙNG. — Thề lệ linh tinh		
		— 345 » 351

FIN



DÉPÔT LÉGAL